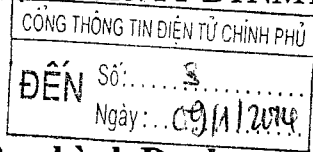


Số: 47 /2013/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2013



THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Điện Biên

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Điện Biên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Điện Biên.

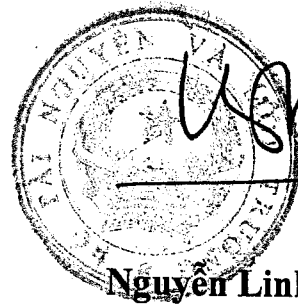
Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 02 năm 2014.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Điện Biên;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Công thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐBBĐVN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



**DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 47 /2013/TT-BTNMT
ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Điện Biên được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Điện Biên được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Điện Biên Phủ, thị xã Mường Lay và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”, TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”, TX. là chữ viết tắt của “thị xã”, H. là chữ viết tắt của “huyện”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN,
KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP
BẢN ĐỒ TỈNH ĐIỆN BIÊN

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Điện Biên gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Điện Biên Phủ	3
2	Thị xã Mường Lay	4
3	Huyện Điện Biên	5
4	Huyện Điện Biên Đông	19
5	Huyện Mường Ảng	29
6	Huyện Mường Chà	34
7	Huyện Mường Nhé	40
8	Huyện Nậm Pồ	45
9	Huyện Tủa Chùa	51
10	Huyện Tuần Giáo	57

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
bản Him Lam 1	DC	P. Him Lam	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 26"	103° 01' 42"					F-48-63-A
bản Him Lam 2	DC	P. Him Lam	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 40"	103° 01' 51"					F-48-63-A
bản Huổi Phạ	DC	P. Him Lam	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 56"	103° 02' 19"					F-48-63-A
hồ Huổi Phạ	TV	P. Him Lam	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 23"	103° 02' 38"					F-48-63-A
sông Nậm Rốm	TV	P. Him Lam	TP. Điện Biên Phủ			21° 24' 42"	103° 02' 28"	21° 23' 47"	103° 00' 40"	F-48-63-A
đồi A1	SV	P. Mường Thanh	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 02"	103° 00' 57"					F-48-63-A
tổ dân phố 1	DC	P. Nam Thanh	TP. Điện Biên Phủ	21° 22' 32"	103° 00' 41"					F-48-63-A
tổ dân phố 6	DC	P. Nam Thanh	TP. Điện Biên Phủ	21° 22' 28"	103° 00' 47"					F-48-63-A
tổ dân phố 9	DC	P. Nam Thanh	TP. Điện Biên Phủ	21° 22' 17"	103° 00' 43"					F-48-63-A
tổ dân phố 11	DC	P. Nam Thanh	TP. Điện Biên Phủ	21° 22' 09"	103° 00' 23"					F-48-63-A
tổ dân phố 14	DC	P. Nam Thanh	TP. Điện Biên Phủ	21° 22' 17"	103° 01' 12"					F-48-63-A
bản Co Cáng	DC	P. Nam Thanh	TP. Điện Biên Phủ	21° 22' 09"	103° 01' 23"					F-48-63-A
bản Khá	DC	P. Nam Thanh	TP. Điện Biên Phủ	21° 22' 27"	103° 01' 39"					F-48-63-A
bản Pom Loi	DC	P. Nam Thanh	TP. Điện Biên Phủ	21° 22' 40"	103° 01' 29"					F-48-63-A
tổ dân phố 2	DC	P. Noong Bua	TP. Điện Biên Phủ	21° 22' 53"	103° 02' 01"					F-48-63-A
tổ dân phố 3	DC	P. Noong Bua	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 13"	103° 02' 05"					F-48-63-A
tổ dân phố 4	DC	P. Noong Bua	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 16"	103° 01' 49"					F-48-63-A
tổ dân phố 6	DC	P. Noong Bua	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 41"	103° 01' 49"					F-48-63-A
bản Hồng Liu	DC	P. Noong Bua	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 08"	103° 01' 41"					F-48-63-A
bản Noong Bua	DC	P. Noong Bua	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 31"	103° 02' 02"					F-48-63-A
bản Phiêng Bua	DC	P. Noong Bua	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 47"	103° 01' 59"					F-48-63-A
tổ dân phố 2	DC	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 25"	102° 59' 47"					F-48-63-A
tổ dân phố 3	DC	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 39"	103° 00' 00"					F-48-63-A
tổ dân phố 6	DC	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 22"	103° 00' 18"					F-48-63-A
tổ dân phố 9	DC	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 55"	102° 59' 49"					F-48-62-B
tổ dân phố 11	DC	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 34"	103° 00' 12"					F-48-63-A
bản Che Phai	DC	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 25' 02"	103° 00' 05"					F-48-63-A
bản Mớ	DC	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 57"	103° 00' 35"					F-48-63-A
bản Na Lanh	DC	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 32"	103° 00' 19"					F-48-63-A
bản Na Púng	DC	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 36"	103° 01' 09"					F-48-63-A
bản Ta Pô	DC	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 43"	103° 00' 36"					F-48-63-A
sông Nậm Rốm	TV	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ			21° 24' 41"	103° 01' 35"	21° 24' 12"	103° 00' 35"	F-48-63-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
quốc lộ 12	KX	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ			21° 29' 32"	103° 01' 13"	21° 24' 11"	103° 00' 10"	F-48-63-A		
sân bay Điện Biên Phủ	KX	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 51"	103° 00' 15"					F-48-63-A		
hầm Đờ Cát	KX	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 07"	103° 00' 30"					F-48-63-A		
bản Kê Nénh	DC	xã Tả Lèng	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 29"	103°04' 02"					F-48-63-A		
bản Nà Nghè	DC	xã Tả Lèng	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 19"	103°04' 57"					F-48-63-A		
bản Tả Lèng	DC	xã Tả Lèng	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 47"	103°03' 20"					F-48-63-A		
tổ dân phố 1	DC	xã Thanh Minh	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 52"	103° 02' 32"					F-48-63-A		
tổ dân phố 2	DC	xã Thanh Minh	TP. Điện Biên Phủ	21° 25' 17"	103° 02' 29"					F-48-63-A		
bản Co Cù	DC	xã Thanh Minh	TP. Điện Biên Phủ	21° 25' 23"	103° 02' 15"					F-48-63-A		
bản Na Lơi	DC	xã Thanh Minh	TP. Điện Biên Phủ	21° 25' 56"	103° 03' 00"					F-48-63-A		
bản Pa Póm	DC	xã Thanh Minh	TP. Điện Biên Phủ	21° 25' 29"	103° 01' 37"					F-48-63-A		
bản Phiêng Lơi	DC	xã Thanh Minh	TP. Điện Biên Phủ	21° 25' 42"	103° 02' 37"					F-48-63-A		
nậm Khẩu Hù	TV	xã Thanh Minh	TP. Điện Biên Phủ			21° 27' 12"	103° 01' 38"	21° 26' 41"	103° 02' 25"	F-48-63-A		
sông Nậm Róm	TV	xã Thanh Minh	TP. Điện Biên Phủ			21° 26' 41"	103° 02' 25"	21° 24' 42"	103° 02' 28"	F-48-63-A		
quốc lộ 279	KX	xã Thanh Minh	TP. Điện Biên Phủ			21° 27' 05"	103° 02' 53"	21° 24' 40"	103° 02' 30"	F-48-63-A		
thủy điện Nà Lơi	KX	xã Thanh Minh	TP. Điện Biên Phủ	21° 26' 24"	103° 02' 43"					F-48-63-A		
bản Bắc 1	DC	P. Lay Nura	TX. Mường Lay	21° 00' 39"	103° 09' 19"					F-48-39-C		
bản Bắc 2	DC	P. Lay Nura	TX. Mường Lay	22° 00' 48"	103° 09' 20"					F-48-39-C		
bản Ho Cang	DC	P. Lay Nura	TX. Mường Lay	21° 59' 45"	103° 08' 42"					F-48-51-A		
bản Ho Luông	DC	P. Lay Nura	TX. Mường Lay	21° 59' 19"	103° 09' 00"					F-48-51-A		
bản Hua Huổi Luông	DC	P. Lay Nura	TX. Mường Lay	22° 00' 16"	103° 06' 51"					F-48-39-C		
bản Huổi Luán	DC	P. Lay Nura	TX. Mường Lay	21° 58' 08"	103° 09' 08"					F-48-51-A		
bản Lé	DC	P. Lay Nura	TX. Mường Lay	21° 58' 36"	103° 08' 26"					F-48-51-A		
bản Lô 1	DC	P. Lay Nura	TX. Mường Lay	21° 58' 35"	103° 08' 53"					F-48-51-A		
bản Lô 2	DC	P. Lay Nura	TX. Mường Lay	21° 58' 39"	103° 08' 57"					F-48-51-A		
bản Mo	DC	P. Lay Nura	TX. Mường Lay	22° 00' 27"	103° 08' 52"					F-48-39-C		
bản Na Ca	DC	P. Lay Nura	TX. Mường Lay	22° 00' 52"	103° 08' 53"					F-48-39-C		
bản Ó	DC	P. Lay Nura	TX. Mường Lay	22° 00' 15"	103° 09' 09"					F-48-39-C		
bản Tạo Sen	DC	P. Lay Nura	TX. Mường Lay	21° 59' 33"	103° 08' 37"					F-48-51-A		
đèo Sá Tổng	SV	P. Lay Nura	TX. Mường Lay	22° 00' 10"	103° 09' 49"					F-48-39-C		
núi Huổi Luông	SV	P. Lay Nura	TX. Mường Lay	22° 00' 08"	103° 07' 05"					F-48-39-C		
nậm Cản	TV	P. Lay Nura	TX. Mường Lay			22° 02' 52"	103° 04' 39"	22° 01' 22"	103° 07' 57"	F-48-39-C		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)		
cầu Huổi Hái quốc lộ 6A huổi Mút huổi Toong khu Đồi Cao sông Đà nằm Lay huổi Min huổi Cái huổi Cây Phắc bản Công Bình nằm Hẹ huổi Múa bản Na Côm bản Nặm Hẹ 1 bản Nặm Hẹ 2 nặm Ngâm nặm Núa bản Pá Hẹ khu Púng Bừa bản Ten Núa bản Tin Đán pu Am Pu cầu Bản Tàu nặm Có bản Co Pục nặm Luống bản Nà Hỷ bản Na Ten pu Nặm Qua	KX	P. Lay Nura	TX. Mường Lay	21° 59' 43"	103° 09' 07"						F-48-39-C
	KX	P. Na Lay	TX. Mường Lay			22° 00' 58"	103° 09' 47"	22° 03' 06"	103° 09' 43"		F-48-39-C
	TV	P. Na Lay	TX. Mường Lay			22° 02' 48"	103° 07' 07"	22° 02' 59"	103° 09' 24"		F-48-39-C
	TV	P. Na Lay	TX. Mường Lay				103° 08' 19"	22° 02' 11"	103° 09' 15"		F-48-39-C
	DC	P. Sóng Đà	TX. Mường Lay		22° 04' 23"	103° 09' 21"					F-48-39-C
	TV	P. Sóng Đà	TX. Mường Lay				22° 06' 10"	22° 04' 14"	103° 11' 21"		F-48-39-C
	TV	P. Sóng Đà	TX. Mường Lay				22° 03' 13"	22° 04' 33"	103° 09' 35"		F-48-39-C
	TV	P. Sóng Đà	TX. Mường Lay				22° 04' 49"	22° 04' 51"	103° 07' 36"		F-48-39-C
	TV	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên				21° 08' 28"	21° 10' 01"	102° 59' 11"		F-48-63-C
	TV	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên								F-48-63-C
	DC	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên		21° 12' 43"	103° 03' 18"			21° 11' 25"	103° 00' 06"	F-48-63-C
	TV	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên					21° 08' 31"	21° 13' 15"	103° 02' 59"	F-48-62-D, F-48-63-C
	TV	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên					21° 15' 33"	21° 15' 58"	103° 06' 39"	F-48-63-A
	DC	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên		21° 11' 24"	102° 59' 57"					F-48-62-D
	DC	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên		21° 12' 54"	103° 02' 02"					F-48-63-C
	DC	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên		21° 12' 32"	103° 01' 33"					F-48-63-C
	TV	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên					21° 16' 12"	103° 07' 06"	103° 01' 57"	F-48-63-C
	TV	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên					21° 12' 06"	103° 03' 19"	103° 03' 23"	F-48-63-C
	DC	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên		21° 13' 12"	103° 03' 11"					F-48-63-C
DC	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên		21° 08' 46"	102° 59' 06"					F-48-62-D	
DC	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên		21° 14' 54"	103° 03' 17"					F-48-63-A	
DC	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên		21° 14' 06"	103° 05' 04"					F-48-63-C	
SV	xã Hua Thanh	H. Điện Biên		21° 28' 41"	102° 57' 54"					F-48-62-B	
KX	xã Hua Thanh	H. Điện Biên		21° 27' 14"	103° 00' 32"					F-48-62-B	
TV	xã Hua Thanh	H. Điện Biên				21° 29' 48"	103° 02' 03"	21° 27' 01"	103° 00' 37"	F-48-63-A	
DC	xã Hua Thanh	H. Điện Biên		21° 27' 10"	103° 00' 50"					F-48-63-A	
TV	xã Hua Thanh	H. Điện Biên						21° 28' 03"	102° 58' 21"	103° 00' 31"	F-48-63-A F-48-62-B
DC	xã Hua Thanh	H. Điện Biên		21° 26' 44"	103° 00' 46"					F-48-63-A	
DC	xã Hua Thanh	H. Điện Biên		21° 27' 58"	102° 59' 25"					F-48-62-B	
SV	xã Hua Thanh	H. Điện Biên		21° 27' 35"	102° 55' 00"					F-48-62-B	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
bản Nậm Ty	DC	xã Hua Thanh	H. Điện Biên	21° 27' 55"	102° 55' 53"					F-48-62-B
	TV	xã Hua Thanh	H. Điện Biên			21° 27' 04"	102° 58' 28"	21° 27' 21"	103° 00' 31"	F-48-63-A
nậm Ngop	SV	xã Hua Thanh	H. Điện Biên	21° 29' 17"	103° 01' 40"					F-48-63-A
pu Pa Sáng	DC	xã Hua Thanh	H. Điện Biên	21° 29' 10"	103° 01' 21"					F-48-63-A
bản Pá Sáng	DC	xã Hua Thanh	H. Điện Biên	21° 27' 33"	103° 00' 31"					F-48-63-A
bản Tàu	TV	xã Hua Thanh	H. Điện Biên			21° 25' 56"	102° 52' 44"	21° 29' 09"	102° 56' 13"	F-48-62-B
nậm Ti	DC	xã Hua Thanh	H. Điện Biên	21° 28' 34"	103° 01' 06"					F-48-63-A
bản Xá Nhù	DC	xã Hua Thanh	H. Điện Biên	20° 56' 57"	103° 13' 41"					F-48-75-A
Đồn Biên phòng 433	KX	xã Mường Lói	H. Điện Biên							F-48-75-A
	TV	xã Mường Lói	H. Điện Biên			20° 59' 30"	103° 13' 44"	20° 58' 22"	103° 15' 23"	F-48-75-A
huổi Chon	TV	xã Mường Lói	H. Điện Biên			20° 54' 38"	103° 14' 39"	20° 55' 46"	103° 15' 20"	F-48-75-A
huổi Có	DC	xã Mường Lói	H. Điện Biên	21° 01' 29"	103° 15' 16"					F-48-63-D
bản Co Đưa	TV	xã Mường Lói	H. Điện Biên			20° 55' 11"	103° 11' 14"	20° 55' 30"	103° 10' 07"	F-48-75-A
huổi Het	DC	xã Mường Lói	H. Điện Biên	21° 01' 09"	103° 17' 07"					F-48-63-D
bản Huổi Chon	DC	xã Mường Lói	H. Điện Biên	21° 01' 26"	103° 13' 25"					F-48-63-C
bản Huổi Không	SV	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 55' 31"	103° 13' 21"					F-48-75-A
pu Huổi Na	KX	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 54' 00"	103° 13' 28"					F-48-75-A
Trạm Biên phòng Huổi Puốc	TV	xã Mường Lói	H. Điện Biên			21° 01' 05"	103° 09' 53"	21° 02' 27"	103° 16' 45"	F-48-63-C
	TV	xã Mường Lói	H. Điện Biên			20° 54' 45"	103° 16' 24"	20° 55' 46"	103° 15' 20"	F-48-75-A
huổi Kia	DC	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 56' 30"	103° 14' 43"					F-48-75-A
bản Lỏi 1	DC	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 56' 26"	103° 14' 44"					F-48-75-A
bản Lỏi 2	SV	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 56' 47"	103° 12' 23"					F-48-75-A
pu Móc Mưn	TV	xã Mường Lói	H. Điện Biên			20° 55' 40"	103° 14' 06"	20° 56' 22"	103° 14' 37"	F-48-75-A
huổi Na	DC	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 55' 37"	103° 09' 56"					F-48-75-A
bản Na Chén	DC	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 57' 23"	103° 12' 45"					F-48-75-A
bản Nạ Cọ	DC	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 54' 16"	103° 15' 16"					F-48-75-B
bản Noong É	DC	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 59' 08"	103° 07' 11"					F-48-75-A
bản Pá Chả	SV	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 54' 53"	103° 09' 17"					F-48-75-B
pu Phung Nét	TV	xã Mường Lói	H. Điện Biên			20° 57' 08"	103° 17' 20"	20° 59' 01"	103° 16' 24"	F-48-75-A
huổi Púng	TV	xã Mường Lói	H. Điện Biên			20° 55' 17"	103° 12' 33"	20° 57' 03"	103° 13' 21"	F-48-75-A
huổi Puốc	SV	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 54' 49"	103° 16' 57"					F-48-75-B
pu Tao	DC	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 58' 18"	103° 15' 35"					F-48-75-B
bản Tín Tóc										

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
bản Ban	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 07' 04"	103° 06' 56"							F-48-63-C
huổi Ca	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên			21° 07' 56"	103° 07' 48"	21° 07' 02"	103° 06' 42"			F-48-63-C
huổi Chai	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên			21° 07' 56"	103° 04' 35"	21° 07' 56"	103° 05' 42"			F-48-63-C
huổi Chậu	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên				103° 04' 24"	21° 07' 56"	103° 04' 35"			F-48-63-C
pu Háng Lla	SV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 09' 37"	103° 07' 46"							F-48-63-C
bản Hổi Hương	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 05' 25"	103° 08' 54"							F-48-63-C
huổi It	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên			21° 03' 42"	103° 06' 57"	21° 05' 26"	103° 07' 30"			F-48-63-C
bản Khon Kén	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 04' 49"	103° 09' 22"							F-48-63-C
huổi La	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên			21° 04' 11"	103° 08' 33"	21° 04' 57"	103° 07' 18"			F-48-63-C
huổi Lắc Con	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên			21° 06' 11"	103° 08' 20"	21° 06' 35"	103° 06' 44"			F-48-63-C
huổi Léch	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên			21° 05' 37"	103° 04' 08"	21° 07' 31"	103° 06' 04"			F-48-63-C
pu Mạy Tùn	SV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 09' 08"	103° 09' 33"							F-48-63-C
bản Na Hóm	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 06' 35"	103° 06' 28"							F-48-63-C
bản Na Khoang	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 07' 09"	103° 06' 08"							F-48-63-C
bản Na Phay	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 08' 09"	103° 05' 45"							F-48-63-C
huổi Ngam	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên					21° 10' 03"	103° 06' 46"	21° 09' 23"	103° 05' 44"	F-48-63-C
nặm Núa	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên					21° 05' 26"	103° 07' 30"	21° 12' 06"	103° 03' 19"	F-48-63-C
huổi Ô	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên					21° 08' 40"	103° 10' 09"	21° 07' 56"	103° 07' 48"	F-48-63-C
bản Pá Có	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 08' 02"	103° 05' 37"							F-48-63-C
huổi Pe	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên			21° 07' 22"	103° 04' 28"	21° 07' 49"	103° 05' 52"			F-48-63-C
pu Pha Ông	SV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 02' 12"	103° 03' 06"							F-48-63-C
bản Phi Cao	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 07' 54"	103° 10' 27"							F-48-63-C
bản Phiêng Sáng	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 08' 05"	103° 05' 39"							F-48-63-C
huổi Săn	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên					21° 05' 49"	103° 09' 38"	21° 05' 26"	103° 07' 30"	F-48-63-C
huổi Tều	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên			21° 09' 20"	103° 07' 07"	21° 07' 54"	103° 05' 44"			F-48-63-C
pu Trung Sừa Phia	SV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 12' 03"	103° 05' 47"							F-48-63-C
bản Trung Tâm	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 07' 45"	103° 06' 04"							F-48-63-C
bản Xóm	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 05' 21"	103° 07' 29"							F-48-63-C
bản Cang 1	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 00"	103° 08' 40"							F-48-63-A
bản Cang 2	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 28' 51"	103° 08' 38"							F-48-63-A
bản Cang 3	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 28' 04"	103° 08' 35"							F-48-63-A
bản Cang 4	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 28' 09"	103° 28' 47"							F-48-63-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Kinh độ (độ,phút,giây)		Kinh độ (độ,phút,giây)		Kinh độ (độ,phút,giây)		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)			
bản Che Cẩn	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 26' 41"	103° 08' 16"					F-48-63-A
bản Co Đuống	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 28' 17"	103° 09' 12"					F-48-63-A
bản Co Liú	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 57"	103° 07' 21"					F-48-63-A
bản Co Mạn 1	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 10"	103° 08' 24"					F-48-63-A
bản Co Mạn 2	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 25"	103° 08' 23"					F-48-63-A
bản Khá	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 26' 27"	103° 09' 27"					F-48-63-A
bản Khẩu Cẩn	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 53"	103° 09' 31"					F-48-63-A
pủ Khẩu Huốt	SV	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 25' 52"	103° 08' 36"					F-48-63-A
bản Loọng Luổng 1	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 28' 42"	103° 08' 50"					F-48-63-A
bản Loọng Luổng 2	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 29' 02"	103° 08' 59"					F-48-63-A
bản Loọng Nghiêu	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 28' 45"	103° 09' 44"					F-48-63-A
bản Loọng Háy	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 29' 06"	103° 09' 13"					F-48-63-A
bản Pá Chả	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 28' 03"	103° 05' 43"					F-48-63-A
bản Phăng 1	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 07"	103° 08' 42"					F-48-63-A
bản Phăng 2	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 12"	103° 08' 54"					F-48-63-A
bản Phăng 3	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 10"	103° 09' 13"					F-48-63-A
bản Pủ Sung	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 02"	103° 04' 23"					F-48-63-A
bản Tân Bình	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 26' 45"	103° 09' 25"					F-48-63-A
bản Vang 1	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 44"	103° 04' 47"					F-48-63-A
bản Vang 2	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 42"	103° 04' 48"					F-48-63-A
bản Yên 1	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 37"	103° 08' 26"					F-48-63-A
bản Yên 2	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 42"	103° 08' 22"					F-48-63-A
bản Yên 3	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 47"	103° 08' 11"					F-48-63-A
pủ An	SV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 30' 11"	102° 58' 13"					F-48-50-D
suối Báng Cang	TV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên			21° 29' 54"	103° 01' 53"	21° 29' 47"	103° 00' 13"	F-48-51-C, F-48-50-D
huổi Chan	TV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên			21° 36' 13"	103° 02' 59"	21° 36' 23"	103° 01' 25"	F-48-51-C, F-48-50-D
bản Cò Chạy 1	DC	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 31' 11"	103° 00' 41"					F-48-51-C
bản Cò Chạy 2	DC	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 31' 21"	103° 00' 40"					F-48-51-C
huổi Dan	TV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên			21° 30' 50"	102° 59' 09"	21° 31' 01"	103° 00' 38"	F-48-51-C, F-48-50-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
huỗi Dén	TV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên			21° 33' 13"	102° 59' 06"	21° 33' 03"	103° 00' 41"	F-48-51-C, F-48-50-D		
pu Hang	SV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 30' 37"	103° 01' 54"					F-48-51-C		
pu Háp	SV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 31' 01"	102° 57' 29"					F-48-50-D		
huỗi Háp	TV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên			21° 31' 50"	102° 59' 38"	21° 32' 04"	103° 00' 33"	F-48-51-C, F-48-50-D		
pu Huỗi Chan	SV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 35' 27"	103° 00' 53"					F-48-51-C		
bản Huỗi Chan 1	DC	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 36' 17"	103° 01' 24"					F-48-51-C		
bản Huỗi Chan 2	DC	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 36' 07"	103° 03' 10"					F-48-51-C		
bản Huỗi Un	DC	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 31' 41"	103° 02' 09"					F-48-51-C		
pu Huỗi Un	SV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 32' 26"	103° 02' 42"					F-48-51-C		
bản Linh	DC	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 34' 16"	103° 00' 54"					F-48-51-C		
huỗi Linh	TV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên			21° 34' 23"	102° 59' 50"	21° 34' 16"	103° 00' 51"	F-48-51-C, F-48-50-D		
bản Mường Pồn 1	DC	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 32' 42"	103° 00' 36"					F-48-51-C		
bản Mường Pồn 2	DC	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 32' 25"	103° 00' 37"					F-48-51-C		
pu Nậm Khẩu Hú	SV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 33' 47"	103° 03' 16"					F-48-51-C		
bản Pá Trá	DC	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 30' 44"	102° 57' 58"					F-48-50-D		
pu Pao	SV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 31' 56"	102° 59' 02"					F-48-50-D		
nậm Pồn	TV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên			21° 32' 18"	103° 00' 36"	21° 34' 52"	103° 00' 59"	F-48-51-C, F-48-50-D		
pu Sura	SV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 33' 04"	102° 59' 05"					F-48-50-D		
nậm Tì	TV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên			21° 29' 45"	102° 54' 56"	21° 35' 05"	102° 59' 05"	F-48-50-D, F-48-62-B		
bản Tìn Tóc	DC	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 34' 49"	103° 01' 02"					F-48-51-C		
huỗi Tìn Tóc	TV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên			21° 34' 52"	103° 00' 59"	21° 35' 23"	103° 00' 30"	F-48-51-C, F-48-50-D		
huỗi Un	TV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên			21° 32' 19"	103° 02' 22"	21° 31' 56"	103° 00' 37"	F-48-51-C, F-48-50-D		
quốc lộ 279	KX	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên			21° 29' 57"	103° 06' 47"	21° 27' 04"	103° 02' 53"	F-48-51-C		
huỗi Hẹ Nội	TV	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên			21° 31' 34"	103° 05' 16"	21° 30' 03"	103° 05' 49"	F-48-51-C		
bản Huỗi Hẹ 1	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 30' 16"	103° 06' 08"					F-48-51-C		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
bản Huổi Hộc bản Nà Ngám 1 bản Nà Ngám 2 bản Nà Ngám 3 bản Nà Nhạn 1 bản Nà Nhạn 2 bản Nà Nhạn 3 bản Nà Nội 1 bản Nà Nội 2 huổi Nà Pen bản Nà Pen 1 bản Nà Pen 2 bản Nậm Khẩu Hủ bản Pá Khôm Thái bản Tầu Pung 1 thủy điện Thác Bay quốc lộ 279 bản Cang 1 bản Cang 2 bản Co Đưa bản Co Sáng bản Hoa bản Hồng Lầu bản Hua Luống bản Hua Róm bản Huổi Hạ kho K31 nậm Khẩu Hủ nậm Luống bản Nà Cái 1 bản Nà Cái 2	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 28' 47"	103° 05' 57"					F-48-63-A
	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 29' 34"	103° 06' 38"					F-48-63-A
	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 29' 39"	103° 06' 33"					F-48-63-A
	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 29' 53"	103° 06' 47"					F-48-63-A
	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 28' 32"	103° 04' 05"					F-48-63-A
	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 28' 07"	103° 03' 54"					F-48-63-A
	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 28' 32"	103° 03' 52"					F-48-63-A
	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 30' 57"	103° 04' 40"					F-48-51-C
	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 29' 56"	103° 05' 56"					F-48-63-A
	TV	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên			21° 30' 26"	103° 03' 44"	21° 29' 27"	103° 02' 42"	F-48-51-C, F-48-63-A
	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 30' 36"	103° 02' 44"					F-48-51-C
	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 30' 18"	103° 02' 36"					F-48-51-C
	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 28' 10"	103° 01' 36"					F-48-63-A
	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 28' 29"	103° 07' 15"					F-48-63-A
	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 29' 28"	103° 04' 54"					F-48-63-A
	KX	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 27' 53"	103° 03' 10"	21° 31' 36"	103° 09' 56"	21° 29' 57"	103° 06' 47"	F-48-51-C
	KX	xã Nà Tầu	H. Điện Biên							F-48-51-C
	DC	xã Nà Tầu	H. Điện Biên	21° 30' 32"	103° 08' 03"					F-48-51-C
	DC	xã Nà Tầu	H. Điện Biên	21° 30' 36"	103° 07' 59"					F-48-51-C
DC	xã Nà Tầu	H. Điện Biên	21° 31' 40"	103° 08' 31"					F-48-51-C	
DC	xã Nà Tầu	H. Điện Biên	21° 31' 47"	103° 08' 20"					F-48-51-C	
DC	xã Nà Tầu	H. Điện Biên	21° 30' 39"	103° 07' 38"					F-48-51-C	
DC	xã Nà Tầu	H. Điện Biên	21° 29' 43"	103° 07' 43"					F-48-63-A	
DC	xã Nà Tầu	H. Điện Biên	21° 29' 57"	103° 08' 50"					F-48-63-A	
DC	xã Nà Tầu	H. Điện Biên	21° 32' 59"	103° 07' 38"					F-48-51-C	
DC	xã Nà Tầu	H. Điện Biên	21° 31' 14"	103° 07' 58"					F-48-51-C	
KX	xã Nà Tầu	H. Điện Biên	21° 30' 03"	103° 07' 21"					F-48-51-C	
TV	xã Nà Tầu	H. Điện Biên			21° 34' 59"	103° 06' 38"	21° 27' 11"	103° 01' 38"	F-48-51-C	
TV	xã Nà Tầu	H. Điện Biên			21° 29' 52"	103° 08' 46"	21° 30' 02"	103° 07' 00"	F-48-63-A	
DC	xã Nà Tầu	H. Điện Biên	21° 30' 53"	103° 07' 33"					F-48-51-C	
DC	xã Nà Tầu	H. Điện Biên	21° 30' 56"	103° 07' 26"					F-48-51-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
bản Nà Láo	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 31' 23"	103° 08' 24"					F-48-51-C
bản Nà Luống 1	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 08"	103° 07' 53"					F-48-63-A
bản Nà Luống 2	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 07"	103° 07' 53"					F-48-63-A
bản Nà Luống 3	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 16"	103° 08' 19"					F-48-51-C
bản Nà Tấu 1	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 35"	103° 02' 07"					F-48-51-C
bản Nà Tấu 2	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 44"	103° 07' 06"					F-48-51-C
bản Nà Tấu 3	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 29"	103° 06' 57"					F-48-51-C
bản Nà Tấu 4	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 06"	103° 07' 19"					F-48-51-C
bản Nà Tấu 5	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 29' 58"	103° 07' 27"					F-48-63-A
bản Nà Tấu 6	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 16"	103° 06' 55"					F-48-51-C
pu Nậm Khẩu Hú	SV	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 35' 49"	103° 04' 37"					F-48-51-C
pú Phá Thổng	SV	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 34' 21"	103° 06' 22"	21° 34' 11"	103° 05' 41"	21° 33' 45"	103° 03' 55"	F-48-51-C
huổi Phá Thổng	TV	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 31' 53"	103° 09' 01"	21° 31' 15"	103° 08' 05"	21° 29' 58"	103° 06' 47"	F-48-51-C
bản Phiêng Ban	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên							F-48-51-C
nậm Róm	TV	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 31' 51"	103° 08' 38"					F-48-51-C
bản Tà Cáng 1	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 32' 19"	103° 08' 41"					F-48-51-C
bản Tà Cáng 2	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 08"	103° 07' 12"					F-48-51-C
bản Trung Tâm 1	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 29' 49"	103° 07' 04"					F-48-63-A
bản Trung Tâm 2	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 56"	103° 08' 13"					F-48-51-C
bản Xôm	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên			21° 08' 00"	103° 02' 08"	21° 07' 56"	103° 04' 35"	F-48-63-C
huổi Chanh	TV	xã Nà Tồng	H. Điện Biên			21° 06' 52"	103° 03' 06"	21° 07' 56"	103° 04' 35"	F-48-63-C
huổi Châu	TV	xã Nà Tồng	H. Điện Biên							F-48-62-D
bản Gia Phú A	DC	xã Nà Tồng	H. Điện Biên	21° 05' 35"	102° 58' 21"					F-48-62-D
bản Gia Phú B	DC	xã Nà Tồng	H. Điện Biên	21° 05' 12"	102° 58' 26"					F-48-63-C
bản Hát Tao	DC	xã Nà Tồng	H. Điện Biên	21° 11' 44"	103° 03' 35"					F-48-62-D
nậm Hẹ	TV	xã Nà Tồng	H. Điện Biên			21° 06' 22"	103° 00' 01"	21° 06' 58"	102° 59' 06"	F-48-63-C
bản Hìn Phon	DC	xã Nà Tồng	H. Điện Biên	21° 10' 49"	103° 02' 22"					F-48-63-C
bản Huổi Chanh	DC	xã Nà Tồng	H. Điện Biên	21° 08' 13"	103° 03' 27"					F-48-63-C
huổi Hưom	TV	xã Nà Tồng	H. Điện Biên			21° 09' 35"	103° 03' 57"	21° 09' 20"	103° 05' 00"	F-48-63-C
huổi Kho Khe	TV	xã Nà Tồng	H. Điện Biên			21° 11' 27"	103° 05' 17"	21° 10' 48"	103° 04' 44"	F-48-63-C
huổi Kín	TV	xã Nà Tồng	H. Điện Biên			21° 09' 24"	103° 03' 15"	21° 10' 51"	103° 04' 10"	F-48-63-C
bản Na Hưom	DC	xã Nà Tồng	H. Điện Biên	21° 09' 00"	103° 05' 01"					F-48-63-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
bản Na Ô	DC	xã Na Tông	H. Điện Biên	21° 08' 28"	103° 05' 08"					F-48-63-C
bản Na Sắn	DC	xã Na Tông	H. Điện Biên	21° 10' 11"	103° 04' 22"					F-48-63-C
bản Na Tông 1	DC	xã Na Tông	H. Điện Biên	21° 10' 18"	103° 04' 29"					F-48-63-C
bản Na Tông 2	DC	xã Na Tông	H. Điện Biên	21° 09' 41"	103° 05' 03"					F-48-63-C
huỗi Ôm Bọt	TV	xã Na Tông	H. Điện Biên			21° 12' 17"	103° 04' 59"	21° 11' 29"	103° 03' 43"	F-48-63-C
bản Pá Kín	DC	xã Na Tông	H. Điện Biên	21° 10' 43"	103° 04' 17"					F-48-63-C
huỗi Pha Cư	TV	xã Na Tông	H. Điện Biên			21° 07' 12"	103° 00' 48"	21° 08' 31"	102° 58' 56"	F-48-62-D
huỗi Pha Lay	TV	xã Na Tông	H. Điện Biên			21° 04' 31"	103° 00' 57"	21° 05' 59"	103° 06' 50"	F-48-63-C
huỗi Quang	TV	xã Na Tông	H. Điện Biên			21° 09' 47"	103° 07' 12"	21° 08' 56"	103° 05' 06"	F-48-63-C
pu Sơn Tông	SV	xã Na Tông	H. Điện Biên	21° 06' 59"	102° 59' 45"					F-48-62-D
bản Sơn Tông	DC	xã Na Tông	H. Điện Biên	21° 06' 34"	103° 01' 42"					F-48-63-C
huỗi Sơn Tông	TV	xã Na Tông	H. Điện Biên			21° 04' 46"	103° 00' 41"	21° 04' 52"	103° 02' 09"	F-48-63-C
huỗi Vàng Sừ	TV	xã Na Tông	H. Điện Biên			21° 06' 58"	102° 59' 06"	21° 08' 07"	102° 58' 39"	F-48-62-D
quốc lộ 279	KX	xã Na U'	H. Điện Biên			21° 16' 28"	102° 56' 36"	21° 13' 06"	102° 54' 22"	F-48-62-D
Đồn Biên phòng Cửa khẩu Tây Trang 429	KX	xã Na U'	H. Điện Biên	21° 14' 58"	102° 54' 59"					F-48-62-D
pu Cao Pen	SV	xã Na U'	H. Điện Biên	21° 12' 18"	102° 54' 59"					F-48-62-D
bản Con Cang	DC	xã Na U'	H. Điện Biên	21° 13' 33"	102° 56' 05"					F-48-62-D
Trạm Biên phòng Cửa khẩu Tây Trang	KX	xã Na U'	H. Điện Biên	21° 12' 51"	102° 54' 30"					F-48-62-D
bản Hua Thanh	DC	xã Na U'	H. Điện Biên	21° 12' 20"	102° 57' 12"					F-48-62-D
huỗi Ka Hâu	TV	xã Na U'	H. Điện Biên			21° 14' 08"	102° 55' 26"	21° 16' 13"	102° 56' 44"	F-48-62-B
bản Ka Hâu A	DC	xã Na U'	H. Điện Biên	21° 14' 39"	102° 55' 03"					F-48-62-D
pu Mai Nai	SV	xã Na U'	H. Điện Biên	21° 10' 06"	102° 57' 59"					F-48-62-D
huỗi Mòi	TV	xã Na U'	H. Điện Biên			21° 13' 56"	102° 54' 18"	21° 15' 22"	102° 51' 54"	F-48-62-D
bản Na Láy	DC	xã Na U'	H. Điện Biên	21° 15' 13"	102° 55' 04"					F-48-62-B
bản Na U'	DC	xã Na U'	H. Điện Biên	21° 11' 42"	102° 57' 28"					F-48-62-D
huỗi Nậm Hẹ	TV	xã Na U'	H. Điện Biên			21° 08' 07"	102° 58' 39"	21° 11' 00"	102° 59' 28"	F-48-62-D
huỗi Rổng	TV	xã Na U'	H. Điện Biên			21° 10' 55"	102° 55' 21"	21° 10' 40"	102° 59' 08"	F-48-62-D
bản Huỗi Púng	DC	xã Noong Hẹt	H. Điện Biên	21° 19' 02"	103° 03' 10"					F-48-63-A
thôn Lập Thành	DC	xã Noong Hẹt	H. Điện Biên	21° 18' 35"	103° 01' 14"					F-48-63-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)		
sông Nậm Rốm bản Noong Hẹt bản Phủ thôn Sam Phương thôn A1 bản Co Luống bản Huổi Phúc bản Liếng sông Nậm Núa bản Nôm bản On bản Phiêng Quái bản Thanh Chính bản U Va bản Hát Hẹ bản Hợp Thành bản Huổi Hua bản Na Dôn bản Na Sang 1 bản Na Sang 2 bản Pá Bông bản Pá Ngam 1 bản Sải Lương bản Ta Lét bản Tân Ngam nậm Phăng bản Bó bản Bua bản Co Cườm bản Co Thón bản Công bản Đông Mệt	TV	xã Noong Hẹt	H. Điện Biên			21° 19' 03"	102° 59' 49"	21° 17' 46"	103° 00' 02"	F-48-63-A	
	DC	xã Noong Hẹt	H. Điện Biên	21° 18' 18"	102° 59' 59"					F-48-63-A	
	DC	xã Noong Hẹt	H. Điện Biên	21° 18' 56"	103° 00' 18"					F-48-63-A	
	DC	xã Noong Hẹt	H. Điện Biên	21° 18' 01"	103° 00' 06"					F-48-63-A	
	DC	xã Noong Luống	H. Điện Biên	21° 17' 52"	102° 59' 37"					F-48-62-B	
	DC	xã Noong Luống	H. Điện Biên	21° 17' 52"	102° 58' 18"					F-48-62-B	
	DC	xã Noong Luống	H. Điện Biên	21° 18' 40"	102° 58' 13"					F-48-62-B	
	DC	xã Noong Luống	H. Điện Biên	21° 18' 21"	102° 18' 21"					F-48-62-B	
	TV	xã Noong Luống	H. Điện Biên			21° 19' 03"	102° 59' 49"	21° 17' 19"	102° 56' 39"	F-48-62-B	
	DC	xã Noong Luống	H. Điện Biên	21° 18' 58"	102° 58' 35"					F-48-62-B	
	DC	xã Noong Luống	H. Điện Biên	21° 19' 04"	102° 59' 20"					F-48-62-B	
	DC	xã Noong Luống	H. Điện Biên	21° 17' 55"	102° 58' 50"					F-48-62-B	
	DC	xã Noong Luống	H. Điện Biên	21° 17' 40"	102° 58' 26"					F-48-62-B	
	DC	xã Noong Luống	H. Điện Biên	21° 17' 11"	102° 59' 26"					F-48-62-B	
	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 16' 03"	103° 02' 27"					F-48-63-A	
	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 15' 31"	103° 03' 57"					F-48-63-A	
	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 13' 00"	103° 04' 29"					F-48-63-C	
	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 15' 17"	103° 01' 38"					F-48-63-A	
	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 15' 55"	103° 05' 38"					F-48-63-A	
	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 16' 00"	103° 06' 48"					F-48-63-A	
	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 15' 43"	103° 04' 41"					F-48-63-A	
	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 15' 21"	103° 03' 36"					F-48-63-A	
	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 14' 32"	103° 01' 55"					F-48-63-A	
	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 15' 25"	103° 02' 49"					F-48-63-A	
	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 15' 38"	103° 04' 24"					F-48-63-A	
	TV	xã Pá Khoang	H. Điện Biên				21° 23' 41"	103° 07' 10"	21° 26' 07"	103° 07' 34"	F-48-63-A
	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 24' 54"	103° 05' 33"						F-48-63-A
	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 26' 58"	103° 07' 56"						F-48-63-A
DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 25' 35"	103° 05' 12"						F-48-63-A	
DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 26' 21"	103° 07' 48"						F-48-63-A	
DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 24' 57"	103° 07' 23"						F-48-63-A	
DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 26' 33"	103° 07' 33"						F-48-63-A	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
bản Hà 1 bản Hà 2 bản Muống bản Nghiu 1 bản Nghiu 2 hồ Pá Khoang nậm Phung bản Sáng bản Ten bản Xóm 1 bản Xóm 2 bản Xóm 3 Đồn Biên phòng 425 pu Lao Yao huổi Mơi bản Pa Thơm Trạm Biên phòng Pa Thơm bản Pa Xa Lào bản Pa Xa Xá bản Púng Bon động Tam Hoa huổi Tát Mạ bản Xa Cuống huổi Cảnh huổi Chén pu Côn Tăng huổi Há huổi Han huổi Hua bản Huổi Cảnh huổi It	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 24' 14"	103° 05' 56"					F-48-63-A
	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 24' 17"	103° 05' 22"					F-48-63-A
	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 24' 12"	103° 06' 16"					F-48-63-A
	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 24' 20"	103° 07' 15"					F-48-63-A
	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 24' 07"	103° 07' 20"					F-48-63-A
	TV	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 26' 04"	103° 06' 35"					F-48-63-A
	TV	xã Pá Khoang	H. Điện Biên			21° 23' 45"	103° 07' 10"	21° 26' 07"	103° 07' 34"	F-48-63-A
	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 23' 20"	103° 05' 43"					F-48-63-A
	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 25' 13"	103° 07' 29"					F-48-63-A
	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 25' 04"	103° 07' 44"					F-48-63-A
	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 25' 32"	103° 07' 49"					F-48-63-A
	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 25' 22"	103° 07' 48"					F-48-63-A
	KX	xã Pa Thơm	H. Điện Biên	21° 18' 43"	102° 54' 24"					F-48-62-B
	SV	xã Pa Thơm	H. Điện Biên	21° 18' 29"	102° 57' 12"					F-48-62-B
	TV	xã Pa Thơm	H. Điện Biên			21° 15' 22"	102° 51' 54"	21° 14' 51"	102° 49' 10"	F-48-62-B
	DC	xã Pa Thơm	H. Điện Biên	21° 18' 46"	102° 55' 01"					F-48-62-B
	KX	xã Pa Thơm	H. Điện Biên			21° 17' 34"	102° 56' 34"			F-48-62-B
	DC	xã Pa Thơm	H. Điện Biên	21° 18' 34"	102° 55' 02"					F-48-62-B
	DC	xã Pa Thơm	H. Điện Biên	21° 18' 56"	102° 55' 08"					F-48-62-B
	DC	xã Pa Thơm	H. Điện Biên	21° 18' 10"	102° 54' 07"					F-48-62-B
	KX	xã Pa Thơm	H. Điện Biên	21° 17' 10"	102° 55' 01"					F-48-62-B
	TV	xã Pa Thơm	H. Điện Biên			21° 20' 57"	102° 55' 41"	21° 18' 39"	102° 55' 12"	F-48-62-B
	DC	xã Pa Thơm	H. Điện Biên	21° 19' 40"	102° 55' 50"					F-48-62-B
	TV	xã Phu Luống	H. Điện Biên			20° 59' 15"	103° 05' 29"	20° 59' 25"	103° 07' 46"	F-48-75-A
	TV	xã Phu Luống	H. Điện Biên			20° 54' 27"	103° 07' 56"	20° 55' 46"	103° 09' 47"	F-48-75-A
SV	xã Phu Luống	H. Điện Biên							F-48-75-A	
TV	xã Phu Luống	H. Điện Biên			20° 59' 42"	103° 10' 44"	20° 58' 32"	103° 10' 14"	F-48-75-A	
TV	xã Phu Luống	H. Điện Biên			20° 59' 17"	103° 11' 05"	20° 58' 18"	103° 10' 39"	F-48-75-A	
TV	xã Phu Luống	H. Điện Biên			20° 55' 21"	103° 06' 27"	20° 57' 26"	103° 12' 02"	F-48-75-A	
DC	xã Phu Luống	H. Điện Biên			20° 58' 52"	103° 06' 45"			F-48-75-A	
TV	xã Phu Luống	H. Điện Biên			21° 01' 18"	103° 05' 15"	21° 03' 42"	103° 06' 57"	F-48-63-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
bản Kham Pọt	DC	xã Phu Luông	H. Điện Biên	21° 00' 24"	103° 07' 55"						F-48-63-C	
	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên			20° 59' 49"	103° 05' 45"	20° 59' 27"	103° 08' 35"		F-48-75-A	
pu Lang Hươn	SV	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 58' 23"	103° 08' 57"						F-48-75-A	
	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên			20° 54' 06"	103° 06' 57"	20° 54' 49"	103° 07' 36"		F-48-75-A	
huổi Lao Thao	SV	xã Phu Luông	H. Điện Biên	21° 02' 54"	103° 06' 55"						F-48-63-C	
	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên			20° 59' 27"	103° 08' 35"	21° 02' 30"	103° 16' 46"		F-48-75-A	
nậm Ma	DC	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 58' 49"	103° 09' 46"						F-48-75-A	
	DC	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 58' 32"	103° 10' 24"						F-48-75-A	
bản Na Há 1	DC	xã Phu Luông	H. Điện Biên								F-48-75-A	
	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên			20° 57' 34"	103° 05' 13"	20° 58' 42"	103° 06' 50"		F-48-75-A	
nậm Nhụ	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên			20° 55' 06"	103° 06' 49"	20° 55' 10"	103° 07' 27"		F-48-75-A	
	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên								F-48-75-A	
huổi Nương	SV	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 59' 39"	103° 04' 26"						F-48-75-A	
	SV	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 57' 37"	103° 10' 30"						F-48-75-A	
pu Pá Khôm	SV	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 56' 45"	103° 05' 28"						F-48-75-A	
	SV	xã Phu Luông	H. Điện Biên								F-48-75-A	
pu Pao	SV	xã Phu Luông	H. Điện Biên								F-48-75-A	
	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên	21° 02' 07"	103° 07' 08"	20° 57' 00"	103° 05' 19"	20° 58' 32"	103° 10' 10"		F-48-75-A	
huổi Phong	DC	xã Phu Luông	H. Điện Biên								F-48-63-C	
	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên			20° 59' 52"	103° 10' 21"	20° 59' 05"	103° 09' 08"		F-48-75-A	
bản Pu Lau	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 57' 49"	103° 05' 39"						F-48-75-A	
	SV	xã Phu Luông	H. Điện Biên			21° 01' 56"	103° 07' 04"	20° 59' 27"	103° 08' 35"		F-48-63-C	
huổi Rôm	SV	xã Phu Luông	H. Điện Biên								F-48-75-A	
	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên								F-48-75-A	
pu Tàng	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên								F-48-75-A	
	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên								F-48-63-C	
huổi Xê	DC	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 59' 09"	103° 09' 01"						F-48-75-A	
	DC	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 59' 15"	103° 09' 07"						F-48-75-A	
bản Xê 1	DC	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 59' 38"	103° 08' 26"						F-48-75-A	
	DC	xã Phu Luông	H. Điện Biên	21° 16' 33"	102° 59' 19"						F-48-62-B	
bản Na Có	DC	xã Pom Lót	H. Điện Biên	21° 16' 54"	102° 57' 43"						F-48-62-B	
	DC	xã Pom Lót	H. Điện Biên	21° 16' 24"	102° 59' 50"						F-48-62-B	
bản Na Hai	DC	xã Pom Lót	H. Điện Biên	21° 16' 35"	102° 58' 50"						F-48-62-B	
	DC	xã Pom Lót	H. Điện Biên			21° 17' 06"	102° 59' 51"	21° 17' 19"	102° 56' 39"		F-48-62-B	
bản Na Ten	DC	xã Pom Lót	H. Điện Biên	21° 16' 46"	102° 59' 46"						F-48-62-B	
	DC	xã Pom Lót	H. Điện Biên	21° 16' 46"	102° 59' 52"						F-48-62-B	
bản Na Thín	DC	xã Pom Lót	H. Điện Biên	21° 17' 18"	103° 00' 30"						F-48-63-A	
	TV	xã Pom Lót	H. Điện Biên								F-48-63-A	
sông Nậm Núa	DC	xã Pom Lót	H. Điện Biên	21° 16' 33"	103° 01' 34"						F-48-63-A	
	DC	xã Pom Lót	H. Điện Biên								F-48-63-A	
bản Pa Nậm	KX	xã Pom Lót	H. Điện Biên								F-48-63-A	
	KX	xã Pom Lót	H. Điện Biên								F-48-63-A	
cầu Pa Nậm	DC	xã Pom Lót	H. Điện Biên								F-48-63-A	
	KX	xã Sam Mừn	H. Điện Biên			21° 18' 06"	103° 00' 31"	21° 16' 28"	102° 56' 36"		F-48-63-A	
bản Pom Lót	DC	xã Sam Mừn	H. Điện Biên								F-48-63-A	
	DC	xã Sam Mừn	H. Điện Biên								F-48-63-A	
quốc lộ 279	DC	xã Sam Mừn	H. Điện Biên								F-48-63-A	
bản Cang	DC	xã Sam Mừn	H. Điện Biên								F-48-63-A	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
bản Co My	DC	xã Sam Mứn	H. Điện Biên	21° 16' 03"	103° 01' 47"					F-48-63-A
bản Đon Đừa	DC	xã Sam Mứn	H. Điện Biên	21° 17' 02"	103° 01' 31"					F-48-63-A
hồ Hồng Sặt	TV	xã Sam Mứn	H. Điện Biên	21° 17' 31"	103° 02' 01"					F-48-63-A
bản Lọng Bon	DC	xã Sam Mứn	H. Điện Biên	21° 18' 15"	103° 01' 46"					F-48-63-A
nậm Núa	TV	xã Sam Mứn	H. Điện Biên			21° 16' 06"	103° 02' 10"	21° 17' 06"	102° 59' 51"	F-48-63-A
bản Sam Mứn	DC	xã Sam Mứn	H. Điện Biên	21° 17' 45"	103° 01' 34"					F-48-63-A
đội 9	DC	xã Thanh An	H. Điện Biên	21° 20' 41"	103° 01' 41"					F-48-63-A
bản Chiềng An	DC	xã Thanh An	H. Điện Biên	21° 20' 38"	103° 01' 23"					F-48-63-A
bản Chiềng Chung	DC	xã Thanh An	H. Điện Biên	21° 19' 58"	103° 01' 37"					F-48-63-A
bản Co Trai	DC	xã Thanh An	H. Điện Biên	21° 19' 47"	103° 01' 35"					F-48-63-A
thôn Đồng Biên	DC	xã Thanh An	H. Điện Biên	21° 20' 07"	103° 01' 31"					F-48-63-A
thôn Hoàng Công Chất	DC	xã Thanh An	H. Điện Biên	21° 19' 16"	103° 00' 20"					F-48-63-A
huổi Hồng Khoang	TV	xã Thanh An	H. Điện Biên			21° 20' 28"	103° 01' 18"	21° 20' 00"	103° 00' 30"	F-48-63-A
bản Huổi Cánh	DC	xã Thanh An	H. Điện Biên	21° 19' 27"	103° 01' 49"					F-48-63-A
bản Sáng	DC	xã Thanh An	H. Điện Biên	21° 20' 23"	103° 01' 43"					F-48-63-A
bản Ten Luống	DC	xã Thanh An	H. Điện Biên	21° 19' 38"	103° 02' 02"					F-48-63-A
bản Xóm	DC	xã Thanh An	H. Điện Biên	21° 19' 31"	103° 00' 14"					F-48-63-A
đội 10	DC	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên	21° 21' 11"	102° 59' 44"					F-48-62-B
đội 11	DC	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên	21° 21' 54"	102° 59' 08"					F-48-62-B
quốc lộ 12	KX	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên			21° 21' 52"	102° 59' 51"	21° 21' 01"	102° 59' 43"	F-48-62-B
đội 17	DC	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên	21° 22' 13"	102° 58' 21"					F-48-62-B
huổi Cườm	TV	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên			21° 21' 51"	102° 57' 15"	21° 21' 56"	102° 58' 54"	F-48-62-B
huổi Hong Léch	TV	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên	21° 22' 49"	102° 55' 32"	21° 22' 49"	102° 55' 32"	21° 21' 18"	102° 59' 54"	F-48-62-B
bản Hoang Léch Cang	DC	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên	21° 21' 37"	102° 58' 23"					F-48-62-B
bản Na Khura	DC	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên	21° 21' 53"	102° 58' 42"					F-48-62-B
bản Pa Léch	DC	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên	21° 21' 47"	102° 58' 26"					F-48-62-B
bản Phai Đin	DC	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên	21° 21' 30"	102° 59' 46"					F-48-62-B
thôn Việt Thanh	DC	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên	21° 21' 22"	102° 59' 00"					F-48-62-B
quốc lộ 12	KX	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên			21° 22' 44"	103° 00' 25"	21° 21' 52"	102° 59' 51"	F-48-62-B
bản An Bình	DC	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên	21° 23' 01"	102° 58' 32"					F-48-62-B
bản Bó	DC	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên	21° 22' 40"	102° 58' 52"					F-48-62-B
huổi Hong Khénh	TV	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên			21° 23' 19"	102° 55' 53"	21° 23' 08"	102° 57' 48"	F-48-62-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)		
huỗi Hong Léch bản Léch Quông bản Mé bản Nà Khénh núi Nà Uôn bản Noong Pét bản Pa Pe bản Thanh Bình bản Thanh Xuân đội 16 Đồn Biên phòng 423 đội 13A đội 13B bản Bánh đội C1 bản Cang Nà thôn Cộng Hòa bản Hua Pe bản Lé hồ Lọng Gia bản Loong Toóng bản Môn bản Nghiu bản Nồng nậm Pe bản Pe Luông hồ Pe Luông bản Pe Nọi thôn Thanh Đông hồ Bèo bản Co Ké bản Co Pao	TV	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên			21° 22' 42"	102° 58' 07"	21° 21' 57"	102° 59' 10"	F-48-62-B	
	DC	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên			21° 22' 12"	102° 59' 06"			F-48-62-B	
	DC	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên			21° 22' 43"	102° 59' 36"			F-48-62-B	
	DC	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên			21° 23' 26"	102° 54' 22"			F-48-62-B	
	SV	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên			21° 22' 56"	102° 58' 57"			F-48-62-B	
	DC	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên			21° 22' 11"	103° 00' 07"			F-48-63-A	
	DC	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên			21° 22' 26"	102° 59' 10"			F-48-62-B	
	DC	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên			21° 22' 36"	103° 00' 22"			F-48-63-A	
	DC	xã Thanh Lương	H. Điện Biên			21° 23' 09"	102° 59' 21"			F-48-62-B	
	KX	xã Thanh Lương	H. Điện Biên			21° 24' 09"	102° 56' 19"			F-48-62-B	
	DC	xã Thanh Lương	H. Điện Biên			21° 23' 05"	102° 58' 46"			F-48-62-B	
	DC	xã Thanh Lương	H. Điện Biên			21° 23' 14"	102° 58' 41"			F-48-62-B	
	DC	xã Thanh Lương	H. Điện Biên			21° 24' 18"	102° 59' 12"			F-48-62-B	
	DC	xã Thanh Lương	H. Điện Biên			21° 24' 32"	102° 59' 00"			F-48-62-B	
	DC	xã Thanh Lương	H. Điện Biên			21° 23' 10"	102° 59' 09"			F-48-62-B	
	DC	xã Thanh Lương	H. Điện Biên			21° 23' 20"	102° 59' 48"			F-48-62-B	
	DC	xã Thanh Lương	H. Điện Biên			21° 23' 27"	102° 58' 18"			F-48-62-B	
	DC	xã Thanh Lương	H. Điện Biên			21° 23' 20"	102° 59' 21"			F-48-62-B	
	TV	xã Thanh Lương	H. Điện Biên			21° 23' 25"	102° 58' 12"			F-48-62-B	
	DC	xã Thanh Lương	H. Điện Biên			21° 23' 56"	102° 58' 19"			F-48-62-B	
	DC	xã Thanh Lương	H. Điện Biên			21° 23' 56"	102° 58' 53"			F-48-62-B	
	DC	xã Thanh Lương	H. Điện Biên			21° 24' 23"	102° 58' 17"			F-48-62-B	
	DC	xã Thanh Lương	H. Điện Biên			21° 24' 04"	102° 59' 16"			F-48-62-B	
	TV	xã Thanh Lương	H. Điện Biên					21° 25' 25"	102° 56' 06"	21° 24' 21"	102° 57' 18"
	DC	xã Thanh Lương	H. Điện Biên			21° 23' 39"	102° 59' 00"				F-48-62-B
	TV	xã Thanh Lương	H. Điện Biên			21° 24' 17"	102° 57' 43"				F-48-62-B
	DC	xã Thanh Lương	H. Điện Biên			21° 24' 07"	102° 58' 52"				F-48-62-B
	DC	xã Thanh Lương	H. Điện Biên			21° 22' 57"	103° 00' 04"				F-48-63-A
TV	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên			21° 24' 45"	103° 01' 07"				F-48-62-B	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên			21° 25' 00"	103° 00' 49"				F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên			21° 25' 39"	102° 59' 44"				F-48-62-B	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
bản Co Róm bản Giảng bản Hạ pu Hong Hệt bản Hồng Lạnh huổi Hồng Lạnh bản Hua Ná bản Mến bản Nà Lóm bản On bản Phiêng Ban bản Pom Khoang thôn Quyết Thắng huổi Thăm Phẳng thôn Thanh Bình bản Tông Khao đội 1 đội 2 đội 3 đội 5 đội 6 đội 7 đội 8 đội 10 đội 11 đội 12 đội 13 đội 14 đội 15 đội 16 đội 4A đội 4B	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 25' 50"	102° 59' 17"					F-48-62-B
	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 25' 09"	103° 00' 53"					F-48-63-A
	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 25' 10"	102° 59' 42"					F-48-62-B
	SV	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 26' 00"	102° 59' 04"					F-48-62-B
	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 25' 57"	102° 59' 39"					F-48-62-B
	TV	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên			21° 26' 15"	102° 57' 58"	21° 25' 32"	103° 00' 29"	F-48-62-B
	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A
	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A
	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A
	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-62-B
	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-62-B
	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A
	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A
	TV	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A
	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-62-B
	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A
	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A
	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A
	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A
	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên							F-48-63-A	
DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên								

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đội C9A	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 20' 40"	103° 00' 17"					F-48-63-A
đội C9B	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 20' 34"	103° 00' 18"					F-48-63-A
đội C9C	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 20' 25"	103° 00' 15"					F-48-63-A
đội Chăn Nuôi 2	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 20' 44"	103° 01' 10"					F-48-63-A
đội Hồng Cúm	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 20' 21"	103° 00' 18"					F-48-63-A
huỗi Hồng Khoang	TV	xã Thanh Xương	H. Điện Biên			21° 20' 28"	103° 01' 18"	21° 20' 00"	103° 00' 30"	F-48-63-A
sông Nậm Rốm	TV	xã Thanh Xương	H. Điện Biên			21° 21' 58"	103° 00' 11"	21° 20' 00"	103° 00' 30"	F-48-63-A
đội 17	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 19' 41"	102° 58' 32"					F-48-62-B
bản Bánh	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 19' 59"	102° 58' 06"					F-48-62-B
bản Bói	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 20' 23"	102° 57' 59"					F-48-62-B
bản Hạ	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 20' 57"	102° 58' 12"					F-48-62-B
bản Hoàng Yên	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 20' 37"	102° 58' 27"					F-48-62-B
bản Na Ngum	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 21' 07"	102° 58' 18"					F-48-62-B
sông Nậm Rốm	TV	xã Thanh Yên	H. Điện Biên			21° 21' 06"	102° 59' 59"	21° 19' 03"	102° 59' 49"	F-48-63-A
bản Pá Pháy	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 20' 25"	102° 59' 59"					F-48-63-A
bản Phú Yên	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 19' 58"	102° 58' 30"					F-48-62-B
bản Thanh Trường	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 19' 25"	102° 59' 24"					F-48-62-B
bản Tiến Thanh	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 20' 40"	102° 59' 19"					F-48-62-B
bản Trường Đông	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 19' 33"	102° 58' 21"					F-48-62-B
bản Việt Yên	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 20' 43"	102° 59' 10"					F-48-62-B
bản Yên Bình	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 19' 45"	102° 59' 19"					F-48-62-B
bản Yên Sơn	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 20' 40"	102° 58' 05"					F-48-62-B
bản Yên Trường	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 19' 49"	103° 00' 06"					F-48-63-A
tổ Na Sơn 1	DC	T.T. Điện Biên Đông	H. Điện Biên Đông	21° 17' 54"	103° 13' 43"					F-48-63-A
tổ Na Sơn 2	DC	T.T. Điện Biên Đông	H. Điện Biên Đông	21° 18' 05"	103° 13' 43"					F-48-63-A
tổ Na Sơn 3	DC	T.T. Điện Biên Đông	H. Điện Biên Đông	21° 18' 23"	103° 13' 37"					F-48-63-A
tổ Na Sơn 4	DC	T.T. Điện Biên Đông	H. Điện Biên Đông	21° 18' 17"	103° 13' 32"					F-48-63-A
tổ Na Sơn 5	DC	T.T. Điện Biên Đông	H. Điện Biên Đông	21° 18' 06"	103° 13' 19"					F-48-63-A
suối Pha Phởng	TV	T.T. Điện Biên Đông	H. Điện Biên Đông			21° 17' 39"	103° 11' 29"	21° 18' 15"	103° 13' 34"	F-48-63-A
bản Cang A	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 17' 38"	103° 23' 03"					F-48-63-B
bản Cang B	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 17' 38"	103° 23' 11"					F-48-63-B
pu Háng Dưa	SV	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 27"	103° 24' 59"					F-48-63-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
pu Háng Dừa	SV	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 19' 05"	103° 23' 40"					F-48-63-B
bản Háng Pa	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 30"	103° 24' 44"					F-48-63-B
pu Háng Pa	SV	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 17' 05"	103° 26' 14"					F-48-63-B
bản Háng Tàu	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 19' 33"	103° 21' 49"					F-48-63-B
bản Huổi Hĩa A	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 16' 22"	103° 23' 42"					F-48-63-B
bản Huổi Hĩa B	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 15' 56"	103° 23' 45"					F-48-63-B
pu Huổi Vi	SV	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 15' 27"	103° 23' 20"					F-48-63-B
pu Huốt	SV	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 19"	103° 25' 50"					F-48-63-B
bản Kéo	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 16' 49"	103° 24' 43"					F-48-63-B
sông Mã	TV	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông			21° 15' 42"	103° 23' 29"	21° 18' 38"	103° 25' 49"	F-48-63-B
bản Nà Muông	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 09"	103° 22' 03"					F-48-63-B
bản Nậm Mẩn A	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 15' 07"	103° 24' 08"					F-48-63-B
bản Nậm Mẩn B	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 15' 17"	103° 23' 55"					F-48-63-B
bản Pá Nặm A	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 17' 01"	103° 24' 29"					F-48-63-B
bản Pá Nặm B	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 16' 55"	103° 24' 32"					F-48-63-B
dây Pu Ca	SV	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 49"	103° 25' 10"					F-48-63-B
bản Ten Luổng	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 21"	103° 21' 30"					F-48-63-B
pu Tư Lăng	SV	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 19' 47"	103° 22' 47"					F-48-63-B
bản Chổng Dinh	DC	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông	21° 10' 36"	103° 19' 52"					F-48-63-D
bản Háng Lĩa A	DC	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông	21° 11' 12"	103° 20' 32"					F-48-63-D
bản Háng Lĩa B	DC	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông	21° 11' 25"	103° 20' 33"					F-48-63-D
bản Huổi Sông	DC	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông	21° 10' 40"	103° 18' 58"					F-48-63-D
bản Huổi Va A	DC	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông	21° 12' 13"	103° 18' 23"					F-48-63-D
bản Huổi Va B	DC	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông	21° 11' 24"	103° 17' 27"					F-48-63-D
sông Mã	TV	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông			21° 07' 58"	103° 16' 30"	21° 13' 46"	103° 18' 15"	F-48-63-D
suối Na Hay	TV	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông			21° 07' 29"	103° 17' 45"	21° 07' 58"	103° 16' 31"	F-48-63-D
huổi Sông	TV	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông			21° 09' 27"	103° 18' 27"	21° 09' 30"	103° 16' 52"	F-48-63-D
huổi Ta	TV	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông			21° 09' 52"	103° 21' 36"	21° 10' 20"	103° 17' 01"	F-48-63-D
núi Trông Sĩa	SV	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông	21° 11' 37"	103° 20' 08"					F-48-63-D
bản Chóp Ly	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 16' 25"	103° 11' 43"					F-48-63-A
núi Háng Lĩa	SV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 11' 09"	103° 08' 15"					F-48-63-C
bản Háng Lĩa 1	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 11' 55"	103° 07' 45"					F-48-63-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
bản Háng Lĩa 2	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 11' 51"	103° 07' 51"						F-48-63-C	
	TV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông			21° 16' 01"	103° 11' 56"	21° 14' 51"	103° 14' 13"		F-48-63-A	
bản Huổi Hoa A1	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 13' 52"	103° 06' 19"						F-48-63-C	
	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 14' 12"	103° 05' 42"						F-48-63-C	
bản Huổi Hoa A2	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 14' 59"	103° 08' 39"						F-48-63-C	
	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 06"	103° 08' 20"						F-48-63-C	
bản Huổi Múa A	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 10"	103° 08' 50"						F-48-63-A	
	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông			21° 11' 03"	103° 09' 44"	21° 12' 53"	103° 11' 14"		F-48-63-A	
bản Huổi Múa B	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 12' 41"	103° 11' 42"						F-48-63-C	
	TV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 12' 41"	103° 11' 42"						F-48-63-C	
bản Huổi Múa C	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 12' 29"	103° 11' 34"						F-48-63-C	
	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 44"	103° 11' 35"						F-48-63-C	
bản Huổi Xa 1	SV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 44"	103° 11' 35"						F-48-63-A	
	SV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 17' 04"	103° 09' 44"						F-48-63-A	
bản Keo Lôm 1	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 16' 52"	103° 11' 03"						F-48-63-A	
	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 45"	103° 11' 33"						F-48-63-A	
bản Keo Lôm 2	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 45"	103° 11' 33"						F-48-63-A	
	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 16' 59"	103° 11' 02"						F-48-63-A	
bản Keo Lôm 3	TV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông			21° 16' 44"	103° 15' 13"	21° 13' 19"	103° 13' 29"		F-48-63-A	
	TV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông			21° 16' 26"	103° 10' 37"	21° 15' 05"	103° 08' 08"		F-48-63-A	
bản Suối Lư	TV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông			21° 13' 12"	103° 08' 17"	21° 13' 36"	103° 10' 13"		F-48-63-A	
	TV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông			21° 15' 04"	103° 10' 06"	21° 13' 19"	103° 13' 29"		F-48-63-C	
bản Suối Lư 1	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 13' 47"	103° 10' 11"						F-48-63-C	
	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 13' 31"	103° 10' 15"						F-48-63-C	
bản Suối Lư 2	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 59"	103° 14' 57"						F-48-63-A	
	SV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 23"	103° 15' 07"						F-48-63-B	
bản Suối Lư 3	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 18"	103° 15' 13"						F-48-63-B	
	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 21"	103° 14' 56"						F-48-63-A	
bản Tia Ghénh A	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 20"	103° 09' 13"						F-48-63-A	
	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 52"	103° 09' 16"						F-48-63-A	
bản Tia Ghénh B	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 34"	103° 09' 36"						F-48-63-A	
	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 16' 11"	103° 14' 10"						F-48-63-A	
bản Tia Ghénh C	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 13' 56"	103° 08' 03"						F-48-63-C	
	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 14' 22"	103° 08' 54"						F-48-63-C	
bản Trại Bò	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 14' 49"	103° 09' 10"						F-48-63-C	
	SV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông								F-48-63-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
bản Xi Cơ	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 16' 37"	103° 10' 26"					F-48-63-A
bản Che Phai	DC	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 13' 47"	103° 23' 26"					F-48-63-D
bản Giới A	DC	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 12' 55"	103° 23' 48"					F-48-63-D
bản Giới B	DC	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 12' 52"	103° 23' 53"					F-48-63-D
núi Huốt	SV	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 12' 21"	103° 23' 44"					F-48-63-D
bản Lại Trên	DC	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 13' 46"	103° 24' 35"					F-48-63-D
nậm Mặm	TV	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông			21° 11' 32"	103° 25' 23"	21° 14' 46"	103° 23' 24"	F-48-63-D
bản Na Ân	DC	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 13' 12"	103° 23' 32"					F-48-63-D
bản Nà Lại	DC	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 14' 03"	103° 24' 11"					F-48-63-D
bản Na Ngua	DC	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 12' 19"	103° 25' 04"					F-48-63-D
bản Pá Khôm	DC	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 12' 21"	103° 24' 22"					F-48-63-D
bản Phiêng Muông	DC	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 12' 36"	103° 23' 56"					F-48-63-D
bản Yên	DC	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 14' 12"	103° 23' 18"					F-48-63-D
bản Bánh	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 16' 12"	103° 21' 14"					F-48-63-B
núi Bó Xiếng	SV	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 16' 54"	103° 22' 18"					F-48-63-B
bản Háng Tây	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 12' 49"	103° 18' 43"					F-48-63-D
pu Hao	SV	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 13' 45"	103° 22' 36"					F-48-63-D
bản Huổi Tống A	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 12' 32"	103° 19' 47"					F-48-63-D
bản Huổi Tống B	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 12' 42"	103° 20' 14"					F-48-63-D
sông Mã	TV	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông			21° 14' 41"	103° 19' 36"	21° 15' 42"	103° 23' 29"	F-48-63-B, F-48-63-D
bản Mường Luân 1	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 15' 10"	103° 22' 21"					F-48-63-B
bản Mường Luân 2	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 15' 17"	103° 22' 14"					F-48-63-B
bản Na Hát	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 16' 47"	103° 21' 08"					F-48-63-B
bản Na Pục	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 14' 45"	103° 20' 28"					F-48-63-D
bản Na Săn 1	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 15' 38"	103° 20' 32"					F-48-63-B
bản Na Săn 2	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 15' 54"	103° 20' 47"					F-48-63-B
bản Na Ten	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 15' 07"	103° 20' 38"					F-48-63-B
bản Pá Pao 1	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 13' 41"	103° 21' 47"					F-48-63-D
bản Pá Pao 2	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 13' 57"	103° 21' 54"					F-48-63-D
bản Pá Vạt 1	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 14' 19"	103° 19' 03"					F-48-63-D
bản Tạng Áng	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 14' 33"	103° 19' 51"					F-48-63-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
núi Thà Là	SV	xã Mường Luán	H. Điện Biên Đông	21° 16' 17"	103° 19' 50"					F-48-63-B
bản Bó	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông	21° 23' 25"	103° 14' 32"					F-48-63-A
huổi Chừn	TV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 18' 59"	103° 11' 50"	21° 19' 55"	103° 14' 18"	F-48-63-A
bản Ho Cớ	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 20' 17"	103° 11' 57"			F-48-63-A
suối Huổi Dén	TV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông					21° 22' 17"	103° 14' 14"	F-48-63-A
núi Huổi É	SV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 23' 40"	103° 13' 55"			F-48-63-A
suối Lanh	TV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông							F-48-63-A
suối Lọng Chuông	TV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông					21° 25' 12"	103° 14' 07"	F-48-63-A
bản Lọng Chuông B	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông					21° 21' 00"	103° 11' 41"	F-48-63-A
suối Lư	TV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 20' 53"	103° 12' 33"			F-48-63-A
suối Máng Đẳng	TV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông					21° 24' 12"	103° 13' 17"	F-48-63-A
bản Na Phát A	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 19' 38"	103° 14' 15"			F-48-63-A
bản Na Phát B	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 19' 33"	103° 14' 22"			F-48-63-A
bản Na Phát C	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 19' 10"	103° 14' 19"			F-48-63-A
huổi Nhòng	TV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông					21° 20' 19"	103° 15' 04"	F-48-63-A
bản Pa Chuông Pá Dén	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 21' 18"	103° 14' 10"			F-48-63-A
núi Pha Khoang	SV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 24' 30"	103° 14' 32"			F-48-63-A
bản Sư Lư 1	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 24' 28"	103° 14' 31"			F-48-63-A
bản Sư Lư 2	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 24' 20"	103° 14' 17"			F-48-63-A
bản Sư Lư 3	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 24' 20"	103° 14' 00"			F-48-63-A
bản Sư Lư 4	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 24' 16"	103° 14' 06"			F-48-63-A
bản Sư Lư 5	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 24' 04"	103° 13' 57"			F-48-63-A
núi Tát Mạ	SV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 23' 06"	103° 14' 04"			F-48-63-A
suối Tát Mạ	TV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông					21° 23' 30"	103° 13' 36"	F-48-63-A
pu Trang	SV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 23' 38"	103° 13' 16"			F-48-63-A
bản Trung Phu	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 18' 58"	103° 11' 01"			F-48-63-A
bản Văng Chộc	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 18' 36"	103° 14' 49"			F-48-63-A
suối Xa Dung	TV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông					21° 22' 34"	103° 14' 49"	F-48-63-A
núi Chế Lử	SV	xã Nong U	H. Điện Biên Đông			21° 20' 29"	103° 05' 04"			F-48-63-A
núi Dọ Dưa	SV	xã Nong U	H. Điện Biên Đông			21° 19' 42"	103° 10' 04"			F-48-63-A
bản Dư O A	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông			21° 18' 54"	103° 08' 08"			F-48-63-A
bản Dư O B	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông			21° 18' 58"	103° 08' 16"			F-48-63-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối					
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)				
suối Há Chùa pu Hồng Mèo nặm Ngâm bản Pá Ban hồ Pá Giảng núi Phù Lồng bản Tà Té A bản Tà Té B bản Tà Té C bản Tà Té D bản Thanh Ngâm bản Tia Lô A bản Tia Lô B bản Tia Mùng A bản Tia Mùng B bản Tia Mùng C núi Chỉ Khớ suối Chờ Chùa bản Chổng Giồng 1 bản Chổng Giồng 2 bản Chổng Mông suối Chổng Sur bản Chổng Sur A bản Chổng Sur A bản Chổng Sur B núi Chùa Say suối Chùa Say suối Chùa Ta bản Chùa Ta A bản Chùa Ta B bản Cỏ Dề A bản Cỏ Dề B	TV	xã Nong U	H. Điện Biên Đông			21° 18' 04"	103° 05' 22"	21° 18' 30"	103° 09' 05"	21° 17' 45"	103° 07' 41"	F-48-63-A	
	SV	xã Nong U	H. Điện Biên Đông			21° 18' 04"	103° 05' 22"					F-48-63-A	
	TV	xã Nong U	H. Điện Biên Đông					21° 21' 13"	103° 07' 37"	21° 16' 34"	103° 07' 01"	F-48-63-A	
	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông			21° 18' 33"	103° 07' 06"					F-48-63-A	
	TV	xã Nong U	H. Điện Biên Đông			21° 17' 49"	103° 09' 54"					F-48-63-A	
	SV	xã Nong U	H. Điện Biên Đông			21° 20' 07"	103° 08' 47"					F-48-63-A	
	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông			21° 18' 30"	103° 05' 35"					F-48-63-A	
	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông			21° 18' 44"	103° 05' 42"					F-48-63-A	
	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông			21° 18' 50"	103° 05' 29"					F-48-63-A	
	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông			21° 18' 39"	103° 05' 47"					F-48-63-A	
	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông			21° 17' 13"	103° 07' 29"					F-48-63-A	
	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông			21° 19' 12"	103° 10' 14"					F-48-63-A	
	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông			21° 19' 00"	103° 10' 14"					F-48-63-A	
	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông			21° 17' 28"	103° 09' 05"					F-48-63-A	
	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông			21° 17' 55"	103° 09' 33"					F-48-63-A	
	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông			21° 17' 33"	103° 09' 14"					F-48-63-A	
	SV	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 17' 01"	103° 17' 05"					F-48-63-B	
	TV	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông					21° 19' 12"	103° 17' 52"	21° 19' 09"	103° 16' 33"	F-48-63-B	
	DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 20' 04"	103° 17' 21"					F-48-63-B	
	DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 19' 49"	103° 17' 27"					F-48-63-B	
	DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 18' 10"	103° 16' 35"					F-48-63-B	
	TV	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông						21° 15' 05"	103° 16' 35"	21° 13' 16"	103° 17' 27"	F-48-63-D
	DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 13' 51"	103° 16' 20"						F-48-63-D
	DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 14' 53"	103° 16' 22"						F-48-63-D
	DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 14' 23"	103° 15' 53"						F-48-63-D
	SV	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 18' 03"	103° 19' 01"						F-48-63-B
	TV	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông						21° 18' 14"	103° 18' 10"	21° 17' 31"	103° 17' 22"	F-48-63-B
	TV	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông						21° 17' 31"	103° 17' 22"	21° 14' 30"	103° 18' 48"	F-48-63-B
DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 18' 45"	103° 17' 10"						F-48-63-B	
DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 17' 58"	103° 17' 05"						F-48-63-B	
DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 16' 38"	103° 18' 50"						F-48-63-B	
DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 16' 30"	103° 19' 05"						F-48-63-B	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
suối Dê Tro	TV	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 17' 25"	103° 16' 22"	21° 17' 48"	103° 15' 30"	F-48-63-B		
núi Há Giồng	SV	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 51"	103° 17' 50"					F-48-63-B		
bản Háng Pù Xi	DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 16' 20"	103° 16' 39"					F-48-63-B		
suối Háng Sông	TV	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 20' 03"	103° 19' 06"	21° 20' 42"	103° 19' 57"	F-48-63-B		
bản Háng Sông Dưới	DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 19' 46"	103° 19' 39"					F-48-63-B		
bản Háng Sông Trên	DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 19' 49"	103° 18' 24"					F-48-63-B		
bản Háng Trờ	DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 16' 51"	103° 19' 13"					F-48-63-B		
suối Hun	TV	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 21' 01"	103° 17' 11"	21° 20' 19"	103° 16' 42"	F-48-63-B		
suối Huổi Lê	TV	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 19' 09"	103° 16' 33"	21° 17' 38"	103° 15' 21"	F-48-63-B		
						21° 17' 38"	103° 15' 21"	21° 12' 43"	103° 16' 41"	F-48-63-B, F-48-63-D		
suối Lư	TV	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông							F-48-63-B		
núi Lu Cờ	SV	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 46"	103° 18' 35"					F-48-63-B		
sông Mã	TV	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 12' 43"	103° 16' 41"	21° 14' 41"	103° 19' 36"	F-48-63-D		
núi Măng Đẳng	SV	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 40"	103° 15' 22"					F-48-63-B		
bản Na Nghiu	DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 14' 29"	103° 18' 39"					F-48-63-D		
bản Phi Nhừ A	DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 16' 39"	103° 17' 28"					F-48-63-B		
bản Phi Nhừ B	DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 16' 47"	103° 17' 15"					F-48-63-B		
núi Pó Sinh	SV	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 52"	103° 19' 12"					F-48-63-B		
bản Pó Sinh 1	DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 17' 56"	103° 20' 32"					F-48-63-B		
núi Pu Chan	SV	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 13' 56"	103° 15' 08"					F-48-63-B		
suối Pu Si	TV	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 16' 43"	103° 16' 35"	21° 16' 18"	103° 15' 34"	F-48-63-D		
bản Suối Lư	DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 15' 13"	103° 15' 05"					F-48-63-B		
bản Tào Xa 1	DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 20' 14"	103° 16' 09"					F-48-63-B		
bản Tào Xa 2	DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 19' 57"	103° 16' 13"					F-48-63-B		
bản Từ Xa 1	DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 15' 07"	103° 17' 09"					F-48-63-B		
bản Từ Xa 2	DC	xã Phi Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 14' 49"	103° 16' 45"					F-48-63-D		
bản Cảnh Lay	DC	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông	21° 12' 29"	103° 15' 45"					F-48-63-D		
suối Chua Ta	TV	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông			21° 09' 30"	103° 10' 45"	21° 08' 28"	103° 12' 37"	F-48-63-D		
huổi Háng Dưa Se	TV	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông			21° 10' 23"	103° 15' 25"	21° 10' 45"	103° 16' 28"	F-48-63-D		
bản Huổi Có	DC	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông	21° 12' 27"	103° 14' 57"					F-48-63-C		
suối Huổi Có	TV	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông			21° 10' 28"	103° 12' 21"	21° 10' 42"	103° 13' 29"	F-48-63-C		
bản Huổi Dưa	DC	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông	21° 08' 36"	103° 14' 51"					F-48-63-C		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
suối Huổi Dưa	TV	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông			21° 08' 42"	103° 13' 11"	21° 08' 21"	103° 15' 12"	F-48-63-C		
suối Lư	TV	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông			21° 13' 19"	103° 13' 29"	21° 12' 43"	103° 16' 41"	F-48-63-D, F-48-63-C		
suối Nà Nén	TV	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông			21° 08' 21"	103° 15' 12"	21° 08' 32"	103° 16' 21"	F-48-63-D		
bản Pa Cà	DC	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông	21° 09' 27"	103° 14' 05"					F-48-63-C		
bản Phi Cao	DC	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông	21° 08' 43"	103° 11' 21"					F-48-63-C		
bản Phi Sua A	DC	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông	21° 10' 15"	103° 09' 45"					F-48-63-C		
bản Phi Sua B	DC	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông	21° 10' 06"	103° 09' 36"					F-48-63-C		
huổi Xa	TV	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông			21° 09' 56"	103° 07' 43"	21° 10' 27"	103° 08' 46"	F-48-63-C		
bản Xa Vua A	DC	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông	21° 10' 18"	103° 14' 50"					F-48-63-C		
bản Xa Vua B	DC	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông	21° 09' 51"	103° 14' 32"					F-48-63-C		
bản Chả A	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 04' 32"	103° 10' 42"					F-48-63-C		
bản Chả B	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 03' 57"	103° 10' 13"					F-48-63-C		
huổi Dên	TV	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông			21° 03' 41"	103° 12' 41"	21° 03' 31"	103° 11' 55"	F-48-63-C		
bản Huổi Dên	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 02' 57"	103° 11' 27"					F-48-63-C		
huổi Lênh	TV	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông			21° 04' 266"	103° 15' 31"	21° 04' 28"	103° 16' 57"	F-48-63-D		
huổi Lư Pa	TV	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông			21° 07' 23"	103° 14' 22"	21° 07' 42"	103° 14' 40"	F-48-63-C		
sông Mã	TV	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông			21° 02' 30"	103° 16' 46"	21° 07' 51"	103° 16' 14"	F-48-63-D		
suối Nà Néch	TV	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông			21° 06' 30"	103° 14' 04"	21° 07' 23"	103° 14' 22"	F-48-63-C		
bản Nà Nénh A	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 06' 12"	103° 14' 00"					F-48-63-C		
bản Nà Nénh B	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 06' 36"	103° 14' 52"					F-48-63-C		
bản Nậm Ma	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 05' 04"	103° 16' 58"					F-48-63-D		
huổi Păn	TV	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông			21° 03' 48"	103° 09' 52"	21° 04' 39"	103° 10' 44"	F-48-63-C		
bản Phiêng Muông A	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 05' 32"	103° 11' 14"					F-48-63-C		
bản Phiêng Muông B	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 05' 20"	103° 11' 11"					F-48-63-C		
núi Pú Hồng	SV	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 04' 15"	103° 13' 37"					F-48-63-C		
bản Pú Hồng A	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 04' 16"	103° 14' 06"					F-48-63-C		
bản Pú Hồng B	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 04' 08"	103° 14' 05"					F-48-63-C		
huổi Púng	TV	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông			21° 05' 45"	103° 09' 53"	21° 04' 35"	103° 10' 37"	F-48-63-C		
bản Tín Tóc A	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 05' 33"	103° 13' 06"					F-48-63-C		
bản Tín Tóc B	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 05' 36"	103° 12' 14"					F-48-63-C		
núi Chông Chùa	SV	xã Pú Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 24' 01"	103° 08' 48"					F-48-63-A		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
bản Háng Giồng	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 24' 58"	103° 11' 32"					F-48-63-A
bản Háng Trợ A	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 23' 46"	103° 07' 44"					F-48-63-A
bản Háng Trợ B	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 23' 39"	103° 07' 46"					F-48-63-A
bản Háng Trợ C	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 23' 24"	103° 07' 44"					F-48-63-A
bản Huổi Tao A	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 21' 43"	103° 05' 27"					F-48-63-A
bản Huổi Tao B	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 22' 42"	103° 05' 03"					F-48-63-A
bản Huổi Tao C	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 21' 50"	103° 05' 29"					F-48-63-A
suối Long Chuông	TV	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông			21° 21' 09"	103° 11' 11"	21° 21' 00"	103° 11' 41"	F-48-63-A
bản Nậm Bó	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 22' 52"	103° 06' 02"			21° 23' 07"	103° 07' 41"	F-48-63-A
suối Nậm Ngám	TV	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông							F-48-63-A
bản Nậm Ngám A	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 22' 48"	103° 07' 49"					F-48-63-A
bản Nậm Ngám B	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 22' 23"	103° 08' 25"					F-48-63-A
bản Nậm Ngám C	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 22' 21"	103° 07' 30"					F-48-63-A
bản Phù Lồng A	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 20' 26"	103° 09' 48"					F-48-63-A
bản Phù Lồng B	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 20' 29"	103° 09' 30"					F-48-63-A
bản Phù Lồng C	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 20' 19"	103° 10' 04"					F-48-63-A
bản Pu Nhi A	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 23' 02"	103° 11' 15"					F-48-63-A
bản Pu Nhi B	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 22' 56"	103° 11' 21"					F-48-63-A
bản Pu Nhi C	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 23' 10"	103° 11' 14"					F-48-63-A
bản Pu Nhi D	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 23' 14"	103° 11' 27"					F-48-63-A
huổi Tao	TV	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông			21° 22' 02"	103° 05' 38"	21° 20' 32"	103° 06' 49"	F-48-63-A
núi Tát Long	SV	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 23' 20"	103° 11' 52"					F-48-63-A
bản Chua Ta A	DC	xã Tia Dinh	H. Điện Biên Đông	21° 06' 50"	103° 19' 57"					F-48-63-D
bản Chua Ta B	DC	xã Tia Dinh	H. Điện Biên Đông	21° 06' 55"	103° 20' 22"					F-48-63-D
bản Háng Xua A	DC	xã Tia Dinh	H. Điện Biên Đông	21° 04' 43"	103° 22' 03"					F-48-63-D
bản Háng Xua B	DC	xã Tia Dinh	H. Điện Biên Đông	21° 04' 35"	103° 22' 15"					F-48-63-D
suối Huổi Mí	TV	xã Tia Dinh	H. Điện Biên Đông			21° 05' 47"	103° 18' 42"	21° 06' 30"	103° 16' 21"	F-48-63-D
bản La Hay A	DC	xã Tia Dinh	H. Điện Biên Đông	21° 06' 10"	103° 21' 03"					F-48-63-D
bản La Hay B	DC	xã Tia Dinh	H. Điện Biên Đông	21° 06' 16"	103° 20' 59"					F-48-63-D
suối Na Hay	TV	xã Tia Dinh	H. Điện Biên Đông			21° 06' 25"	103° 20' 58"	21° 07' 26"	103° 18' 27"	F-48-63-D
bản Na Xu	DC	xã Tia Dinh	H. Điện Biên Đông	21° 06' 29"	103° 16' 24"					F-48-63-D
bản Pha Mỡ	DC	xã Tia Dinh	H. Điện Biên Đông			21° 08' 56"	103° 22' 33"	21° 07' 26"	103° 18' 27"	F-48-63-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
bản Púng Báng	DC	xã Tia Dình	H. Điện Biên Đông	21° 04' 53"	103° 24' 04"					F-48-63-D
bản Tào La A	DC	xã Tia Dình	H. Điện Biên Đông	21° 09' 31"	103° 23' 30"					F-48-63-D
bản Tào La B	DC	xã Tia Dình	H. Điện Biên Đông	21° 09' 35"	103° 23' 31"					F-48-63-D
bản Tia Dình A	DC	xã Tia Dình	H. Điện Biên Đông	21° 07' 32"	103° 31' 07"					F-48-63-D
bản Tia Dình B	DC	xã Tia Dình	H. Điện Biên Đông	21° 07' 19"	103° 20' 42"					F-48-63-D
bản Tia Dình C	DC	xã Tia Dình	H. Điện Biên Đông	21° 07' 40"	103° 21' 06"					F-48-63-D
bản Ca Tàu	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 24' 37"	103° 19' 06"					F-48-63-B
bản Chông A	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 34"	103° 21' 44"					F-48-63-B
bản Chông B	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 30"	103° 22' 11"					F-48-63-B
núi Chùa Đá	SV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 24' 23"	103° 16' 22"					F-48-63-B
suối Chùa Đá	TV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 24' 23"	103° 16' 22"					F-48-63-B
bản Chùa Thỏ	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 24' 07"	103° 16' 29"					F-48-63-B
bản Háng Tàu	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 20' 38"	103° 21' 54"					F-48-63-B
bản Huổi Hịa	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 22' 33"	103° 21' 18"					F-48-63-B
núi Huổi Khén	SV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 24' 58"	103° 19' 43"					F-48-63-B
suối Huổi Khén	TV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 24' 58"	103° 19' 43"					F-48-63-B
bản La Săn A	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 22' 42"	103° 17' 33"					F-48-63-B
bản La Săn B	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 22' 11"	103° 18' 55"					F-48-63-B
núi Mường Tịch	SV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 24"	103° 20' 25"					F-48-63-B
suối Mường Tịch	TV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 24"	103° 20' 25"					F-48-63-B
bản Mường Tịch A	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 26"	103° 19' 19"					F-48-63-B
bản Mường Tịch B	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 48"	103° 20' 03"					F-48-63-B
bản Mường Tịch C	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 37"	103° 20' 25"					F-48-63-B
núi Nà Săn	SV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 22' 43"	103° 18' 19"					F-48-63-B
suối Nà Săn	TV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 22' 43"	103° 18' 19"					F-48-63-B
núi Nông Co Pi	SV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 00"	103° 21' 59"					F-48-63-B
suối Nông Co Pi	TV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 00"	103° 21' 59"					F-48-63-B
núi Pa Có	SV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 24' 33"	103° 18' 13"					F-48-63-B
suối Pa Có	TV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 24' 33"	103° 18' 13"					F-48-63-B
núi Phà Sô	SV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 23' 34"	103° 18' 29"					F-48-63-B
suối Phà Sô	TV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 23' 34"	103° 18' 29"					F-48-63-B
bản Phà Sô A	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 23' 37"	103° 19' 18"					F-48-63-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
bản Phà Số B	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 23' 17"	103° 20' 08"					F-48-63-B
núi Pù Léch	SV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 22' 16"	103° 22' 22"					F-48-63-B
suối Pù Léch	TV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 22' 16"	103° 22' 22"					F-48-63-B
bản Thẩm Mỹ A	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 56"	103° 15' 34"					F-48-63-B
bản Thẩm Mỹ B	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 10"	103° 15' 31"					F-48-63-B
núi Thẩm Mỹ B	SV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 23"	103° 15' 55"					F-48-63-B
suối Thẩm Mỹ B	TV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 23"	103° 15' 55"					F-48-63-B
núi Trang Hua	SV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 22' 47"	103° 20' 56"					F-48-63-B
suối Trang Hua	TV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 22' 47"	103° 20' 56"					F-48-63-B
bản Xa Dung A	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 24' 01"	103° 15' 58"					F-48-63-B
bản Xa Dung B	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 24' 13"	103° 15' 54"					F-48-63-B
bản Xa Dung C	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 23' 51"	103° 15' 59"					F-48-63-B
tổ dân phố 1	DC	TT. Mường Áng	H. Mường Áng	21° 31' 27"	103° 12' 24"					F-48-51-C
tổ dân phố 2	DC	TT. Mường Áng	H. Mường Áng	21° 31' 19"	103° 12' 10"					F-48-51-C
tổ dân phố 3	DC	TT. Mường Áng	H. Mường Áng	21° 31' 07"	103° 12' 34"					F-48-51-C
tổ dân phố 4	DC	TT. Mường Áng	H. Mường Áng	21° 31' 24"	103° 12' 46"					F-48-51-C
tổ dân phố 5	DC	TT. Mường Áng	H. Mường Áng	21° 31' 23"	103° 13' 01"					F-48-51-C
tổ dân phố 6	DC	TT. Mường Áng	H. Mường Áng	21° 31' 07"	103° 13' 05"					F-48-51-C
tổ dân phố 7	DC	TT. Mường Áng	H. Mường Áng	21° 31' 14"	103° 13' 25"					F-48-51-C
tổ dân phố 8	DC	TT. Mường Áng	H. Mường Áng	21° 31' 20"	103° 13' 32"					F-48-51-C
tổ dân phố 9	DC	TT. Mường Áng	H. Mường Áng	21° 31' 23"	103° 13' 41"					F-48-51-C
tổ dân phố 10	DC	TT. Mường Áng	H. Mường Áng	21° 31' 32"	103° 13' 55"					F-48-51-C
núi Pha Hung	SV	TT. Mường Áng	H. Mường Áng	21° 31' 46"	103° 13' 21"					F-48-51-C
bản Bành	DC	xã Ảng Cang	H. Mường Áng	21° 29' 48"	103° 13' 40"					F-48-63-A
bản Cói	DC	xã Ảng Cang	H. Mường Áng	21° 30' 25"	103° 13' 31"					F-48-51-C
pú Đồn	SV	xã Ảng Cang	H. Mường Áng	21° 30' 12"	103° 12' 34"					F-48-51-C
bản Giảng	DC	xã Ảng Cang	H. Mường Áng	21° 31' 06"	103° 14' 27"					F-48-51-C
bản Hồng Sọt	DC	xã Ảng Cang	H. Mường Áng	21° 30' 11"	103° 15' 57"					F-48-51-D
bản Hua Ná	DC	xã Ảng Cang	H. Mường Áng	21° 29' 30"	103° 12' 52"					F-48-63-A
bản Hua Nặm	DC	xã Ảng Cang	H. Mường Áng	21° 26' 41"	103° 11' 39"					F-48-63-A
bản Huổi Sừa	DC	xã Ảng Cang	H. Mường Áng	21° 30' 27"	103° 14' 14"					F-48-51-C
bản Kéo	DC	xã Ảng Cang	H. Mường Áng	21° 30' 02"	103° 13' 03"					F-48-51-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
bản Mảnh Đanh	DC	xã Ấng Cang	H. Mường Ảng	21° 28' 35"	103° 12' 15"					F-48-63-A
bản Nong Háng	DC	xã Ấng Cang	H. Mường Ảng	21° 31' 26"	103° 14' 19"					F-48-51-C
pủ Pha Man	SV	xã Ấng Cang	H. Mường Ảng	21° 30' 28"	103° 15' 04"					F-48-51-D
bản Pủ Khớ	DC	xã Ấng Cang	H. Mường Ảng	21° 27' 55"	103° 13' 37"					F-48-63-A
bản Pủ Súa	DC	xã Ấng Cang	H. Mường Ảng	21° 29' 35"	103° 16' 30"					F-48-63-B
bản Sáng	DC	xã Ấng Cang	H. Mường Ảng	21° 30' 51"	103° 13' 30"					F-48-51-C
núi Tát Khoang	SV	xã Ấng Cang	H. Mường Ảng	21° 29' 25"	103° 12' 02"	21° 29' 57"	103° 10' 55"	21° 30' 42"	103° 12' 20"	F-48-63-A
nậm Bó	TV	xã Ấng Nưa	H. Mường Ảng							F-48-51-C
bản Bó Mạy	DC	xã Ấng Nưa	H. Mường Ảng	21° 30' 42"	103° 12' 54"					F-48-51-C
bản Cù	DC	xã Ấng Nưa	H. Mường Ảng	21° 30' 28"	103° 12' 16"					F-48-51-C
bản Lé	DC	xã Ấng Nưa	H. Mường Ảng	21° 30' 47"	103° 12' 06"					F-48-51-C
bản Na Luông	DC	xã Ấng Nưa	H. Mường Ảng	21° 30' 12"	103° 11' 26"					F-48-51-C
núi Pha Lơm	SV	xã Ấng Nưa	H. Mường Ảng	21° 32' 01"	103° 11' 18"					F-48-51-C
bản Tát Hẹ	DC	xã Ấng Nưa	H. Mường Ảng	21° 32' 21"	103° 12' 04"					F-48-51-C
bản Tín Tóc	DC	xã Ấng Nưa	H. Mường Ảng	21° 30' 53"	103° 11' 24"					F-48-51-C
nậm Tín Tóc	TV	xã Ấng Nưa	H. Mường Ảng			21° 31' 16"	103° 10' 13"	21° 30' 42"	103° 12' 20"	F-48-51-C
quốc lộ 279	KX	xã Ấng Tờ	H. Mường Ảng			21° 31' 34"	103° 14' 07"	21° 33' 25"	103° 18' 02"	F-48-51-C, F-48-51-D
nậm Ấng	TV	xã Ấng Tờ	H. Mường Ảng			21° 31' 32"	103° 14' 11"	21° 33' 25"	103° 16' 09"	F-48-51-C, F-48-51-D
bản Bua	DC	xã Ấng Tờ	H. Mường Ảng	21° 32' 35"	103° 15' 33"					F-48-51-D
huổi Cha	TV	xã Ấng Tờ	H. Mường Ảng			21° 32' 36"	103° 13' 39"	21° 31' 56"	103° 14' 37"	F-48-51-C
bản Cha Cường	DC	xã Ấng Tờ	H. Mường Ảng	21° 32' 16"	103° 13' 40"					F-48-51-C
bản Cha Nọ	DC	xã Ấng Tờ	H. Mường Ảng	21° 31' 52"	103° 14' 20"					F-48-51-C
huổi Chàng	TV	xã Ấng Tờ	H. Mường Ảng			21° 36' 19"	103° 16' 29"	21° 34' 43"	103° 15' 29"	F-48-51-D
nậm Cỏ	TV	xã Ấng Tờ	H. Mường Ảng			21° 35' 35"	103° 14' 40"	21° 33' 27"	103° 18' 02"	F-48-51-C, F-48-51-D
bản Co Có	DC	xã Ấng Tờ	H. Mường Ảng	21° 31' 34"	103° 14' 48"					F-48-51-C
nhóm Huổi Chàng	DC	xã Ấng Tờ	H. Mường Ảng	21° 35' 14"	103° 16' 53"					F-48-51-D
bản Huổi Chôn	DC	xã Ấng Tờ	H. Mường Ảng	21° 34' 28"	103° 14' 39"					F-48-51-C
bản Huổi Hào	DC	xã Ấng Tờ	H. Mường Ảng	21° 36' 06"	103° 15' 52"					F-48-51-D
bản Huổi Hòm	DC	xã Ấng Tờ	H. Mường Ảng	21° 33' 29"	103° 17' 03"					F-48-51-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
bản Pá Cha	DC	xã Ấng Tở	H. Mường Ảng	21° 32' 05"	103° 14' 38"					F-48-51-C
pu Pha Hung	SV	xã Ấng Tở	H. Mường Ảng	21° 31' 46"	103° 13' 21"					F-48-51-C
pon Pha Mi	SV	xã Ấng Tở	H. Mường Ảng	21° 34' 50"	103° 13' 58"					F-48-51-C
bản Pú Thỏ Lỗ	DC	xã Ấng Tở	H. Mường Ảng	21° 34' 36"	103° 16' 58"					F-48-51-D
bản Pú Tiu	DC	xã Ấng Tở	H. Mường Ảng	21° 33' 21"	103° 13' 27"					F-48-51-C
núi Pú Tiu	SV	xã Ấng Tở	H. Mường Ảng	21° 33' 18"	103° 13' 10"					F-48-51-C
huổi Tọ	TV	xã Ấng Tở	H. Mường Ảng			21° 33' 42"	103° 13' 55"	21° 33' 40"	103° 15' 54"	F-48-51-C, F-48-51-D
bản Tọ Cuông	DC	xã Ấng Tở	H. Mường Ảng	21° 33' 47"	103° 15' 14"					F-48-51-D
bản Tọ Nọ	DC	xã Ấng Tở	H. Mường Ảng	21° 33' 43"	103° 15' 46"					F-48-51-D
bản Búng	DC	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 30' 46"	103° 20' 03"					F-48-51-D
huổi Cầm	TV	xã Búng Lao	H. Mường Ảng			21° 31' 40"	103° 18' 25"	21° 32' 00"	103° 19' 18"	F-48-51-D
nằm Cỏ	TV	xã Búng Lao	H. Mường Ảng			21° 33' 27"	103° 18' 02"	21° 30' 43"	103° 21' 14"	F-48-51-D
huổi Dền	TV	xã Búng Lao	H. Mường Ảng			21° 30' 27"	103° 18' 16"	21° 31' 29"	103° 19' 47"	F-48-51-D
bản Hong Sọt	DC	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 32' 47"	103° 18' 37"			21° 30' 23"	103° 18' 57"	F-48-51-D
suối Hong Sọt	TV	xã Búng Lao	H. Mường Ảng							F-48-51-D
bản Huổi Cầm	DC	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 31' 26"	103° 18' 15"					F-48-51-D
bản Kéo Nánh	DC	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 33' 44"	103° 19' 12"					F-48-51-D
núi Kéo Nánh	SV	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 33' 53"	103° 19' 27"					F-48-51-D
bản Nà Dền	DC	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 31' 26"	103° 19' 47"					F-48-51-D
bản Pá Tong	DC	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 33' 04"	103° 18' 11"					F-48-51-D
núi Pha Vi	SV	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 32' 44"	103° 17' 11"					F-48-51-D
núi Pong Han	SV	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 30' 33"	103° 20' 46"					F-48-51-D
núi Pung Cỏ	SV	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 31' 24"	103° 21' 03"					F-48-51-D
núi Thầm Quai	SV	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 25' 34"	103° 21' 18"					F-48-63-B
nằm Chan	TV	xã Mường Đẳng	H. Mường Ảng			21° 35' 46"	103° 06' 53"	21° 35' 12"	103° 10' 10"	F-48-51-C
nằm Ngòi	TV	xã Mường Đẳng	H. Mường Ảng			21° 36' 18"	103° 07' 57"	21° 35' 50"	103° 11' 16"	F-48-51-C
nằm Bản Thái	TV	xã Mường Đẳng	H. Mường Ảng			21° 32' 38"	103° 10' 54"	21° 33' 27"	103° 10' 25"	F-48-51-C
nằm Đẳng	TV	xã Mường Đẳng	H. Mường Ảng			21° 33' 22"	103° 09' 27"	21° 33' 27"	103° 10' 25"	F-48-51-C
bản Đẳng	DC	xã Mường Đẳng	H. Mường Ảng	21° 33' 41"	103° 10' 49"					F-48-51-C
bản Nậm Chan I	DC	xã Mường Đẳng	H. Mường Ảng	21° 34' 58"	103° 10' 17"					F-48-51-C
bản Nậm Pô	DC	xã Mường Đẳng	H. Mường Ảng	21° 32' 42"	103° 10' 25"					F-48-51-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
bản Nậm Pọng	DC	xã Mường Đăng	H. Mường Ảng	21° 34' 14"	103° 09' 04"					F-48-51-C
bản Pọng	DC	xã Mường Đăng	H. Mường Ảng	21° 33' 24"	103° 09' 30"					F-48-51-C
bản Thái	DC	xã Mường Đăng	H. Mường Ảng	21° 32' 41"	103° 09' 54"					F-48-51-C
bản Xóm	DC	xã Mường Đăng	H. Mường Ảng	21° 33' 38"	103° 10' 24"					F-48-51-C
nậm Lịch	TV	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng			21° 28' 28"	103° 18' 17"	21° 28' 31"	103° 19' 25"	F-48-63-B
huổi Ly	TV	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng			21° 27' 35"	103° 16' 32"	21° 28' 28"	103° 18' 17"	F-48-63-B
bản Bon	DC	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng	21° 26' 56"	103° 17' 54"					F-48-63-B
bản Có	DC	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng	21° 26' 02"	103° 16' 43"					F-48-63-B
nhóm Co Muồng	DC	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng	21° 27' 12"	103° 18' 06"					F-48-63-B
bản Huổi Ly	DC	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng	21° 27' 34"	103° 16' 28"					F-48-63-B
nậm Lạn	TV	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng			21° 25' 51"	103° 15' 53"	21° 28' 21"	103° 18' 57"	F-48-63-B
bản Nhộp	DC	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng	21° 25' 56"	103° 17' 54"					F-48-63-B
nhóm Nong Bó	DC	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng	21° 27' 11"	103° 17' 49"					F-48-63-B
bản Pắc Nậm	DC	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng	21° 28' 21"	103° 18' 52"					F-48-63-B
núi Pha Lén	SV	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng	21° 24' 33"	103° 18' 13"					F-48-63-B
bản Xuân Lừa	DC	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng	21° 26' 32"	103° 17' 21"					F-48-63-B
nậm Lịch	TV	xã Nậm Lịch	H. Mường Ảng			21° 28' 06"	103° 14' 59"	21° 28' 21"	103° 18' 37"	F-48-63-B
suối Hua Nậm	TV	xã Nậm Lịch	H. Mường Ảng			21° 27' 01"	103° 14' 25"	21° 28' 19"	103° 15' 16"	F-48-63-B
bản Huổi Lường	DC	xã Nậm Lịch	H. Mường Ảng	21° 29' 54"	103° 17' 40"					F-48-63-B
bản Ít Nọi	DC	xã Nậm Lịch	H. Mường Ảng	21° 28' 34"	103° 18' 14"					F-48-63-B
bản Lịch Cang	DC	xã Nậm Lịch	H. Mường Ảng	21° 28' 35"	103° 16' 16"					F-48-63-B
bản Lịch Nura	DC	xã Nậm Lịch	H. Mường Ảng	21° 28' 16"	103° 15' 16"					F-48-63-B
bản Lịch Tở	DC	xã Nậm Lịch	H. Mường Ảng	21° 28' 54"	103° 17' 29"					F-48-63-B
bản Pá Khôm	DC	xã Nậm Lịch	H. Mường Ảng	21° 26' 12"	103° 14' 45"					F-48-63-A
bản Pú Cai	DC	xã Nậm Lịch	H. Mường Ảng	21° 25' 45"	103° 13' 03"					F-48-63-A
bản Pú Nen	DC	xã Nậm Lịch	H. Mường Ảng	21° 29' 53"	103° 18' 40"					F-48-63-B
nhóm Thảm Hé	DC	xã Nậm Lịch	H. Mường Ảng	21° 27' 10"	103° 15' 15"					F-48-63-B
bản Thảm Hồng	DC	xã Nậm Lịch	H. Mường Ảng	21° 27' 48"	103° 15' 13"					F-48-63-B
bản Thảm Phẳng	DC	xã Nậm Lịch	H. Mường Ảng	21° 26' 44"	103° 14' 54"					F-48-63-B
nậm Có	TV	xã Ngòi Cay	H. Mường Ảng			21° 34' 00"	103° 11' 11"	21° 35' 35"	103° 14' 40"	F-48-63-A
pu Me	SV	xã Ngòi Cay	H. Mường Ảng	21° 35' 23"	103° 11' 19"					F-48-51-C
nậm Ngòi	TV	xã Ngòi Cay	H. Mường Ảng			21° 35' 50"	103° 11' 16"	21° 34' 59"	103° 12' 35"	F-48-51-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
huổi Át	TV	xã Ngòi Cây	H. Mường Ảng			21° 37' 15"	103° 12' 05"	21° 35' 32"	103° 13' 16"	F-48-51-C		
bản Cây	DC	xã Ngòi Cây	H. Mường Ảng	21° 35' 14"	103° 12' 58"					F-48-51-C		
huổi Hĩa	TV	xã Ngòi Cây	H. Mường Ảng			21° 36' 34"	103° 10' 41"	21° 35' 51"	103° 11' 16"	F-48-51-C		
núi Huổi Át	SV	xã Ngòi Cây	H. Mường Ảng	21° 36' 31"	103° 13' 03"					F-48-51-C		
bản Nậm Chan II	DC	xã Ngòi Cây	H. Mường Ảng	21° 36' 12"	103° 10' 14"					F-48-51-C		
bản Nậm Chan III	DC	xã Ngòi Cây	H. Mường Ảng	21° 37' 35"	103° 11' 52"					F-48-51-C		
bản Nậm Cùm	DC	xã Ngòi Cây	H. Mường Ảng	21° 36' 51"	103° 13' 44"					F-48-51-C		
bản Ngòi	DC	xã Ngòi Cây	H. Mường Ảng	21° 35' 08"	103° 12' 24"					F-48-51-C		
bản Nong	DC	xã Ngòi Cây	H. Mường Ảng	21° 34' 21"	103° 11' 41"					F-48-51-C		
núi Pú Ôn	SV	xã Ngòi Cây	H. Mường Ảng	21° 33' 43"	103° 13' 09"					F-48-51-C		
bản Săng	DC	xã Ngòi Cây	H. Mường Ảng	21° 34' 38"	103° 11' 42"					F-48-51-C		
đèo Tạng Quai	SV	xã Ngòi Cây	H. Mường Ảng	21° 31' 45"	103° 10' 25"					F-48-51-C		
núi Thổ Lộ	SV	xã Ngòi Cây	H. Mường Ảng	21° 35' 31"	103° 12' 35"					F-48-51-C		
bản Cẩm Cạn	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 25' 59"	103° 24' 03"					F-48-63-B		
bản Chùa Sấu	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 25' 38"	103° 19' 18"					F-48-63-B		
bản Co Hón	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 28' 53"	103° 20' 06"					F-48-63-B		
bản Co Muồng	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 26' 46"	103° 20' 46"					F-48-63-B		
nậm Hũa	TV	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng			21° 29' 01"	103° 20' 45"	21° 25' 43"	103° 24' 38"	F-48-63-B		
bản Hua Khén	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 25' 23"	103° 19' 59"					F-48-63-B		
bản Kéo	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 29' 21"	103° 19' 59"					F-48-63-B		
bản Khén	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 27' 09"	103° 20' 26"					F-48-63-B		
huổi Khén	TV	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng			21° 25' 25"	103° 19' 23"	21° 27' 20"	103° 20' 30"	F-48-63-B		
bản Lao	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 28' 06"	103° 20' 20"					F-48-63-B		
bản Long Đét	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 28' 29"	103° 22' 52"					F-48-63-B		
bản Món Hà	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 28' 18"	103° 20' 25"					F-48-63-B		
núi Na Đếch	SV	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 28' 32"	103° 21' 02"					F-48-63-B		
bản Pá Lạn	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 28' 36"	103° 19' 58"					F-48-63-B		
bản Pha Hùn	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 27' 10"	103° 22' 09"					F-48-63-B		
bản Pháy	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 28' 53"	103° 19' 49"					F-48-63-B		
bản Phiêng Lao	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 28' 04"	103° 21' 26"					F-48-63-B		
bản Pí	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 26' 37"	103° 20' 52"					F-48-63-B		
huổi Pí	TV	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng			21° 26' 46"	103° 20' 58"	21° 27' 20"	103° 20' 30"	F-48-63-B		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
núi Thẩm Châu	SV	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 25' 24"	103° 18' 55"					F-48-63-B
bản Thẩm Châu	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 26' 09"	103° 19' 14"					F-48-63-B
huối Váng	TV	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng			21° 27' 17"	103° 19' 34"	21° 27' 51"	103° 20' 33"	F-48-63-B
tổ dân phố 1	DC	TT. Mường Chà	H. Mường Chà	21° 45' 04"	103° 05' 05"					F-48-51-A
quốc lộ 12	KX	TT. Mường Chà	H. Mường Chà			21° 46' 19"	103° 05' 36"	21° 44' 40"	103° 04' 59"	F-48-51-A, F-48-51-C
tổ dân phố 13	DC	TT. Mường Chà	H. Mường Chà	21° 45' 51"	103° 05' 22"					F-48-51-A
nặm Mươn	TV	TT. Mường Chà	H. Mường Chà			21° 46' 18"	103° 05' 31"	21° 44' 42"	103° 04' 58"	F-48-51-A, F-48-51-C
nặm Bai	TV	xã Chà Nưa	H. Mường Chà			21° 53' 56"	102° 54' 13"	21° 57' 52"	102° 51' 48"	F-48-50-B
bản Cẩu	DC	xã Chà Nưa	H. Mường Chà	21° 57' 44"	102° 51' 55"			21° 53' 18"	102° 50' 03"	F-48-50-B
nặm Dích	TV	xã Chà Nưa	H. Mường Chà	21° 53' 41"	102° 52' 42"					F-48-50-B
bản Nà Cang	DC	xã Chà Nưa	H. Mường Chà	21° 56' 55"	102° 52' 35"					F-48-50-B
bản Nà In 1	DC	xã Chà Nưa	H. Mường Chà	21° 57' 05"	102° 52' 49"					F-48-50-B
bản Nà In 2	DC	xã Chà Nưa	H. Mường Chà	21° 55' 32"	102° 53' 24"					F-48-50-B
bản Nà Sứ	DC	xã Chà Nưa	H. Mường Chà			21° 55' 40"	102° 55' 38"	21° 55' 32"	102° 53' 42"	F-48-50-B
nặm Nghèn	TV	xã Chà Nưa	H. Mường Chà			21° 56' 23"	102° 51' 25"	21° 57' 54"	102° 51' 51"	F-48-50-B
huối Nin	TV	xã Chà Nưa	H. Mường Chà	21° 56' 22"	102° 52' 58"					F-48-50-B
bản Pa Có	DC	xã Chà Nưa	H. Mường Chà			21° 52' 46"	102° 53' 18"	21° 53' 29"	102° 54' 16"	F-48-50-B
sưởi Phum Nhũng	TV	xã Chà Nưa	H. Mường Chà			21° 58' 01"	103° 10' 28"	21° 57' 09"	103° 13' 11"	F-48-51-A
quốc lộ 6	KX	xã Hừa Ngải	H. Mường Chà			21° 50' 17"	103° 10' 37"	21° 50' 55"	103° 15' 26"	F-48-51-B, F-48-51-A
sưởi Đẻ Bấu	TV	xã Hừa Ngải	H. Mường Chà							F-48-51-A
bản Há Là Chủ A	DC	xã Hừa Ngải	H. Mường Chà	21° 53' 16"	103° 10' 22"					F-48-51-A
bản Há Là Chủ B	DC	xã Hừa Ngải	H. Mường Chà	21° 53' 01"	103° 10' 29"					F-48-51-A
bản Hát Tre	DC	xã Hừa Ngải	H. Mường Chà	21° 56' 43"	103° 11' 48"					F-48-51-A
bản Hừa Ngải	DC	xã Hừa Ngải	H. Mường Chà	21° 52' 33"	103° 14' 42"					F-48-51-A
bản Phi Công	DC	xã Hừa Ngải	H. Mường Chà	21° 57' 26"	103° 10' 53"					F-48-51-A
bản San Sả Hồ	DC	xã Hừa Ngải	H. Mường Chà	21° 55' 21"	103° 12' 00"					F-48-51-A
bản San Sùi	DC	xã Hừa Ngải	H. Mường Chà	21° 52' 38"	103° 13' 18"					F-48-51-A
quốc lộ 12	KX	xã Huối Lềng	H. Mường Chà			21° 56' 19"	103° 08' 23"	21° 51' 06"	103° 07' 15"	F-48-51-A
Hạt Giao thông 22	KX	xã Huối Lềng	H. Mường Chà	21° 51' 43"	103° 07' 24"					F-48-51-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
bản Ca Dính Nhè pu Đì Độ bản Huổi Lèng núi Huổi Lèng bản Huổi Toóng 1 bản Huổi Toóng 2 nậm Lay bản Ma Lù Thàng đèo Ma Thi Hồ bản Nậm Chua suối Phi Tông huổi Sa Lương huổi Toóng bản Trung Dinh bản Huổi Mì 1 bản Huổi Mì 2 bản Huổi Xuân bản Lông Tào bản Lùng Thàng huổi Mì nậm Mực bản Pa Ít bản Pa Son 2 nậm Chim bản Hồ Chim 1 bản Hồ Chim 2 bản Huổi Mỹ	DC	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà	21° 53' 12"	103° 03' 35"					F-48-51-A
	SV	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà	21° 54' 24"	103° 04' 05"					F-48-51-A
	DC	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà	21° 53' 55"	103° 08' 57"					F-48-51-A
	SV	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà	21° 55' 23"	103° 10' 10"					F-48-51-A
	DC	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà	21° 52' 45"	103° 07' 49"					F-48-51-A
	DC	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà	21° 52' 26"	103° 07' 42"	21° 53' 18"	103° 05' 23"	21° 55' 40"	103° 07' 55"	F-48-51-A
	TV	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà							F-48-51-A
	DC	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà	21° 54' 45"	103° 08' 49"					F-48-51-A
	SV	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà	21° 51' 06"	103° 07' 15"					F-48-51-A
	DC	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà	21° 53' 49"	103° 01' 30"					F-48-51-A
	TV	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà			21° 53' 07"	103° 02' 55"	21° 55' 12"	103° 01' 21"	F-48-51-A
	TV	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà			21° 54' 51"	103° 05' 11"	21° 55' 40"	103° 07' 55"	F-48-51-A
	TV	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà			21° 52' 26"	103° 07' 44"	21° 53' 51"	103° 07' 18"	F-48-51-A
	DC	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà	21° 53' 20"	103° 07' 49"					F-48-51-A
	DC	xã Huổi Mì	H. Mường Chà	21° 46' 14"	103° 12' 46"					F-48-51-A
	DC	xã Huổi Mì	H. Mường Chà	21° 44' 48"	103° 12' 15"					F-48-51-C
	DC	xã Huổi Mì	H. Mường Chà	21° 44' 38"	103° 08' 10"					F-48-51-C
	DC	xã Huổi Mì	H. Mường Chà	21° 52' 33"	103° 14' 42"					F-48-51-A
	DC	xã Huổi Mì	H. Mường Chà	21° 47' 42"	103° 15' 46"			21° 48' 12"	103° 12' 30"	F-48-51-B
TV	xã Huổi Mì	H. Mường Chà					21° 48' 12"	103° 10' 39"	F-48-51-A	
nậm Mực bản Pa Ít bản Pa Son 2 nậm Chim bản Hồ Chim 1 bản Hồ Chim 2 bản Huổi Mỹ	TV	xã Huổi Mì	H. Mường Chà					21° 43' 03"	103° 08' 33"	F-48-51-A, F-48-51-B, F-48-51-C
	DC	xã Huổi Mì	H. Mường Chà	21° 43' 18"	103° 10' 50"					F-48-51-C
	DC	xã Huổi Mì	H. Mường Chà	21° 45' 38"	103° 10' 02"					F-48-51-A
	TV	xã Ma Thi Hồ	H. Mường Chà					21° 46' 48"	102° 58' 45"	F-48-50-D F-48-51-A F-48-50-B F-48-51-C
bản Hồ Chim 1 bản Hồ Chim 2 bản Huổi Mỹ	DC	xã Ma Thi Hồ	H. Mường Chà	21° 47' 31"	103° 01' 25"					F-48-51-A
	DC	xã Ma Thi Hồ	H. Mường Chà	21° 47' 28"	103° 00' 23"					F-48-51-A
	DC	xã Ma Thi Hồ	H. Mường Chà	21° 47' 28"	103° 00' 23"					F-48-51-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
bản Huổi Quang 1 bản Huổi Quang 2 suối Ma Thi Hồ bản Ma Thi Hồ 1 bản Ma Thi Hồ 2 bản Nậm Chim huổi Quang Đồn Biên phòng 421 huổi Bua huổi Chở suối Co Ngao huổi Đĩa Trạm Biên phòng Đồn 421 bản Huổi Meo bản Huổi Nhả bản Huổi Vang núi Keng Chan pu Múa nậm Mực bản Mường Mươn 1 bản Mường Mươn 2 huổi Nhả óm Pa Lo huổi Phia bản Pú Chả bản Pú Múa bản Púng Giắt 1 bản Púng Giắt 2 pu Sam Thang huổi Toáng	DC	xã Ma Thi Hồ	H. Mường Chà	21° 43' 32"	102° 59' 04"					F-48-50-D
	DC	xã Ma Thi Hồ	H. Mường Chà	21° 44' 06"	103° 00' 04"					F-48-51-C
	TV	xã Ma Thi Hồ	H. Mường Chà		21° 52' 45"	103° 01' 42"	21° 47' 29"	103° 01' 34"		F-48-51-A
	DC	xã Ma Thi Hồ	H. Mường Chà	21° 49' 20"	103° 01' 54"					F-48-51-A
	DC	xã Ma Thi Hồ	H. Mường Chà	21° 51' 56"	103° 01' 36"					F-48-51-A
	DC	xã Ma Thi Hồ	H. Mường Chà	21° 47' 28"	103° 00' 23"					F-48-51-A
	TV	xã Ma Thi Hồ	H. Mường Chà		21° 43' 29"	102° 59' 01"	21° 44' 05"	103° 01' 19"		F-48-50-B
	KX	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 39' 21"	103° 03' 38"					F-48-51-C
	TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà		21° 39' 55"	103° 02' 35"	21° 39' 57"	103° 03' 40"		F-48-51-C
	TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà		21° 36' 43"	103° 02' 49"	21° 37' 16"	103° 02' 25"		F-48-51-C
	TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà		21° 39' 02"	103° 04' 28"	21° 39' 37"	103° 03' 40"		F-48-51-C
	TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà		21° 39' 19"	103° 04' 33"	21° 39' 39"	103° 03' 39"		F-48-51-C
	KX	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 37' 13"	103° 02' 02"					F-48-51-C
	DC	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 37' 00"	103° 00' 20"					F-48-51-C
	DC	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 41' 36"	103° 06' 38"					F-48-51-C
	DC	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 39' 09"	103° 03' 28"					F-48-51-C
SV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 38' 28"	103° 00' 55"					F-48-51-C	
SV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 39' 12"	103° 01' 13"					F-48-51-C	
TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà			21° 35' 29"	102° 59' 28"	21° 41' 02"	103° 04' 16"	F-48-51-C, F-48-50-D	
bản Mường Mươn 1 bản Mường Mươn 2 huổi Nhả óm Pa Lo huổi Phia bản Pú Chả bản Pú Múa bản Púng Giắt 1 bản Púng Giắt 2 pu Sam Thang huổi Toáng	DC	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 40' 07"	103° 04' 02"					F-48-51-C
	DC	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 40' 27"	103° 04' 09"					F-48-51-C
	TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà			103° 07' 40"	21° 40' 31"	103° 05' 46"		F-48-51-C
	TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà			103° 03' 13"	21° 37' 40"	103° 02' 59"		F-48-51-C
	TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà			103° 04' 32"	21° 39' 51"	103° 03' 40"		F-48-51-C
	DC	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 39' 21"	103° 04' 42"					F-48-51-C
	DC	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 40' 49"	103° 02' 11"					F-48-51-C
	DC	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 38' 16"	103° 02' 56"					F-48-51-C
	DC	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 37' 46"	103° 02' 52"					F-48-51-C
	SV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 36' 56"	103° 05' 23"					F-48-51-C
	TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà			103° 03' 09"	21° 40' 28"	103° 04' 03"		F-48-51-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ôm Trưm	TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà			21° 38' 40"	103° 01' 35"	21° 38' 09"	103° 02' 28"	F-48-51-C
huổi Vang	TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà			21° 37' 21"	103° 04' 36"	21° 39' 44"	103° 03' 27"	F-48-51-C
quốc lộ 12	KX	xã Mường Tùng	H. Mường Chà			21° 58' 03"	103° 08' 52"	21° 56' 19"	103° 08' 22"	F-48-51-A
nậm Cang	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà			21° 56' 14"	103° 02' 35"	21° 57' 55"	103° 03' 04"	F-48-51-A
huổi Chá	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà			21° 55' 17"	103° 04' 14"	21° 56' 24"	103° 04' 34"	F-48-51-A
bản Đán Đanh	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	22° 00' 35"	103° 00' 57"					F-48-39-C
pu Đì Độ	SV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 56' 19"	103° 05' 47"					F-48-51-A
huổi Ến	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà							F-48-51-A
nậm He	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà							F-48-51-A
nậm He Nọi	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà							F-48-51-A
huổi Hoi	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà							F-48-51-A
bản Huổi Chá	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 56' 52"	103° 04' 42"			21° 56' 52"	103° 08' 20"	F-48-51-A
bản Huổi Diết	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 59' 46"	103° 02' 44"			21° 58' 13"	103° 08' 46"	F-48-51-A
bản Huổi Sáy	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 58' 04"	103° 02' 44"			21° 58' 43"	103° 05' 18."	F-48-51-A
huổi Ỉt	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà					22° 01' 10"	103° 04' 50"	F-48-39-C
huổi Léch	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà							F-48-51-A
bản Mới	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 57' 07"	103° 08' 27"					F-48-39-C
bản Nậm Cang 1	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 57' 03"	103° 02' 58"					F-48-51-A
bản Nậm Cang 2	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 56' 07"	103° 02' 09"					F-48-51-A
pu Nậm He	SV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	22° 02' 59"	103° 01' 00"					F-48-39-C
bản Nậm He 1	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 58' 16"	103° 04' 39"					F-48-51-A
pu Nậm He Nọi	SV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	22° 01' 20"	103° 03' 45"					F-48-39-C
bản Nậm Piền	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 59' 36"	103° 01' 19"					F-48-51-A
huổi Nhé Mé	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà							F-48-51-A
huổi Pẩu	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà							F-48-51-A
bản Phiêng Ban	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 57' 51"	103° 08' 24"					F-48-51-A
nậm Piền	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà							F-48-39-C
bản Púng Chạng	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	22° 02' 35"	103° 01' 07"					F-48-39-C
bản Tín Tắc	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 56' 39"	103° 08' 12"					F-48-51-A
cầu Tín Tắc 1	KX	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 56' 58"	103° 08' 27"					F-48-51-A
huổi Van	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà							F-48-51-A
quốc lộ 12	KX	xã Na Sang	H. Mường Chà							F-48-51-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
huổi Bàu	TV	xã Na Sang	H. Mường Chà			21° 42' 03"	103° 03' 24"	21° 41' 59"	103° 04' 25"	F-48-51-C
nặng Chim	TV	xã Na Sang	H. Mường Chà			21° 45' 12"	103° 02' 14"	21° 39' 29"	103° 58' 43"	F-48-51-C
bản Co Đũa	DC	xã Na Sang	H. Mường Chà	21° 42' 07"	103° 04' 32"					F-48-51-C
huổi Dân Quán	TV	xã Na Sang	H. Mường Chà			21° 44' 19"	103° 03' 58"	21° 43' 56"	103° 04' 59"	F-48-51-C
huổi Địch	TV	xã Na Sang	H. Mường Chà			21° 41' 23"	103° 02' 27"	21° 40' 54"	103° 04' 14"	F-48-51-C
bản Hin 1	DC	xã Na Sang	H. Mường Chà	21° 41' 49"	103° 05' 11"					F-48-51-C
bản Hin 2	DC	xã Na Sang	H. Mường Chà	21° 41' 39"	103° 04' 49"					F-48-51-C
bản Huổi Lóng	DC	xã Na Sang	H. Mường Chà	21° 42' 42"	103° 02' 45"					F-48-51-C
bản Huổi Xưa	DC	xã Na Sang	H. Mường Chà	21° 43' 10"	103° 07' 01"					F-48-51-C
huổi Két	TV	xã Na Sang	H. Mường Chà							F-48-51-C,
huổi Múa	TV	xã Na Sang	H. Mường Chà							F-48-50-D
nặng Mực	TV	xã Na Sang	H. Mường Chà			21° 41' 02"	103° 04' 16"	21° 43' 07"	103° 09' 44"	F-48-51-C
nặng Mườn	TV	xã Na Sang	H. Mường Chà			21° 44' 42"	103° 04' 58"	21° 41' 57"	103° 04' 38"	F-48-51-C
cầu Mường Mườn	KX	xã Na Sang	H. Mường Chà	21° 41' 44"	103° 04' 51"					F-48-51-C
bản Nà Pheo	DC	xã Na Sang	H. Mường Chà	21° 43' 54"	103° 05' 02"					F-48-51-C
bản Nậm Bó	DC	xã Na Sang	H. Mường Chà	21° 42' 42"	103° 02' 45"					F-48-51-C
huổi Nhà	TV	xã Na Sang	H. Mường Chà					21° 40' 31"	103° 05' 29"	F-48-51-C
huổi Pung	TV	xã Na Sang	H. Mường Chà					21° 43' 46"	103° 04' 55"	F-48-51-C
nặng Cút	TV	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà			21° 49' 15"	103° 15' 18"	21° 50' 16"	103° 17' 35"	F-48-51-B
bản Cửu Tạng	DC	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà	21° 49' 40"	103° 15' 21"					F-48-51-B
bản Háng Trở	DC	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà	21° 48' 59"	103° 16' 35"					F-48-51-B
bản Hồ Cút	DC	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà	21° 49' 30"	103° 16' 50"					F-48-51-B
bản Hồ Mực	DC	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà	21° 48' 49"	103° 17' 52"					F-48-51-B
bản Nậm Cút	DC	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà	21° 50' 05"	103° 17' 34"					F-48-51-B
cầu Nậm Mực	KX	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà	21° 48' 20"	103° 18' 00"					F-48-51-B
núi Nậm Nèn	SV	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà	21° 50' 02"	103° 15' 20"					F-48-51-B
bản Nậm Nèn 1	DC	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà	21° 51' 07"	103° 17' 04"					F-48-51-B
bản Nậm Nèn 2	DC	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà	21° 50' 56"	103° 16' 44"					F-48-51-B
nặng Nèn	TV	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà			21° 50' 55"	103° 15' 26"	21° 51' 06"	103° 17' 12"	F-48-51-B
bản Phiêng Đất A	DC	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà	21° 51' 28"	103° 17' 03"					F-48-51-A
										F-48-51-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
bản Phiang Đát B huổi Cang	DC	xã Nậm Nền	H. Mường Chà	21° 51' 51"	103° 17' 14"							F-48-51-B
	TV	xã Pa Ham	H. Mường Chà			21° 53' 32"	103° 13' 42"	21° 55' 14"	103° 15' 47"			F-48-51-B
bản Huổi Bon bản Huổi Cang	DC	xã Pa Ham	H. Mường Chà	21° 54' 57"	103° 14' 18"							F-48-51-A
	DC	xã Pa Ham	H. Mường Chà	21° 53' 50"	103° 15' 57"							F-48-51-B
bản Huổi Đáp bản Mường Anh 1	DC	xã Pa Ham	H. Mường Chà	21° 53' 58"	103° 15' 29"							F-48-51-B
	DC	xã Pa Ham	H. Mường Chà	21° 55' 51"	103° 14' 04"							F-48-51-A
bản Mường Anh 2 bản Pa Ham	DC	xã Pa Ham	H. Mường Chà	21° 55' 57"	103° 14' 10"							F-48-51-A
	DC	xã Pa Ham	H. Mường Chà	21° 56' 02"	103° 13' 43"							F-48-51-A
bản Phong Châu nậm Tấu	DC	xã Pa Ham	H. Mường Chà	21° 56' 46"	103° 13' 27"							F-48-51-A
	TV	xã Pa Ham	H. Mường Chà			21° 55' 31"	103° 13' 04"	21° 55' 58"	103° 14' 58"			F-48-51-A
quốc lộ 6 nậm Mực	KX	xã Pa Ham	H. Mường Chà			21° 53' 14"	103° 12' 47"	21° 48' 20"	103° 18' 00"			F-48-51-B
	TV	xã Pa Ham	H. Mường Chà			21° 53' 55"	103° 14' 58"	21° 47' 14"	103° 16' 38"			F-48-51-A
quốc lộ 12 bản Chiêu Ly	KX	xã Sa Lông	H. Mường Chà			21° 51' 06"	103° 07' 15"	21° 46' 19"	103° 05' 36"			F-48-51-A
	DC	xã Sa Lông	H. Mường Chà	21° 50' 49"	103° 08' 46"							F-48-51-A
bản Cổng Trời suối Đẻ Quá Từ	DC	xã Sa Lông	H. Mường Chà	21° 50' 54"	103° 07' 04"			21° 49' 38"	103° 05' 01"	21° 48' 47"	103° 06' 09"	F-48-51-A
	TV	xã Sa Lông	H. Mường Chà									F-48-51-A
bản Háng Lìa đèo Ma Thi Hồ	DC	xã Sa Lông	H. Mường Chà	21° 47' 35"	103° 05' 58"							F-48-51-A
	SV	xã Sa Lông	H. Mường Chà	21° 51' 06"	103° 07' 15"							F-48-51-A
núi Phi Tông bản Pu Ca	SV	xã Sa Lông	H. Mường Chà	21° 51' 16"	103° 05' 39"							F-48-51-A
	DC	xã Sa Lông	H. Mường Chà	21° 46' 47"	103° 05' 53"							F-48-51-A
suối Sa Lông bản Sa Lông 1	TV	xã Sa Lông	H. Mường Chà			21° 48' 31"	103° 08' 29"	21° 49' 07"	103° 06' 31"			F-48-51-A
	DC	xã Sa Lông	H. Mường Chà	21° 49' 6"	103° 06' 45"							F-48-51-A
bản Sa Lông 2 bản Thên Pả	DC	xã Sa Lông	H. Mường Chà	21° 48' 55"	103° 06' 27"							F-48-51-A
	DC	xã Sa Lông	H. Mường Chà	21° 50' 13"	103° 09' 59"							F-48-51-A
quốc lộ 6 pu Nhung	KX	xã Sá Tổng	H. Mường Chà			21° 59' 52"	103° 10' 04"	21° 58' 01"	103° 10' 28"			F-48-51-A
	SV	xã Sá Tổng	H. Mường Chà	21° 59' 52"	103° 13' 46"							F-48-51-A
sông Đà bản Dẻ Da	TV	xã Sá Tổng	H. Mường Chà					22° 04' 14"	103° 11' 20"	22° 02' 32"	103° 17' 11"	F-48-39-C
	DC	xã Sá Tổng	H. Mường Chà	22° 00' 54"	103° 11' 27"							F-48-39-D
bản Dẻ Dẻ bản Há Mùa Lừ	DC	xã Sá Tổng	H. Mường Chà	21° 58' 28"	103° 11' 33"							F-48-51-A
	DC	xã Sá Tổng	H. Mường Chà	22° 02' 05"	103° 15' 28"							F-48-39-D
bản Háng Lìa	DC	xã Sá Tổng	H. Mường Chà	22° 01' 37"	103° 15' 37"							F-48-39-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
nằm Mực	TV	xã Sá Tổng	H. Mường Chà			21° 55' 58"	103° 14' 58"	22° 02' 32"	103° 17' 11"	F-48-39-D F-48-51-B
bản Phi Hai	DC	xã Sá Tổng	H. Mường Chà	21° 59' 56"	103° 10' 20"					F-48-51-A
bản Sá Ninh	DC	xã Sá Tổng	H. Mường Chà	22° 01' 15"	103° 10' 38"					F-48-39-C
đèo Sá Tổng	SV	xã Sá Tổng	H. Mường Chà	21° 59' 18"	103° 10' 16"					F-48-51-A
bản Xà Phình 1	DC	xã Sá Tổng	H. Mường Chà	21° 57' 53"	103° 14' 55"					F-48-51-A
bản Xà Phình 2	DC	xã Sá Tổng	H. Mường Chà	21° 59' 32"	103° 12' 45"					F-48-51-A
pu A Pa Kho Tú	SV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 19' 31"	102° 27' 04"					F-48-37-B
núi A Sen Thàng	SV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 21' 33"	102° 26' 18"					F-48-37-B
pu Đen Đin	SV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 15' 15"	102° 25' 30"					F-48-37-B
bản Đoàn Kết	DC	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 17' 53"	102° 23' 48"					F-48-37-B
phủ E Tam	SV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 15' 22"	102° 19' 47"					F-48-37-B
nằm Khum	TV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé			22° 20' 17"	102° 27' 38"	22° 19' 30"	102° 26' 26"	F-48-37-B
huổi Ma	TV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé			22° 13' 18"	102° 17' 28"	22° 13' 57"	102° 18' 17"	F-48-37-C+D F-48-37-C+D F-48-37-B
nằm Ma	TV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé			22° 14' 37"	102° 19' 12"	22° 20' 12"	102° 24' 45"	F-48-37-B
bản Nậm Khum	DC	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 17' 30"	102° 26' 14"					F-48-37-C+D
phủ Nậm Ma	SV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 13' 12"	102° 16' 35"					F-48-37-C+D
phủ Nậm Pắc	SV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 14' 08"	102° 16' 17"					F-48-37-B
bản Nậm Sin	DC	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 15' 52"	102° 27' 41"					F-48-37-A, F-48-37-B
suối Nhủ Ma Hò	TV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé			22° 14' 44"	102° 14' 46"	22° 16' 47"	102° 21' 45"	F-48-37-B
huổi Pa Ma	TV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé			22° 17' 30"	102° 20' 53"	22° 16' 47"	102° 21' 45"	F-48-37-B
nằm Pắc	TV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé			22° 13' 38"	102° 16' 16"	22° 14' 37"	102° 19' 12"	F-48-37-C+D
núi Phang U Quen	SV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 17' 56"	102° 22' 11"					F-48-37-B
núi Phù Phang	SV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 17' 58"	102° 24' 26"					F-48-37-B
nằm Po	TV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé			22° 15' 37"	102° 24' 59"	22° 15' 56"	102° 24' 07"	F-48-37-B
nằm Pò Khò	TV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé			22° 15' 56"	102° 24' 07"	22° 17' 19"	102° 23' 43"	F-48-37-B
nằm Sin	TV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé			22° 15' 28"	102° 29' 45"	22° 19' 07"	102° 25' 09"	F-48-37-C+D
nằm Sin Qué	TV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé			22° 20' 51"	102° 27' 11"	22° 20' 23"	102° 25' 28"	F-48-37-B
bản Cây Sắt	DC	xã Huổi Léch	H. Mường Nhé	22° 09' 17"	102° 39' 57"					F-48-38-C
bản Nậm Hinh 1	DC	xã Huổi Léch	H. Mường Nhé	22° 07' 37"	102° 42' 16"					F-48-38-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
bản Nậm Hỉnh 2	DC	xã Huổi Léch	H. Mường Nhé	22° 07' 00"	102° 40' 45"					F-48-38-C
bản Nậm Khum	DC	xã Huổi Léch	H. Mường Nhé	22° 10' 41"	102° 43' 46"					F-48-38-C
bản Nậm Mý 1	DC	xã Huổi Léch	H. Mường Nhé	22° 08' 04"	102° 39' 57"					F-48-38-C
bản Nậm Mý 2	DC	xã Huổi Léch	H. Mường Nhé	22° 08' 14"	102° 40' 14"					F-48-38-C
bản Nậm Ngà	DC	xã Huổi Léch	H. Mường Nhé	22° 14' 34"	102° 42' 13"					F-48-38-C
bản Nậm Pan 1	DC	xã Huổi Léch	H. Mường Nhé	22° 09' 46"	102° 37' 27"					F-48-38-C
bản Nậm Pan 2	DC	xã Huổi Léch	H. Mường Nhé	22° 09' 31"	102° 38' 33"					F-48-38-C
nậm Khum	TV	xã Huổi Léch	H. Mường Nhé							F-48-38-C
nậm Ngà	TV	xã Huổi Léch	H. Mường Nhé							F-48-38-C
Đồn Biên phòng 405	KX	xã Leng Su Sin	H. Mường Nhé	22° 21' 07"	102° 19' 59"					F-48-37-B
nậm Chi Xé	TV	xã Leng Su Sin	H. Mường Nhé							F-48-37-B
núi Có Kang Sừng	SV	xã Leng Su Sin	H. Mường Nhé	22° 21' 13"	102° 22' 22"					F-48-37-B
phủ Giảng Có Chư	SV	xã Leng Su Sin	H. Mường Nhé	22° 19' 18"	102° 17' 41"					F-48-37-B
bản Leng Su Sin	DC	xã Leng Su Sin	H. Mường Nhé	22° 21' 23"	102° 20' 15"					F-48-37-B
núi Leng Su Sin	SV	xã Leng Su Sin	H. Mường Nhé	22° 21' 59"	102° 20' 14"					F-48-37-B
núi Lô Na Khò	SV	xã Leng Su Sin	H. Mường Nhé	22° 22' 05"	102° 21' 34"					F-48-37-B
nậm Ma	TV	xã Leng Su Sin	H. Mường Nhé							F-48-37-B
nậm Ma Kang Khò	TV	xã Leng Su Sin	H. Mường Nhé							F-48-37-B
núi Mo Phi Thó Gạ	SV	xã Leng Su Sin	H. Mường Nhé	22° 23' 03"	102° 22' 33"					F-48-37-B
phủ Nhù Ma Hò	SV	xã Leng Su Sin	H. Mường Nhé	22° 17' 54"	102° 14' 54"					F-48-37-B
suối Nhù Ma Hò	TV	xã Leng Su Sin	H. Mường Nhé					22° 14' 44"	102° 14' 46"	F-48-37-B, F-48-37-D+C
huổi Pa Ma	TV	xã Leng Su Sin	H. Mường Nhé					22° 18' 49"	102° 18' 27"	F-48-37-B
suối Pang Pơi	TV	xã Leng Su Sin	H. Mường Nhé					22° 20' 38"	102° 21' 23"	F-48-37-B
nậm Phứ Ma	TV	xã Leng Su Sin	H. Mường Nhé					22° 22' 14"	102° 25' 04"	F-48-37-B
núi Pí Thí Khó Chò	SV	xã Leng Su Sin	H. Mường Nhé	22° 18' 24"	102° 20' 13"					F-48-37-B
suối Pí Thí	TV	xã Leng Su Sin	H. Mường Nhé					22° 20' 08"	102° 19' 03"	F-48-37-B
nậm Sin Kang Khò	TV	xã Leng Su Sin	H. Mường Nhé					22° 19' 54"	102° 16' 33"	F-48-37-B
núi Sin Sa Y	SV	xã Leng Su Sin	H. Mường Nhé	22° 21' 05"	102° 19' 31"					F-48-37-B
bản Suối Voi	DC	xã Leng Su Sin	H. Mường Nhé	22° 20' 27"	102° 22' 03"					F-48-37-B
Đồn Biên phòng 409	KX	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 11' 54"	102° 26' 49"					F-48-37-B
huổi Bon	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé					22° 09' 13"	102° 30' 43"	F-48-37-C+D F-48-38-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
nậm Cháy	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 07' 03"	102° 27' 28"	22° 06' 53"	102° 30' 06"	F-48-37-C+D, F-48-38-C
bản Co Lót	DC	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 08' 42"	102° 30' 53"					F-48-38-C
pu Đen Đin	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 08' 53"	102° 23' 35"					F-48-37-C+D
huỗi Hin Bông	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 14' 47"	102° 24' 33"	22° 13' 48"	102° 24' 20"	F-48-37-C+D
pu Hồ Nậm Nhé	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 08' 01"	102° 23' 44"					F-48-37-C+D
pu Hối Cáy	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 09' 32"	102° 22' 58"					F-48-37-C+D
pu Huỗi Cáy	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 10' 33"	102° 23' 51"					F-48-37-C+D
pu Huỗi Đeng	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 11' 02"	102° 26' 07"					F-48-37-C+D
pu Huỗi Ló	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 09' 40"	102° 25' 19"					F-48-37-C+D
pu Huỗi Sa	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 10' 47"	102° 29' 20"					F-48-37-C+D
nậm Kè	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 06' 42"	102° 27' 30"	22° 06' 27"	102° 29' 16"	F-48-37-C+D
nậm Khún	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 13' 54"	102° 23' 23"	22° 14' 07"	102° 24' 04"	F-48-37-C+D
nậm Là	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 10' 36"	102° 20' 17"	22° 11' 58"	102° 25' 14"	F-48-37-C+D
huỗi Ló	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 10' 48"	102° 27' 12"	22° 10' 49"	102° 27' 51"	F-48-37-C+D
bản Mường Nhé	DC	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 11' 11"	102° 27' 28"					F-48-37-C+D
pu Nậm Cùm	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 11' 45"	102° 21' 44"					F-48-37-C+D
bản Nậm Là	DC	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 11' 56"	102° 25' 20"					F-48-37-C+D
bản Nậm Pố	DC	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 10' 16"	102° 28' 53"					F-48-37-C+D
pu Nậm Pố	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 09' 25"	102° 26' 22"					F-48-37-C+D
pu Nậm Pố Luông	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 10' 11"	102° 22' 27"					F-48-37-C+D
pu Nậm Pố Nọi	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 08' 35"	102° 26' 28"					F-48-37-C+D
nậm Nhé	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 10' 02"	102° 22' 30"	22° 11' 18"	102° 23' 06"	F-48-37-C+D
pu Phan Cống Tú	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 09' 22"	102° 25' 29"					F-48-37-C+D
huỗi Piéc	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 14' 46"	102° 24' 59"	22° 14' 47"	102° 24' 33"	F-48-37-C+D
nậm Pố	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 09' 23"	102° 27' 42"	22° 10' 08"	102° 29' 11"	F-48-37-C+D
nậm Pố Luông	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 07' 49"	102° 25' 42"	22° 09' 23"	102° 27' 42"	F-48-37-C+D
nậm Pố Nọi	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 08' 50"	102° 25' 53"	22° 09' 23"	102° 27' 42"	F-48-37-C+D
nậm San	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 13' 49"	102° 21' 53"	22° 13' 54"	102° 23' 23"	F-48-37-C+D
pu Tin Tóc	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 07' 06"	102° 28' 37"					F-48-37-C+D
huỗi Tun	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 15' 11"	102° 23' 03"	22° 14' 07"	102° 24' 04"	F-48-37-C+D
bản Mường Toong 1	DC	xã Mường Toong	H. Mường Nhé	22° 09' 26"	102° 34' 19"					F-48-38-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
bản Mường Toong 2	DC	xã Mường Toong	H. Mường Nhé	22° 09' 1"	102° 34' 24"							F-48-38-C
	DC	xã Mường Toong	H. Mường Nhé	22° 13' 39"	102° 34' 12"							F-48-38-C
	DC	xã Mường Toong	H. Mường Nhé	22° 11' 26"	102° 33' 35"							F-48-38-C
	TV	xã Mường Toong	H. Mường Nhé			22° 08' 53"	102° 31' 45"	22° 07' 50"	102° 34' 48"			F-48-38-C
bản Tà Hàng	DC	xã Mường Toong	H. Mường Nhé	22° 08' 46"	102° 31' 42"							F-48-38-C
nậm Chà	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé			21° 59' 42"	102° 33' 17"	21° 59' 57"	102° 36' 24"			F-48-49-B +50-A
bản Chuyên Gia 1	DC	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 06' 04"	102° 38' 04"							F-48-38-C
bản Chuyên Gia 2	DC	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 05' 41"	102° 37' 40"							F-48-38-C
bản Chuyên Gia 3	DC	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 06' 56"	102° 32' 12"							F-48-38-C
núi Cổ Ven	SV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 06' 44"	102° 31' 48"							F-48-38-C
huổi Đáp	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé			22° 05' 24"	102° 37' 41"	22° 06' 00"	102° 38' 53"			F-48-38-C
huổi Deng	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé			22° 05' 16"	102° 34' 26"	22° 06' 16"	102° 35' 09"			F-48-38-C
huổi Hang	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé			22° 08' 03"	102° 31' 00"	22° 08' 53"	102° 31' 45"			F-48-38-C
nậm Hìn Quảng	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé			22° 03' 37"	102° 31' 16"	22° 04' 54"	102° 31' 41"			F-48-38-C
bản Huổi Khon	DC	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 07' 19"	102° 37' 56"							F-48-37-C+D
núi Huổi Néo	SV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 05' 05"	102° 28' 47"			22° 06' 53"	102° 30' 06"	22° 07' 26"	102° 34' 50"	F-48-38-C
nậm Kè	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé					22° 04' 47"	102° 28' 55"	22° 06' 13"	102° 31' 21"	F-48-37-C+D
nậm Kè Nọi	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé					22° 04' 48"	102° 30' 11"	22° 04' 54"	102° 31' 41"	F-48-38-C
huổi Lê Lon	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé									F-48-38-C
bản Nậm Kè	DC	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 07' 02"	102° 34' 23"			22° 04' 24"	102° 27' 48"	22° 05' 52"	102° 28' 25"	F-48-37-C+D
huổi Néo	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé					22° 03' 32"	102° 28' 28"	22° 04' 05"	102° 31' 28"	F-48-38-C
nậm Ngoa	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé					22° 07' 51"	102° 34' 30"	22° 05' 58"	102° 39' 00"	F-48-38-C
nậm Nhé	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 04' 51"	102° 32' 24"							F-48-38-C
núi Pá Cò Lô	SV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 03' 59"	102° 28' 28"							F-48-37-C+D
núi Pá Pun	SV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 06' 50"	102° 35' 13"							F-48-38-C
bản Phiêng Vai	DC	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 06' 23"	102° 30' 04"							F-48-38-C
núi Pôn Pin	SV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé			22° 05' 18"	102° 35' 50"	22° 06' 33"	102° 35' 30"			F-48-38-C
nậm Pun	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé									F-48-38-C
núi Ven Pi	SV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 07' 32"	102° 32' 14"							F-48-38-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
bản Huổi Lùm	DC	xã Nậm Vĩ	H. Mường Nhé	22° 12' 37"	102° 31' 53"					F-48-38-C
bản Huổi Trạ	DC	xã Nậm Vĩ	H. Mường Nhé	22° 11' 13"	102° 30' 17"					F-48-38-C
bản Nậm Vĩ	DC	xã Nậm Vĩ	H. Mường Nhé	22° 11' 55"	102° 31' 13"					F-48-38-C
huổi Trạ	TV	xã Nậm Vĩ	H. Mường Nhé	22° 11' 56"	102° 29' 17"	22° 11' 11"	102° 30' 04"			F-48-37-C+D
nậm Vĩ	TV	xã Nậm Vĩ	H. Mường Nhé	22° 12' 43"	102° 31' 32"	22° 10' 09"	102° 30' 01"			F-48-38-C
nậm Chà	TV	xã Pá Mỳ	H. Mường Nhé			22° 03' 24"	102° 38' 29"	22° 03' 16"	102° 41' 12"	F-48-38-C
bản Huổi Lích 1	DC	xã Pá Mỳ	H. Mường Nhé	22° 05' 16"	102° 40' 07"					F-48-38-C
bản Huổi Lích 2	DC	xã Pá Mỳ	H. Mường Nhé	22° 04' 59"	102° 39' 41"					F-48-38-C
bản Huổi Pét	DC	xã Pá Mỳ	H. Mường Nhé	22° 05' 16"	102° 41' 24"					F-48-38-C
nậm Nhé	TV	xã Pá Mỳ	H. Mường Nhé			22° 06' 45"	102° 38' 19"	22° 07' 48"	102° 44' 46"	F-48-38-C
bản Pá Mỳ 1	DC	xã Pá Mỳ	H. Mường Nhé	22° 06' 47"	102° 39' 15"					F-48-38-C
bản Pá Mỳ 2	DC	xã Pá Mỳ	H. Mường Nhé	22° 07' 40"	102° 38' 40"					F-48-38-C
bản Pá Mỳ 3	DC	xã Pá Mỳ	H. Mường Nhé	22° 06' 23"	102° 41' 31"					F-48-38-C
nậm Chà	TV	xã Quảng Lâm	H. Mường Nhé			21° 59' 57"	102° 36' 24"	22° 03' 24"	102° 38' 29"	F-48-38-C
núi Huổi Tén	SV	xã Quảng Lâm	H. Mường Nhé	22° 04' 04"	102° 33' 51"					F-48-38-C
huổi Lấp	TV	xã Quảng Lâm	H. Mường Nhé			22° 03' 12"	102° 42' 27"	22° 03' 16"	102° 41' 13"	F-48-38-C
nậm Mĩ	TV	xã Quảng Lâm	H. Mường Nhé			22° 00' 14"	102° 40' 42"	22° 02' 19"	102° 40' 28"	F-48-38-C
bản Nậm Chà Nội	DC	xã Quảng Lâm	H. Mường Nhé	22° 03' 09"	102° 36' 21"					F-48-38-C
bản Quảng Lâm	DC	xã Quảng Lâm	H. Mường Nhé	22° 02' 18"	102° 40' 23"					F-48-38-C
huổi Sa	TV	xã Quảng Lâm	H. Mường Nhé			22° 04' 05"	102° 37' 12"	22° 03' 37"	102° 37' 59"	F-48-38-C
bản Trạm Púng	DC	xã Quảng Lâm	H. Mường Nhé	22° 03' 23"	102° 37' 48"					F-48-38-C
núi Can Lòng Thàn	SV	xã Sen Thượng	H. Mường Nhé	22° 24' 59"	102° 16' 57"					F-48-37-B
núi Lò Quan Chải	SV	xã Sen Thượng	H. Mường Nhé	22° 27' 27"	102° 19' 22"					F-48-37-B
núi Lò San Chải	SV	xã Sen Thượng	H. Mường Nhé	22° 28' 42"	102° 16' 52"					F-48-37-B
núi Lý Tá Phú	SV	xã Sen Thượng	H. Mường Nhé	22° 26' 05"	102° 23' 39"					F-48-37-B
bản Sen Thượng	DC	xã Sen Thượng	H. Mường Nhé	22° 24' 04"	102° 20' 12"					F-48-37-B
núi Tả Long San	SV	xã Sen Thượng	H. Mường Nhé	22° 29' 18"	102° 16' 48"					F-48-37-B
bản Tả Khoa Pá	DC	xã Sen Thượng	H. Mường Nhé	22° 24' 58"	102° 19' 44"					F-48-37-B
bản Tả Lóng San	DC	xã Sen Thượng	H. Mường Nhé	22° 29' 45"	102° 17' 44"					F-48-37-B
núi Tả Sủ	SV	xã Sen Thượng	H. Mường Nhé	22° 26' 56"	102° 17' 31"					F-48-37-B
núi Tù Na	SV	xã Sen Thượng	H. Mường Nhé	22° 30' 08"	102° 18' 37"					F-48-25-B+D
bản A Pa Chải	DC	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 23' 31"	102° 13' 41"					F-48-37-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
Trạm Biên phòng A Pa Chải	KX	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 23' 48"	102° 13' 20"					F-48-37-A
phủ Chao Cãi	SV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 24' 53"	102° 15' 29"					F-48-37-B
núi Chu Lu San	SV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 26' 07"	102° 11' 01"					F-48-37-A
núi Khoang Lén San	SV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 24' 01"	102° 08' 38"					F-48-37-A
bản Lý Mã Tá	DC	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 22' 42"	102° 17' 40"					F-48-37-B
suối Mo Phí	TV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé			22° 24' 48"	102° 10' 59"	22° 23' 36"	102° 13' 28"	F-48-37-A
suối Mỏ Pòng Khò	TV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé			22° 22' 46"	102° 09' 45"	22° 24' 43"	102° 11' 28"	F-48-37-A
núi Nậm Phung Khò	SV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 23' 51"	102° 17' 42"					F-48-37-B
phủ Pang Poi	SV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 21' 07"	102° 15' 06"					F-48-37-B
suối Pang Poi Hồ	TV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé			22° 18' 19"	102° 13' 21"	22° 20' 45"	102° 15' 27"	F-48-37-A
suối Pờ Nhù Khò	TV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé			22° 22' 36"	102° 10' 28"	22° 23' 49"	102° 11' 28"	F-48-37-A
núi Sín Chi Tí	SV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 18' 11"	102° 11' 45"	22° 23' 37"	102° 11' 44"	22° 24' 03"	102° 12' 34"	F-48-37-A
bản Tả Co Khừ	DC	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 22' 37"	102° 15' 09"					F-48-37-B
suối Tả Sến	TV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé			22° 23' 37"	102° 11' 44"	22° 24' 03"	102° 12' 34"	F-48-37-A
núi Tả Sứ Lín	SV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 19' 21"	102° 13' 49"	22° 20' 45"	102° 15' 27"	22° 20' 38"	102° 21' 23"	F-48-37-A
suối Tón San Khò	TV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 23' 21"	102° 15' 49"	22° 24' 17"	102° 09' 34"	22° 24' 48"	102° 10' 59"	F-48-37-A
núi Ứ Na	SV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 17' 45"	102° 12' 43"					F-48-37-B
núi Y Giã Y Ma Hồ	SV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé			22° 21' 21"	102° 10' 55"	22° 22' 34"	102° 14' 58"	F-48-37-A
suối Y Ma Khò	TV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé			21° 58' 27"	102° 47' 02"	21° 57' 20"	102° 47' 08"	F-48-50-B
huối Chá	TV	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ			21° 55' 16"	102° 50' 20"	21° 57' 26"	102° 49' 03"	F-48-50-B
nậm Địch	TV	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ			21° 53' 50"	102° 48' 56"	21° 55' 41"	102° 47' 33"	F-48-50-B
nậm Hai	TV	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ							F-48-38-C
pu Kéo Mặng Có	SV	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ	21° 57' 01"	102° 50' 14"					F-48-50-B
bản Mớ 1	DC	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ	21° 58' 07"	102° 51' 43"					F-48-50-B
bản Mớ 2	DC	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ	21° 57' 59"	102° 51' 35"					F-48-50-B
bản Nà Khuyết	DC	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ	21° 59' 33"	102° 50' 40"					F-48-50-B
huối Pai	TV	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ			21° 59' 08"	102° 48' 14"	21° 57' 57"	102° 49' 46"	F-48-50-B
nậm Pồ	TV	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ			21° 54' 20"	102° 42' 45"	21° 55' 53"	102° 44' 49"	F-48-49-B +50-A
nậm Tin	TV	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ			21° 52' 33"	102° 46' 33"	21° 55' 43"	102° 46' 29"	F-48-50-B
huối Vật	TV	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ			22° 00' 09"	102° 48' 54"	21° 58' 24"	102° 50' 21"	F-48-50-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
huổi Lầu	TV	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ			21° 58' 25"	102° 45' 16"	21° 57' 03"	102° 46' 59"	F-48-50-B		
nậm Chùa	TV	xã Chà Tờ	H. Nậm Pồ			21° 57' 14"	103° 00' 24"	21° 55' 12"	103° 01' 21"	F-48-51-A		
nậm Củng	TV	xã Chà Tờ	H. Nậm Pồ			21° 53' 19"	102° 56' 44"	21° 57' 14"	103° 00' 24"	F-48-50-B		
huổi Di	TV	xã Chà Tờ	H. Nậm Pồ			21° 59' 38"	102° 53' 55"	21° 59' 08"	102° 52' 17"	F-48-50-B		
nậm Hằng	TV	xã Chà Tờ	H. Nậm Pồ			21° 58' 30"	102° 52' 13"	21° 57' 44"	102° 56' 58"	F-48-50-B		
nậm He	TV	xã Chà Tờ	H. Nậm Pồ			22° 01' 13"	102° 58' 04"	21° 57' 07"	102° 59' 36"	F-48-38-D		
bản Hó Củng	DC	xã Chà Tờ	H. Nậm Pồ	21° 54' 56"	102° 57' 38"					F-48-50-B		
bản Hó Hằng	DC	xã Chà Tờ	H. Nậm Pồ	21° 58' 00"	102° 56' 31"					F-48-50-B		
bản Hó He	DC	xã Chà Tờ	H. Nậm Pồ	21° 57' 33"	102° 58' 09"					F-48-50-B		
đáy núi Hó Nậm Nghèn	SV	xã Chà Tờ	H. Nậm Pồ	21° 56' 09"	102° 57' 08"					F-48-50-B		
huổi Kho	TV	xã Chà Tờ	H. Nậm Pồ			21° 55' 27"	102° 59' 14"	21° 56' 07"	102° 59' 05"	F-48-50-B		
bản Mười	DC	xã Chà Tờ	H. Nậm Pồ	21° 58' 23"	102° 54' 45"					F-48-50-B		
bản Nà Ến	DC	xã Chà Tờ	H. Nậm Pồ	21° 58' 40"	102° 53' 17"					F-48-50-B		
bản Nà Pẩu	DC	xã Chà Tờ	H. Nậm Pồ	21° 58' 41"	102° 53' 48"					F-48-50-B		
bản Nậm Củng	DC	xã Chà Tờ	H. Nậm Pồ	21° 56' 09"	102° 59' 06"					F-48-50-B		
huổi Ngụ Lơm	TV	xã Chà Tờ	H. Nậm Pồ			21° 58' 37"	102° 55' 53"	21° 58' 17"	102° 55' 52"	F-48-50-B		
huổi Pênh	TV	xã Chà Tờ	H. Nậm Pồ			21° 53' 13"	102° 57' 39"	21° 54' 45"	102° 57' 38"	F-48-50-B		
huổi Phi	TV	xã Chà Tờ	H. Nậm Pồ			22° 05' 37"	102° 55' 27"	22° 04' 50"	102° 52' 38"	F-48-50-B		
huổi Sa Lương	TV	xã Chà Tờ	H. Nậm Pồ			21° 59' 52"	102° 59' 46"	21° 57' 27"	102° 59' 51"	F-48-50-B		
bản Sín Thàng	DC	xã Chà Tờ	H. Nậm Pồ	22° 00' 12"	102° 58' 52"					F-48-38-D		
bản Nà Bùng 1	DC	xã Nà Bùng	H. Nậm Pồ	21° 45' 13"	102° 39' 28"					F-48-49-B +50-A		
bản Nà Bùng 2	DC	xã Nà Bùng	H. Nậm Pồ	21° 44' 49"	102° 40' 23"					F-48-50-C		
bản Nà Bùng 3	DC	xã Nà Bùng	H. Nậm Pồ	21° 45' 02"	102° 40' 31"					F-48-49-B +50-A		
bản Nậm Tát	DC	xã Nà Bùng	H. Nậm Pồ	21° 41' 54"	102° 41' 24"					F-48-50-C		
bản Ngải Thầu 1	DC	xã Nà Bùng	H. Nậm Pồ	21° 45' 54"	102° 40' 21"					F-48-49-B +50-A		
bản Ngải Thầu 2	DC	xã Nà Bùng	H. Nậm Pồ	21° 46' 17"	102° 40' 01"					F-48-49-B +50-A		
nậm Pồ	TV	xã Nà Bùng	H. Nậm Pồ							F-48-50-C		
bản Púng Pá Kha	DC	xã Nà Bùng	H. Nậm Pồ	21° 40' 48"	102° 41' 16"					F-48-50-C		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
núi Căng Cò	SV	xã Na Có Sa	H. Nậm Pồ	22° 02' 03"	102° 32' 59"					F-48-38-C
nậm Chà	TV	xã Na Có Sa	H. Nậm Pồ			22° 01' 07"	102° 32' 19"	21° 59' 51"	102° 33' 47"	F-48-49-B +50-A
nậm Chấn	TV	xã Na Có Sa	H. Nậm Pồ				102° 38' 14"	21° 55' 29"	102° 39' 15"	F-48-49-B +50-A
núi Huổi Chai	SV	xã Na Có Sa	H. Nậm Pồ	22° 02' 29"	102° 32' 32"					F-48-38-C
bản Huổi Thủng 1	DC	xã Na Có Sa	H. Nậm Pồ	21° 59' 40"	102° 33' 08"					F-48-49-B +50-A
bản Huổi Thủng 2	DC	xã Na Có Sa	H. Nậm Pồ	21° 59' 33"	102° 33' 10"					F-48-49-B +50-A
bản Na Có Sa 1	DC	xã Na Có Sa	H. Nậm Pồ	21° 59' 58"	102° 32' 33"					F-48-49-B +50-A
bản Na Có Sa 2	DC	xã Na Có Sa	H. Nậm Pồ	21° 59' 50"	102° 32' 20"					F-48-49-B +50-A
bản Na Có Sa 3	DC	xã Na Có Sa	H. Nậm Pồ	22° 00' 08"	102° 31' 32"					F-48-38-C
Trạm Biên phòng 413	KX	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ	21° 47' 53"	102° 45' 32"					F-48-50-B
bản Huổi Cơ Đạo	DC	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ	21° 47' 52"	102° 45' 57"					F-48-50-B
bản Huổi Cơ Mông	DC	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ	21° 46' 49"	102° 43' 48"					F-48-49-B +50-A
bản Huổi Sang	DC	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ	21° 50' 31"	102° 46' 53"					F-48-50-B
bản Nà Hỳ 1	DC	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ	21° 48' 46"	102° 45' 51"					F-48-50-B
bản Nà Hỳ 2	DC	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ	21° 48' 21"	102° 45' 36"					F-48-50-B
bản Nà Hỳ 3	DC	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ	21° 48' 29"	102° 45' 37"					F-48-50-B
nậm Pồ	TV	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ			21° 44' 48"	102° 47' 03"	21° 51' 52"	102° 44' 12"	F-48-50-B, F-48-49-B +50-A
bản Sam Lang	DC	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ	21° 45' 01"	102° 47' 32"					F-48-50-B
bản Sín Chải 1	DC	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ	21° 47' 32"	102° 46' 08"					F-48-50-B
bản Sín Chải 2	DC	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ	21° 47' 40"	102° 45' 53"					F-48-50-B
nậm Chấn	TV	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 55' 29"	102° 39' 15"	21° 54' 14"	102° 42' 16"			F-48-49-B +50-A
nậm Chua	TV	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 51' 06"	102° 42' 19"	21° 53' 21"	102° 42' 36"			F-48-50-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
huổi Hâu	TV	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 52' 11"	102° 44' 43"	21° 51' 52"	102° 44' 13"			F-48-49-B +50-A
bản Huổi Lụ 1	DC	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 52' 48"	102° 42' 04"					F-48-49-B +50-A
bản Huổi Lụ 2	DC	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 51' 48"	102° 42' 36"					F-48-49-B +50-A
bản Nà Khoa	DC	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 54' 11"	102° 42' 24"					F-48-49-B +50-A
bản Nậm Chấn	DC	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 55' 17"	102° 40' 52"					F-48-49-B +50-A
bản Nậm Nhừ 1	DC	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 53' 35"	102° 40' 08"					F-48-49-B +50-A
bản Nậm Nhừ 2	DC	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 53' 47"	102° 40' 38"					F-48-49-B +50-A
bản Nậm Nhừ Con	DC	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 53' 47"	102° 39' 48"					F-48-49-B +50-A
nậm Nhừ	TV	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 52' 51"	102° 38' 11"	21° 54' 17"	102° 40' 58"			F-48-49-B +50-A
nậm Nhừ Con	TV	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 54' 55"	102° 38' 31"	21° 54' 45"	102° 40' 29"			F-48-49-B +50-A
nậm Pồ	TV	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 54' 29"	102° 42' 50"	21° 53' 21"	102° 42' 36"			F-48-50-D, F-48-50-B, F-48-49-B +50-A
nậm Chùa	TV	xã Nậm Chùa	H. Nậm Pồ			21° 47' 07"	102° 42' 44"	21° 51' 06"	102° 42' 19"	F-48-50-C
bản Huổi Đáp	DC	xã Nậm Chùa	H. Nậm Pồ	21° 51' 49"	102° 44' 30"					F-48-49-B +50-A
huổi Lái	TV	xã Nậm Chùa	H. Nậm Pồ			21° 50' 19"	102° 43' 52"	21° 49' 42"	102° 44' 43"	F-48-49-B +50-A
bản Nậm Chùa 2	DC	xã Nậm Chùa	H. Nậm Pồ	21° 48' 19"	102° 41' 10"					F-48-49-B +50-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
bản Nậm Chua 4	DC	xã Nậm Chua	H. Nậm Pồ	21° 50' 01"	102° 42' 33"							F-48-49-B +50-A
bản Nậm Chua 5	DC	xã Nậm Chua	H. Nậm Pồ	21° 48' 25"	102° 42' 40"							F-48-49-B +50-A
bản Nậm Ngà 1	DC	xã Nậm Chua	H. Nậm Pồ	21° 50' 32"	102° 45' 46"							F-48-50-B
bản Nậm Ngà 2	DC	xã Nậm Chua	H. Nậm Pồ	21° 50' 58"	102° 44' 32"							F-48-49-B +50-A
nậm Ngà	TV	xã Nậm Chua	H. Nậm Pồ					21° 50' 39"	102° 46' 36"	21° 50' 46"	102° 44' 54"	F-48-50-B
bản Phiêng Ngựa	DC	xã Nậm Chua	H. Nậm Pồ	21° 49' 57"	102° 44' 46"							F-48-49-B +50-A
bản Hồ Tàu	DC	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ	22° 02' 49"	102° 54' 54"							F-48-38-D
núi Huổi Vàng	SV	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ	22° 05' 15"	102° 56' 03"							F-48-38-D
nậm Khăn	TV	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ					22° 01' 01"	102° 56' 13"	22° 00' 26"	102° 53' 56"	F-48-38-D
bản Nậm Khăn	DC	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ	22° 00' 06"	102° 53' 53"							F-48-38-D
bản Nậm Pang	DC	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ	21° 59' 22"	102° 55' 30"							F-48-50-B
huổi Ngốp	TV	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ					22° 03' 08"	102° 54' 07"	22° 01' 59"	102° 52' 46"	F-48-38-D
huổi Noong	TV	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ					22° 03' 12"	102° 53' 38"	22° 03' 30"	102° 52' 23"	F-48-38-D
nậm Pang	TV	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ					21° 59' 34"	102° 57' 15"	21° 59' 56"	102° 54' 57"	F-48-38-D
nậm Phan	TV	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ					21° 59' 56"	102° 54' 57"	22° 00' 26"	102° 53' 56"	F-48-38-D
nậm Pồ	TV	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ					21° 59' 15"	102° 52' 17"	22° 04' 50"	102° 52' 39"	F-48-38-D
nậm Tàu	TV	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ					22° 02' 38"	102° 54' 52"	22° 01' 07"	102° 52' 33"	F-48-38-D
huổi Vàng	TV	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ					22° 05' 37"	102° 55' 27"	22° 04' 50"	102° 52' 38"	F-48-38-D
bản Vằng Xôn	DC	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ	22° 00' 51"	102° 52' 15"							F-48-38-D
bản Nậm Chua 1	DC	xã Nậm Nhừ	H. Nậm Pồ	21° 51' 56"	102° 40' 18"							F-48-49-B +50-A
bản Nậm Nhừ 3	DC	xã Nậm Nhừ	H. Nậm Pồ	21° 53' 22"	102° 38' 58"							F-48-49-B +50-A
huổi Can Hồ	TV	xã Nậm Tin	H. Nậm Pồ					21° 57' 45"	102° 43' 05"	21° 55' 53"	102° 44' 49"	F-48-49-B +50-A
bản Nậm Tin 1	DC	xã Nậm Tin	H. Nậm Pồ	21° 52' 21"	102° 47' 20"							F-48-50-B
bản Nậm Tin 2	DC	xã Nậm Tin	H. Nậm Pồ	21° 52' 14"	102° 48' 35"							F-48-50-B
bản Nậm Tin 3	DC	xã Nậm Tin	H. Nậm Pồ	21° 53' 17"	102° 46' 32"							F-48-50-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
bản Nậm Tin 4	DC	xã Nậm Tin	H. Nậm Pồ	21° 53' 58"	102° 46' 35"							F-48-50-B
huổi Tang	TV	xã Nậm Tin	H. Nậm Pồ			21° 57' 47"	102° 44' 31"	21° 56' 48"	102° 46' 32"			F-48-49-B +50-A
bản Tàng Do	DC	xã Nậm Tin	H. Nậm Pồ	21° 55' 38"	102° 44' 24"							F-48-49-B +50-A
bản Vàng Léch	DC	xã Nậm Tin	H. Nậm Pồ	21° 56' 11"	102° 47' 00"							F-48-50-B
nậm Chà	TV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ			22° 01' 54"	102° 44' 29"	22° 05' 55"	102° 46' 39"			F-48-38-C
pu Huổi Páng	SV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ	22° 03' 47"	102° 43' 02"							F-48-38-C
bản Huổi Sầu	DC	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ	22° 03' 48"	102° 45' 17"							F-48-38-D
pu Huổi Sầu	SV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ	22° 04' 12"	102° 48' 01"							F-48-38-D
pu Huổi Tầm	SV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ	22° 05' 35"	102° 44' 18"							F-48-38-C
bản Lả Chà	DC	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ	22° 04' 27"	102° 44' 46"							F-48-38-C
pu Na Tạo Mới	SV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ	22° 03' 07"	102° 43' 40"							F-48-38-C
bản Pa Tần	DC	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ	22° 01' 43"	102° 45' 06"							F-48-38-D
huổi Sầu	TV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ			22° 04' 02"	102° 47' 34"	22° 04' 02"	102° 45' 00"			F-48-38-D
pu Tai Mao	SV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ	22° 03' 23"	102° 47' 36"							F-48-38-D
huổi Tầm	TV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ			22° 05' 47"	102° 43' 44"	22° 05' 11"	102° 44' 37"			F-48-38-C
nậm Thà Nà	TV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ			22° 00' 22"	102° 46' 51"	22° 02' 54"	102° 50' 16"			F-48-38-D
nậm Va	TV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ			22° 05' 55"	102° 46' 39"	22° 03' 38"	102° 51' 32"			F-48-38-D
huổi Van	TV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ			22° 04' 34"	102° 43' 18"	22° 05' 03"	102° 44' 35"			F-48-38-C
nậm Bai	TV	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ			21° 52' 15"	102° 54' 22"	21° 51' 26"	102° 55' 11"			F-48-50-B
bản Chân Nuôi	DC	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ	21° 49' 20"	102° 56' 25"							F-48-50-B
nậm Chim	TV	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ			21° 51' 07"	102° 53' 19"	21° 49' 14"	102° 51' 59"			F-48-50-B
núi Chuyên Gia	SV	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ	21° 50' 28"	102° 57' 47"							F-48-50-B
bản Đệ Pua	DC	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ	21° 50' 58"	102° 52' 26"							F-48-50-B
bản Đệ Tinh 1	DC	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ	21° 50' 19"	102° 56' 18"							F-48-50-B
bản Đệ Tinh 2	DC	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ	21° 49' 41"	102° 56' 07"							F-48-50-B
suối Háng Khang Say	TV	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ			21° 51' 52"	102° 56' 09"	21° 51' 26"	102° 55' 11"			F-48-50-B
bản Mạy Hóc	DC	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ	21° 51' 22"	102° 54' 32"							F-48-50-B
khe Mạy Hóc	TV	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ			21° 50' 24"	102° 53' 57"	21° 51' 00"	102° 55' 16"			F-48-50-B
huổi Mẹo	TV	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ			21° 48' 36"	102° 55' 17"	21° 49' 14"	102° 55' 14"			F-48-50-B
bản Mo Công	DC	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ	21° 49' 55"	102° 54' 26"							F-48-50-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
huổi Ôn	TV	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ			21° 52' 56"	102° 56' 38"	21° 51' 55"	102° 53' 40"	21° 52' 15"	102° 54' 22"	F-48-50-B
bản Phìn Hồ	DC	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ									F-48-50-B
nậm Pồ	TV	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ					21° 53' 18"	102° 50' 03"	21° 53' 56"	102° 54' 13"	F-48-50-B
núi Si Pa Phìn	SV	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ			21° 49' 55"	102° 53' 26"					F-48-50-B
Đồn Biên phòng 417	KX	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ			21° 47' 22"	102° 57' 50"					F-48-50-B
nậm Chim	TV	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ					21° 48' 40"	102° 52' 20"	21° 46'48"	102° 58' 45"	F-48-50-B
bản Long Đạo	DC	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ			21° 47' 08"	102° 54' 27"					F-48-50-B
huổi Long Đạo	TV	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ					21° 47' 01"	102° 54' 36"	21° 47' 32"	102° 55' 23"	F-48-50-B
huổi Luông	TV	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ					21° 46' 16"	102° 53' 24"	21° 45' 29"	102° 52' 24"	F-48-50-B
huổi Meo	TV	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ					21° 49' 38"	102° 57' 07"	21° 48' 36"	102° 55' 17"	F-48-50-B
hồ Nậm Bai	TV	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ			21° 47' 33"	102° 55' 33"					F-48-50-B
bản Nậm Chim 1	DC	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ			21° 47' 40"	102° 57' 09"					F-48-50-B
bản Nậm Chim 2	DC	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ			21° 46' 4"	102° 56' 10"					F-48-50-B
bản Phi Linh	DC	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ			21° 47' 31"	102° 58' 04"					F-48-50-B
huổi Phong	TV	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ					21° 47' 46"	102° 55' 02"	21° 47' 50"	102° 55' 28"	F-48-50-B
bản Sân Bay	DC	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ			21° 48' 03"	102° 55' 37"					F-48-50-B
bản Tân Phong 1	DC	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ			21° 45' 31"	102° 56' 35"					F-48-50-B
bản Tân Phong 2	DC	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ			21° 45' 51"	102° 56' 24"					F-48-50-B
bản Vạn Hồ	DC	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ			21° 46' 49"	102° 55' 40"					F-48-50-B
bản Ham Xoong 1	DC	xã Vàng Đán	H. Nậm Pồ			21° 45' 36"	102° 42' 51"					F-48-49-B +50-A
bản Ham Xoong 2	DC	xã Vàng Đán	H. Nậm Pồ			21° 45' 04"	102° 43' 38"					F-48-49-B +50-A
bản Huổi Đạo	DC	xã Vàng Đán	H. Nậm Pồ			21° 41' 38"	102° 44' 29"					F-48-50-C
bản Huổi Khương	DC	xã Vàng Đán	H. Nậm Pồ			21° 44' 01"	102° 43' 24"					F-48-50-C
huổi Khương	TV	xã Vàng Đán	H. Nậm Pồ					21° 46' 14"	102° 39' 31"	21° 44' 48"	102° 47' 03"	F-48-50-C, F-48-50-D
bản Lai Khoang	DC	xã Vàng Đán	H. Nậm Pồ			21° 46' 02"	102° 46' 19"					F-48-50-B
bản Nộc Cốc	DC	xã Vàng Đán	H. Nậm Pồ			21° 45' 42"	102° 44' 18"					F-48-49-B +50-A
bản Vàng Đán Đạo	DC	xã Vàng Đán	H. Nậm Pồ			21° 43' 21"	102° 45' 33"					F-48-50-D
tổ dân phố Đoàn Kết	DC	TT. Tòa Chùa	H. Tòa Chùa			21° 51' 37"	103° 19' 59"					F-48-51-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
tổ dân phố Đồng Tâm	DC	TT. Tòa Chùa	H. Tòa Chùa	21° 51' 32"	103° 20' 21"					F-48-51-B
tổ dân phố Thăng Lợi 1	DC	TT. Tòa Chùa	H. Tòa Chùa	21° 51' 29"	103° 20' 29"					F-48-51-B
tổ dân phố Thăng Lợi 2	DC	TT. Tòa Chùa	H. Tòa Chùa	21° 51' 20"	103° 20' 29"					F-48-51-B
tổ dân phố Thống Nhất	DC	TT. Tòa Chùa	H. Tòa Chùa	21° 51' 34"	103° 20' 11"					F-48-51-B
Ba Phong	DC	xã Huổi Sô	H. Tòa Chùa	22° 03' 30"	103° 25' 07"					F-48-39-D
Cạn Hồ	DC	xã Huổi Sô	H. Tòa Chùa	22° 04' 47"	103° 24' 07"					F-48-39-D
huổi Cạn Hồ	TV	xã Huổi Sô	H. Tòa Chùa			22° 04' 06"	103° 23' 29"	22° 05' 02"	103° 24' 19"	F-48-39-D
sông Đà	TV	xã Huổi Sô	H. Tòa Chùa			22° 09' 17"	103° 21' 36"	22° 00' 35"	103° 27' 05"	F-48-39-D
thôn Háng Pàng	DC	xã Huổi Sô	H. Tòa Chùa	22° 00' 50"	103° 24' 26"					F-48-39-D
thôn Huổi Ca	DC	xã Huổi Sô	H. Tòa Chùa	22° 08' 39"	103° 22' 21"					F-48-39-D
thôn Huổi Lóng	DC	xã Huổi Sô	H. Tòa Chùa	22° 07' 47"	103° 23' 56"					F-48-39-D
thôn Huổi Ngại	DC	xã Huổi Sô	H. Tòa Chùa	22° 06' 45"	103° 22' 51"					F-48-39-D
thôn Huổi Sô 1	DC	xã Huổi Sô	H. Tòa Chùa	22° 02' 29"	103° 25' 50"					F-48-39-D
thôn Huổi Sô 2	DC	xã Huổi Sô	H. Tòa Chùa	22° 02' 29"	103° 25' 58"					F-48-39-D
núi Mo Bai	SV	xã Huổi Sô	H. Tòa Chùa	22° 04' 47"	103° 23' 23"					F-48-39-D
thôn Pê Răng Ky	DC	xã Huổi Sô	H. Tòa Chùa	22° 05' 23"	103° 24' 37"					F-48-39-D
thôn Tù Cha	DC	xã Huổi Sô	H. Tòa Chùa	22° 01' 37"	103° 26' 00"					F-48-39-D
thôn 1	DC	xã Lao Xã Phình	H. Tòa Chùa	22° 00' 37"	103° 18' 01"					F-48-39-D
thôn 2	DC	xã Lao Xã Phình	H. Tòa Chùa	22° 00' 25"	103° 18' 13"					F-48-39-D
thôn 3	DC	xã Lao Xã Phình	H. Tòa Chùa	22° 00' 00"	103° 18' 16"					F-48-51-B, F-48-39-D
thôn Càng Phình	DC	xã Lao Xã Phình	H. Tòa Chùa	21° 59' 36"	103° 17' 19"					F-48-51-B
nhóm Chế Có Nhe	DC	xã Lao Xã Phình	H. Tòa Chùa	21° 58' 45"	103° 17' 49"					F-48-51-B
thôn Chèo Chử Phình	DC	xã Lao Xã Phình	H. Tòa Chùa	21° 58' 57"	103° 16' 58"					F-48-51-B
nhóm Háng Dầy Tơ	DC	xã Lao Xã Phình	H. Tòa Chùa	21° 58' 46"	103° 17' 29"					F-48-51-B
thôn Lầu Cầu Phình	DC	xã Lao Xã Phình	H. Tòa Chùa	22° 00' 51"	103° 19' 28"					F-48-39-D
nằm Mực	TV	xã Lao Xã Phình	H. Tòa Chùa			21° 57' 14"	103° 15' 43"	22° 02' 33"	103° 17' 11"	F-48-51-B F-48-39-D
thôn Đội 1	DC	xã Mường Báng	H. Tòa Chùa	21° 51' 08"	103° 21' 00"					F-48-51-B
thôn Đội 2	DC	xã Mường Báng	H. Tòa Chùa	21° 50' 56"	103° 21' 02"					F-48-51-B
thôn Đội 3	DC	xã Mường Báng	H. Tòa Chùa	21° 51' 02"	103° 20' 30"					F-48-51-B
thôn Đội 4	DC	xã Mường Báng	H. Tòa Chùa	21° 51' 16"	103° 20' 50"					F-48-51-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
thôn Đội 5	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 51' 33"	103° 21' 23"					F-48-51-B
thôn Đội 6	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 51' 12"	103° 21' 31"					F-48-51-B
thôn Đội 7	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 50' 44"	103° 21' 39"					F-48-51-B
thôn Đội 8	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 50' 54"	103° 20' 32"					F-48-51-B
thôn Đội 9	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 50' 35"	103° 20' 25"					F-48-51-B
thôn Đông Phi 1	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 51' 37"	103° 19' 10"					F-48-51-B
thôn Đông Phi 2	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 52' 13"	103° 20' 24"					F-48-51-B
thôn Háng Tở Mang	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 51' 08"	103° 18' 20"					F-48-51-B
thôn Háng Trở 1	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 48' 35"	103° 21' 34"					F-48-51-B
thôn Háng Trở 2	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 48' 47"	103° 21' 22"					F-48-51-B
thôn Huổi Léch	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 51' 14"	103° 19' 11"					F-48-51-B
thôn Kề Cài	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 49' 35"	103° 20' 09"					F-48-51-B
nhóm Kề Kẹ	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 49' 37"	103° 22' 11"					F-48-51-B
nằm Mu	TV	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa			21° 47' 09"	103° 21' 19"	21° 47' 17"	103° 19' 45"	F-48-51-B
nằm Mực	TV	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa			21° 48' 24"	103° 18' 05"	21° 52' 04"	103° 17' 29"	F-48-51-B
thôn Nà Áng	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 49' 07"	103° 18' 26"					F-48-51-B
pu Ngán	SV	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 48' 02"	103° 21' 55"					F-48-51-B
pu Pau	SV	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 48' 34"	103° 18' 28"					F-48-51-B
thôn Phiêng Bung	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 50' 08"	103° 22' 33"					F-48-51-B
thôn Pú Ôn	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 50' 34"	103° 19' 06"					F-48-51-B
thôn Sông Ún	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 50' 13"	103° 19' 31"					F-48-51-B
thôn Từ Ngái 1	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 49' 06"	103° 20' 49"					F-48-51-B
thôn Từ Ngái 2	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 48' 47"	103° 20' 22"					F-48-51-B
bản Đẻ Tàu	DC	xã Mường Đùn	H. Tủa Chùa	21° 55' 00"	103° 27' 54"					F-48-51-B
bản Đùn	DC	xã Mường Đùn	H. Tủa Chùa	21° 53' 35"	103° 27' 35"					F-48-51-B
bản Đùn Nưa	DC	xã Mường Đùn	H. Tủa Chùa	21° 54' 36"	103° 28' 00"					F-48-51-B
bản Hột	DC	xã Mường Đùn	H. Tủa Chùa	21° 52' 40"	103° 28' 40"					F-48-51-B
bản Kép	DC	xã Mường Đùn	H. Tủa Chùa	21° 52' 29"	103° 28' 50"					F-48-51-B
huổi Luông	TV	xã Mường Đùn	H. Tủa Chùa			21° 51' 53"	103° 28' 56"	21° 52' 58"	103° 28' 47"	F-48-51-B
bản Nà Sa	DC	xã Mường Đùn	H. Tủa Chùa	21° 52' 33"	103° 27' 23"					F-48-51-B
bản Pá Ó	DC	xã Mường Đùn	H. Tủa Chùa	21° 55' 18"	103° 26' 55"					F-48-51-B
núi Pám Páng	SV	xã Mường Đùn	H. Tủa Chùa	21° 51' 25"	103° 29' 40"					F-48-51-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
núi Ten Sang	SV	xã Mường Đùn	H. Tủa Chùa	21° 52' 03"	103° 28' 49"					F-48-51-B
bản Túc	DC	xã Mường Đùn	H. Tủa Chùa	21° 51' 22"	103° 28' 39"					F-48-51-B
huổi Can Hồ	TV	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa			22° 04' 06"	103° 23' 29"	22° 04' 27"	103° 23' 51"	F-48-39-D
thôn Cánh Chua 1	DC	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 06' 36"	103° 19' 25"					F-48-39-D
thôn Cánh Chua 2	DC	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 08' 02"	103° 19' 24"					F-48-39-D
thôn Cánh Tỷ	DC	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 02' 59"	103° 20' 09"					F-48-39-D
thôn Chế Cu Nhe	DC	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 04' 29"	103° 18' 36"					F-48-39-D
núi Chua Sai	SV	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 04' 47"	103° 23' 23"					F-48-39-D
sông Đà	TV	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa			22° 04' 31"	103° 16' 16"	22° 00' 35"	103° 27' 05"	F-48-39-D
nhóm Háng Cờ	DC	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 05' 40"	103° 19' 13"					F-48-39-D
núi Háng Dẻ Dàng	SV	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 03' 51"	103° 19' 48"					F-48-39-D
thôn Háng Khùa	DC	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 07' 28"	103° 21' 37"					F-48-39-D
thôn Háng Là	DC	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 04' 30"	103° 21' 25"					F-48-39-D
thôn Háng Chua	DC	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 05' 39"	103° 20' 00"					F-48-39-D
thôn Lồng Xứ Phình	DC	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 06' 08"	103° 19' 20"					F-48-39-D
thôn Mãng Chiềng	DC	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 04' 56"	103° 19' 34"					F-48-39-D
huổi No Ke	TV	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa			22° 07' 29"	103° 21' 38"	22° 09' 17"	103° 21' 36"	F-48-39-D
núi Pàng Dẻ	SV	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 04' 22"	103° 20' 51"					F-48-39-D
nhóm Phàng Mẫu Phình	DC	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 06' 03"	103° 21' 15"					F-48-39-D
nhóm Phua Phùng	DC	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 05' 36"	103° 18' 20"					F-48-39-D
núi Phua Phùng	SV	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 05' 01"	103° 18' 06"					F-48-39-D
núi Sả Nhù	SV	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 05' 54"	103° 20' 23"					F-48-39-D
nhóm Sáng Tở	DC	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 06' 43"	103° 21' 14"					F-48-39-D
suối Séo Mí Chải	TV	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa			22° 04' 50"	103° 21' 59"	22° 05' 59"	103° 22' 40"	F-48-39-D
thôn Séo Mí Chải 1	DC	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 05' 40"	103° 22' 19"					F-48-39-D
thôn Sin Chải	DC	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 04' 15"	103° 19' 33"					F-48-39-D
thôn Trung Gầu Bua	DC	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 05' 25"	103° 21' 36"					F-48-39-D
núi Trung Háng Chua	SV	xã Sin Chải	H. Tủa Chùa	22° 04' 59"	103° 20' 36"					F-48-39-D
suối Chiếu Tinh	TV	xã Sinh Phình	H. Tủa Chùa			21° 56' 37"	103° 22' 05"	21° 56' 54"	103° 20' 39"	F-48-51-B
thôn Dẻ Dàng I	DC	xã Sinh Phình	H. Tủa Chùa	21° 54' 19"	103° 19' 51"					F-48-51-B
thôn Dẻ Dàng II	DC	xã Sinh Phình	H. Tủa Chùa	21° 54' 01"	103° 19' 46"					F-48-51-B
thôn Dẻ Dẻ Hu	DC	xã Sinh Phình	H. Tủa Chùa	21° 52' 51"	103° 21' 15"					F-48-51-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Háng Đờ Dê I	DC	xã Sinh Phình	H. Tủa Chùa	21° 56' 12"	103° 22' 12"					F-48-51-B
thôn Háng Đờ Dê II	DC	xã Sinh Phình	H. Tủa Chùa	21° 55' 49"	103° 22' 10"					F-48-51-B
thôn I	DC	xã Sinh Phình	H. Tủa Chùa	21° 55' 31"	103° 20' 44"					F-48-51-B
thôn II	DC	xã Sinh Phình	H. Tủa Chùa	21° 55' 12"	103° 19' 57"					F-48-51-B
thôn III	DC	xã Sinh Phình	H. Tủa Chùa	21° 54' 57"	103° 20' 30"					F-48-51-B
thôn Phi Đình I	DC	xã Sinh Phình	H. Tủa Chùa	21° 52' 43"	103° 19' 58"					F-48-51-B
thôn Phi Đình II	DC	xã Sinh Phình	H. Tủa Chùa	21° 52' 52"	103° 19' 33"					F-48-51-B
thôn Phiêng Báng	DC	xã Sinh Phình	H. Tủa Chùa	21° 54' 07"	103° 23' 30"					F-48-51-B
thôn Tà Là Cáo	DC	xã Sinh Phình	H. Tủa Chùa	21° 53' 40"	103° 20' 09"					F-48-51-B
thôn Ta Pao	DC	xã Sinh Phình	H. Tủa Chùa	21° 55' 27"	103° 21' 31"					F-48-51-B
thôn Trại Trường	DC	xã Sinh Phình	H. Tủa Chùa	21° 55' 44"	103° 20' 49"					F-48-51-B
thôn Vàng Chua	DC	xã Sinh Phình	H. Tủa Chùa	21° 52' 29"	103° 18' 30"	21° 56' 37"	103° 22' 05"	21° 57' 28"	103° 20' 46"	F-48-51-B
suối Chiêu Tinh	TV	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa							F-48-51-B
hang Chiêu Tinh	KX	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	21° 56' 36"	103° 21' 16"					F-48-51-B
thôn Cù Dĩ Sang	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	21° 59' 48"	103° 19' 33"					F-48-51-B
thôn Háng Sung I	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	21° 57' 18"	103° 21' 22"					F-48-51-B
thôn Háng Sung II	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	21° 57' 48"	103° 21' 26"					F-48-51-B
thôn Là Sa	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	21° 58' 32"	103° 22' 18"					F-48-51-B
nhóm Phu Chi	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	22° 01' 17"	103° 22' 56"					F-48-39-D
thôn Tà Dê	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	22° 00' 41"	103° 21' 51"					F-48-39-D
núi Tả Phìn	SV	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	21° 59' 56"	103° 22' 27"					F-48-51-B
thôn Tả Phìn I	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	21° 59' 35"	103° 21' 50"					F-48-51-B
thôn Tả Phìn II	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	21° 59' 19"	103° 22' 15"					F-48-51-B
thôn Tào Cu Nhe	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	21° 59' 07"	103° 21' 00"					F-48-39-D
thôn Tủa Chữ Phồng	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	22° 00' 13"	103° 20' 43"					F-48-39-D
thôn Xéo Phình	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	22° 00' 12"	103° 21' 43"					F-48-39-D
thôn Háng Chơ	DC	xã Tả Sin Thàng	H. Tủa Chùa	22° 01' 25"	103° 20' 38"					F-48-39-D
thôn Hàng Sưa	DC	xã Tả Sin Thàng	H. Tủa Chùa	22° 01' 30"	103° 22' 01"					F-48-39-D
thôn Lăng Săng 1	DC	xã Tả Sin Thàng	H. Tủa Chùa	22° 03' 21"	103° 19' 05"					F-48-39-D
thôn Lăng Săng 2	DC	xã Tả Sin Thàng	H. Tủa Chùa	22° 02' 22"	103° 19' 44"					F-48-39-D
núi Năm Quan	SV	xã Tả Sin Thàng	H. Tủa Chùa	22° 01' 11"	103° 24' 33"					F-48-39-D
thôn Páo Tinh Lăng 1	DC	xã Tả Sin Thàng	H. Tủa Chùa	22° 02' 22"	103° 23' 42"					F-48-39-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
thôn Páo Tỉnh Làng 2	DC	xã Tá Sín Thàng	H. Tủa Chùa	22° 02' 35"	103° 22' 07"					F-48-39-D
thôn Tá Sín Thàng	DC	xã Tá Sín Thàng	H. Tủa Chùa	22° 01' 47"	103° 20' 05"					F-48-39-D
thôn Bản Phó	DC	xã Trung Thu	H. Tủa Chùa	21° 57' 18"	103° 17' 47"					F-48-51-B
thôn Đê Bầu	DC	xã Trung Thu	H. Tủa Chùa	21° 53' 22"	103° 17' 45"					F-48-51-B
thôn Háng Cu Tầu	DC	xã Trung Thu	H. Tủa Chùa	21° 58' 07"	103° 19' 13"					F-48-51-B
thôn Mỏ Lò Tổng	DC	xã Trung Thu	H. Tủa Chùa	21° 57' 42"	103° 19' 02"					F-48-51-B
nậm Mực	TV	xã Trung Thu	H. Tủa Chùa			21° 52' 56"	103° 17' 23"	21° 57' 14"	103° 15' 43"	F-48-51-B
Nhè Xua Háng	DC	xã Trung Thu	H. Tủa Chùa	21° 56' 10"	103° 18' 25"					F-48-51-B
Phình Hồ Ke	DC	xã Trung Thu	H. Tủa Chùa	21° 57' 01"	103° 18' 35"					F-48-51-B
Pô Ca Dao	DC	xã Trung Thu	H. Tủa Chùa	21° 56' 45"	103° 17' 33"					F-48-51-B
Trung Phảng Khổ	DC	xã Trung Thu	H. Tủa Chùa	21° 55' 37"	103° 17' 39"					F-48-51-B
Trung Thu	DC	xã Trung Thu	H. Tủa Chùa	21° 56' 02"	103° 17' 56"					F-48-51-B
sông Đà	TV	xã Tủa Thàng	H. Tủa Chùa			22° 00' 35"	103° 27' 05"	21° 57' 23"	103° 30' 14"	F-48-39-D F-48-51-B F-48-52-A
thôn Đê Chu	DC	xã Tủa Thàng	H. Tủa Chùa	21° 59' 19"	103° 24' 34"					F-48-51-B
thôn Làng Vựa I	DC	xã Tủa Thàng	H. Tủa Chùa	21° 56' 09"	103° 27' 01"					F-48-51-B
thôn Làng Vựa II	DC	xã Tủa Thàng	H. Tủa Chùa	21° 56' 07"	103° 26' 34"					F-48-51-B
thôn Phi Giàng I	DC	xã Tủa Thàng	H. Tủa Chùa	21° 57' 35"	103° 28' 25"					F-48-51-B
thôn Phi Giàng II	DC	xã Tủa Thàng	H. Tủa Chùa	21° 56' 47"	103° 29' 34"					F-48-51-B
thôn Tà Huổi Tráng I	DC	xã Tủa Thàng	H. Tủa Chùa	21° 55' 55"	103° 24' 57"					F-48-51-B
thôn Tà Huổi Tráng II	DC	xã Tủa Thàng	H. Tủa Chùa	21° 56' 21"	103° 25' 10"					F-48-51-B
thôn Tủa Thàng	DC	xã Tủa Thàng	H. Tủa Chùa	21° 57' 29"	103° 27' 28"					F-48-51-B
thôn Bản Hẹ I	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 53' 51"	103° 25' 42"					F-48-51-B
thôn Bản Hẹ II	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 53' 21"	103° 26' 18"					F-48-51-B
thôn Bản Lịch I	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 55' 05"	103° 24' 19"					F-48-51-B
thôn Bản Lịch II	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 55' 12"	103° 25' 20"					F-48-51-B
nhóm Háng Chua	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 50' 28"	103° 25' 53"					F-48-51-B
háng Khùa	TV	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa			21° 52' 03"	103° 26' 16"	21° 52' 44"	103° 24' 51"	F-48-51-B
thôn Pằng Dề A1	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 52' 59"	103° 25' 01"					F-48-51-B
thôn Pằng Dề A2	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 52' 41"	103° 25' 22"					F-48-51-B
thôn Pằng Dề B	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 53' 09"	103° 25' 20"					F-48-51-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
thôn Pảng Nhặng	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 51' 55"	103° 26' 28"					F-48-51-B
thôn Phiêng Quăng	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 51' 08"	103° 23' 29"					F-48-51-B
núi Pôm Pảng	SV	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 50' 34"	103° 28' 01"					F-48-51-B
núi Sinh Sừ	SV	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 52' 07"	103° 23' 03"					F-48-51-B
thôn Sinh Sủ I	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 51' 51"	103° 23' 39"					F-48-51-B
thôn Sinh Sủ II	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 52' 31"	103° 23' 26"					F-48-51-B
thôn Sóng A	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 51' 03"	103° 27' 26"					F-48-51-B
núi Sủa Lông	SV	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 51' 10"	103° 24' 28"					F-48-51-B
thôn Tinh B	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 52' 18"	103° 25' 27"					F-48-51-B
thôn Trung Dù	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 54' 52"	103° 24' 58"					F-48-51-B
bản Chiềng Chung	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 14"	103° 25' 21"					F-48-51-D
bản Chiềng Khoang	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 03"	103° 25' 18"					F-48-51-D
khởi Đoàn Kết	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 05"	103° 24' 35"					F-48-51-D
bản Đông	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 16"	103° 24' 38"					F-48-51-D
khởi Đồng Tâm	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 34' 52"	103° 24' 15"					F-48-51-D
khởi Huổi Cù	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 45"	103° 25' 04"					F-48-51-D
bản Huổi Hạ	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 34' 46"	103° 23' 29"					F-48-51-D
bản Lập	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 05"	103° 24' 08"					F-48-51-D
bản Nong	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 26"	103° 25' 25"					F-48-51-D
khởi Sơn Thủy	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 00"	103° 24' 59"					F-48-51-D
đèo Ta Cơn	SV	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 34' 40"	103° 23' 44"					F-48-51-D
khởi Tân Giang	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 30"	103° 25' 03"					F-48-51-D
khởi Tân Thủy	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 13"	103° 25' 10"					F-48-51-D
khởi Tân Tiến	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 44"	103° 25' 27"					F-48-51-D
khởi Thắng Lợi	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 50"	103° 25' 23"					F-48-51-D
khởi Trường Xuân	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 11"	103° 24' 51"					F-48-51-D
quốc lộ 279	KX	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo			21° 31' 19"	103° 21' 23"	21° 34' 34"	103° 23' 25"	F-48-51-D
bản Bó	DC	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo	21° 31' 18"	103° 21' 28"					F-48-51-D
bản Công	DC	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo	21° 32' 03"	103° 21' 28"					F-48-51-D
núi Huổi Lụ	SV	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo	21° 31' 38"	103° 23' 30"					F-48-51-D
nằm Lụ	TV	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo			21° 30' 53"	103° 23' 30"	21° 31' 53"	103° 22' 13"	F-48-51-D
bản Ly Sôm	DC	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo	21° 32' 36"	103° 22' 22"					F-48-51-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
bản Phang	DC	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo	21° 32' 44"	103° 21' 05"					F-48-51-D
núi Thẩm Bó	SV	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo	21° 30' 37"	103° 21' 33"					F-48-51-D
bản Vánh I	DC	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo	21° 32' 07"	103° 22' 09"					F-48-51-D
bản Vánh II	DC	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo	21° 31' 59"	103° 22' 04"					F-48-51-D
bản Vánh III	DC	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo	21° 31' 48"	103° 22' 04"					F-48-51-D
bản Chăn	DC	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 29' 23"	103° 21' 42"					F-48-63-B
bản Che Phai I	DC	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 34' 02"	103° 22' 07"					F-48-51-D
bản Che Phai II	DC	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 33' 54"	103° 21'56"					F-48-51-D
bản Chiềng An	DC	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 34' 34"	103° 23' 05"					F-48-51-D
bản Dữn	DC	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 33' 54"	103° 21' 28"					F-48-51-D
bản Hiệu	DC	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 33' 02"	103° 21' 32"					F-48-51-D
nậm Húa	TV	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo			21° 34' 23"	103° 21' 59"	21° 30' 43"	103° 21' 14"	F-48-51-D
nậm Hua Chăn	TV	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo			21° 29' 32"	103° 23' 15"	21° 29' 23"	103° 21' 37"	F-48-63-B
bản Hua Nạ	DC	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 29' 53"	103° 22' 57"					F-48-63-B
bản Kép	DC	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 33' 27"	103° 22' 01"					F-48-51-D
bản Nôm	DC	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 29' 54"	103° 21' 23"					F-48-63-B
núi Púa	SV	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 29' 16"	103° 20' 46"					F-48-63-B
bản Tà Con	DC	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 34' 22"	103° 22' 50"					F-48-51-D
núi Thẩm Hôn Trúc	SV	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 29' 20"	103° 24' 28"					F-48-63-B
dãy núi Pú Kiến	SV	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 42' 09"	103° 24' 41"					F-48-51-D
quốc lộ 6A	KX	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo			21° 41' 19"	103° 24' 24"	21° 45' 04"	103° 22' 53"	F-48-51-B
bản Bo Léch	DC	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 42' 30"	103° 23' 57"					F-48-51-D
bản Chiềng Ban	DC	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 43' 35"	103° 23' 29"					F-48-51-D
bản Co Sắn	DC	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 46' 15"	103° 21' 35"					F-48-51-B
đèo Hoa	SV	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 41' 20"	103° 24' 24"					F-48-51-D
bản Hủ Cang	DC	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 44' 12"	103° 23' 26"					F-48-51-D
bản Huổi Cây 1	DC	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 43' 06"	103° 22' 52"					F-48-51-D
bản Huổi Lóng	DC	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 45' 14"	103° 22' 54"					F-48-51-B
đèo Huổi Lóng	SV	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 44' 37"	103° 23' 12"					F-48-51-D
nậm Mu	TV	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo			21° 44' 55"	103° 24' 38"	21° 47' 09"	103° 21' 19"	F-48-51-B
bản Phiềng Pên	DC	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 45' 07"	103° 21' 52"					F-48-51-B
bản Ta Léch	DC	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 42' 50"	103° 23' 50"					F-48-51-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
bản Co Đưa	DC	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo	21° 36' 15"	103° 18' 12"					F-48-51-D
bản Hua Sát	DC	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo	21° 38' 33"	103° 13' 47"					F-48-51-C
bản Huổi La	DC	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo	21° 39' 44"	103° 17' 10"					F-48-51-D
bản Huổi Nôm	DC	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo	21° 38' 48"	103° 16' 03"					F-48-51-D
bản Khong Nưa	DC	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo	21° 36' 54"	103° 18' 06"					F-48-51-D
bản Khong Tờ	DC	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo	21° 35' 59"	103° 18' 33"					F-48-51-D
huổi La	TV	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo			21° 40' 32"	103° 15' 43"	21° 38' 17"	103° 16' 56"	F-48-51-D
huổi Mầu	TV	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo			21° 39' 16"	103° 18' 14"	21° 38' 17"	103° 16' 56"	F-48-51-D
núi Pha Vi	SV	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo	21° 35' 54"	103° 17' 09"					F-48-51-D
bản Phai Mường	DC	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo	21° 36' 15"	103° 18' 23"					F-48-51-D
bản Phiêng Hin	DC	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo	21° 37' 56"	103° 15' 52"					F-48-51-D
huổi Quán	TV	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo			21° 38' 31"	103° 18' 50"	21° 36' 51"	103° 18' 01"	F-48-51-D
nậm Sát	TV	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo			21° 38' 04"	103° 12' 25"	21° 34' 23"	103° 21' 59"	F-48-51-D
bản Thẩm Táng	DC	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo	21° 40' 23"	103° 13' 15"					F-48-51-C
quốc lộ 6A	KX	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo			21° 44' 51"	103° 21' 15"	21° 48' 20"	103° 18' 00"	F-48-51-D, F-48-51-B
bản Gia Bọp	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 41' 34"	103° 20' 56"					F-48-51-D
bản Hốc	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 43' 22"	103° 20' 15"					F-48-51-D
bản Hòm	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 43' 10"	103° 20' 25"					F-48-51-D
bản Hồng Phong	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 43' 55"	103° 20' 48"					F-48-51-D
bản Huổi Cáy	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 42' 41"	103° 22' 28"					F-48-51-D
bản Huổi Lót	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 47' 13"	103° 19' 04"					F-48-51-B
thác Huổi Sỏi Lương	TV	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 42' 24"	103° 19' 38"					F-48-51-D
bản Khe	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 45' 22"	103° 19' 49"					F-48-51-B
bản Lúm	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 43' 52"	103° 20' 25"					F-48-51-D
nậm Mu	TV	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo			21° 47' 09"	103° 21' 19"	21° 48' 25"	103° 18' 06"	F-48-51-B
nậm Mùn	TV	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo			21° 41' 07"	103° 17' 46"	21° 43' 48"	103° 20' 42"	F-48-51-D
bản Mường I	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 44' 30"	103° 20' 46"					F-48-51-D
bản Mường II	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 44' 22"	103° 20' 50"					F-48-51-D
bản Mường III	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 44' 18"	103° 20' 58"					F-48-51-D
bản Ná Chua	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 42' 30"	103° 21' 38"					F-48-51-D
suối Ná Chua	TV	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo			21° 41' 21"	103° 21' 40"	21° 43' 48"	103° 20' 42"	F-48-51-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
pù Pau	SV	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 48' 34"	103° 18' 27"					F-48-51-B
pù Piến	SV	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 45' 47"	103° 20' 53"					F-48-51-B
bản Pú Piến	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 46' 39"	103° 20' 12"					F-48-51-B
bản Ta Pao	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 47' 59"	103° 18' 31"					F-48-51-B
đèo Tắc Tiến	SV	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 45' 29"	103° 19' 51"					F-48-51-B
bản Xuân Tươi	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 43' 35"	103° 20' 46"					F-48-51-D
nậm Cong	TV	xã Mường Thín	H. Tuần Giáo			21° 37' 29"	103° 21' 02"	21° 36' 04"	103° 20' 41"	F-48-51-D
bản Đông Thấp	DC	xã Mường Thín	H. Tuần Giáo	21° 40' 46"	103° 21' 20"					F-48-51-D
bản Hốc	DC	xã Mường Thín	H. Tuần Giáo	21° 36' 41"	103° 21' 30"					F-48-51-D
bản Khai Hoang	DC	xã Mường Thín	H. Tuần Giáo	21° 38' 11"	103° 21' 12"					F-48-51-D
bản Muồng	DC	xã Mường Thín	H. Tuần Giáo	21° 38' 47"	103° 21' 16"					F-48-51-D
đáy núi Pù Bút	SV	xã Mường Thín	H. Tuần Giáo	21° 39' 18"	103° 23' 22"					F-48-51-D
bản Thín A	DC	xã Mường Thín	H. Tuần Giáo	21° 37' 40"	103° 21' 12"					F-48-51-D
bản Thín B	DC	xã Mường Thín	H. Tuần Giáo	21° 37' 38"	103° 20' 53"					F-48-51-D
bản Yên	DC	xã Mường Thín	H. Tuần Giáo	21° 39' 04"	103° 21' 15"					F-48-51-D
bản Hong Lực	DC	xã Nà Sáy	H. Tuần Giáo	21° 34' 58"	103° 19' 41"					F-48-51-D
suối Hong Tráng	TV	xã Nà Sáy	H. Tuần Giáo			21° 35' 04"	103° 21' 37"	21° 34' 27"	103° 21' 49"	F-48-51-D
bản Kéo Lạ	DC	xã Nà Sáy	H. Tuần Giáo	21° 34' 27"	103° 20' 57"					F-48-51-D
bản Nà Sáy I	DC	xã Nà Sáy	H. Tuần Giáo	21° 34' 37"	103° 21' 18"					F-48-51-D
bản Nà Sáy II	DC	xã Nà Sáy	H. Tuần Giáo	21° 34' 42"	103° 21' 39"					F-48-51-D
bản Nậm Cá	DC	xã Nà Sáy	H. Tuần Giáo	21° 35' 55"	103° 20' 30"					F-48-51-D
huổi Sáy	TV	xã Nà Sáy	H. Tuần Giáo			21° 36' 03"	103° 22' 45"	21° 34' 29"	103° 21' 13"	F-48-51-D
nậm Bay	TV	xã Nà Tông	H. Tuần Giáo			21° 49' 49"	103° 23' 11"	21° 47' 34"	103° 23' 46"	F-48-51-B
bản Co Muồng	DC	xã Nà Tông	H. Tuần Giáo	21° 47' 41"	103° 25' 04"					F-48-51-B
bản Co Phát	DC	xã Nà Tông	H. Tuần Giáo	21° 48' 07"	103° 22' 12"					F-48-51-B
núi Háng Pang	SV	xã Nà Tông	H. Tuần Giáo	21° 48' 27"	103° 25' 32"					F-48-51-B
núi Hiều Ma	SV	xã Nà Tông	H. Tuần Giáo	21° 48' 27"	103° 24' 46"					F-48-51-B
bản Nà Tông	DC	xã Nà Tông	H. Tuần Giáo	21° 48' 17"	103° 23' 18"					F-48-51-B
pù Ngán	SV	xã Nà Tông	H. Tuần Giáo	21° 48' 31"	103° 21' 48"					F-48-51-B
bản Pá Cá	DC	xã Nà Tông	H. Tuần Giáo	21° 47' 13"	103° 23' 02"					F-48-51-B
bản Pá Tong	DC	xã Nà Tông	H. Tuần Giáo	21° 47' 48"	103° 23' 22"					F-48-51-B
pù Sung	SV	xã Nà Tông	H. Tuần Giáo	21° 46' 41"	103° 25' 10"					F-48-51-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Xá Nhè	DC	xã Nà Tông	H. Tuần Giáo	21° 46' 55"	103° 24' 49"					F-48-51-B
bản Háng Chua	DC	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo	21° 50' 03"	103° 25' 44"					F-48-51-B
bản Háng Khúa	DC	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo	21° 48' 26"	103° 28' 29"					F-48-51-B
suối Háng Khúa	TV	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo			21° 49' 48"	103° 29' 23"	21° 49' 16"	103° 29' 37"	F-48-51-B
bản Khua Trá	DC	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo	21° 49' 54"	103° 29' 01"					F-48-51-B
bản Mỹ Làng A	DC	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo	21° 48' 05"	103° 27' 11"					F-48-51-B
bản Mỹ Làng B	DC	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo	21° 49' 18"	103° 26' 21"					F-48-51-B
bản Nậm Dìn	DC	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo	21° 46' 58"	103° 28' 22"					F-48-51-B
bản Phiêng Cối	DC	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo	21° 46' 59"	103° 29' 49"					F-48-51-B
bản Phiêng Hoa	DC	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo	21° 49' 07"	103° 29' 58"					F-48-51-B
bản Phình Sáng	DC	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo	21° 49' 22"	103° 29' 20"					F-48-51-B
núi Xá Linh	SV	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo	21° 50' 04"	103° 28' 05"			21° 41' 50"	103° 26' 46"	F-48-51-B
suối Bản Chấn	TV	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo			21° 39' 26"	103° 28' 00"			F-48-51-D
núi Chua Đà	SV	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 43' 48"	103° 28' 20"					F-48-51-D
núi Chua Lồng	SV	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 41' 26"	103° 28' 05"					F-48-51-D
bản Chua Lú	DC	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 43' 07"	103° 28' 59"					F-48-51-D
núi Chủa Minh	SV	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 41' 26"	103° 26' 11"					F-48-51-D
núi Chua Nhè	SV	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 40' 45"	103° 28' 02"					F-48-51-D
bản Đẻ Chia	DC	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 41' 15"	103° 27' 03"					F-48-51-D
bản Khó Bua	DC	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 40' 21"	103° 27' 24"					F-48-51-D
núi Nồng Lénh	SV	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 40' 19"	103° 26' 44"					F-48-51-D
bản Phiêng Pì	DC	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 42' 06"	103° 25' 47"					F-48-51-D
bản Tênh Lá	DC	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 42' 44"	103° 25' 09"					F-48-51-D
phủ Tia	SV	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 42' 37"	103° 27' 10"					F-48-51-D
bản Trung Đình	DC	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 44' 33"	103° 24' 29"					F-48-51-D
núi Tự Xa	SV	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 44' 05"	103° 26' 52"					F-48-51-D
bản Xá Tự	DC	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 39' 52"	103° 27' 54"					F-48-51-D
bản Hát Khoang	DC	xã Pú Xí	H. Tuần Giáo	21° 48' 00"	103° 17' 49"					F-48-51-B
bản Hua Mực 1	DC	xã Pú Xí	H. Tuần Giáo	21° 46' 01"	103° 16' 14"					F-48-51-B
bản Hua Mực 2	DC	xã Pú Xí	H. Tuần Giáo	21° 45' 37"	103° 16' 27"					F-48-51-B
bản Hua Mực 3	DC	xã Pú Xí	H. Tuần Giáo	21° 44' 23"	103° 15' 16"					F-48-51-D
bản Hua Mùn	DC	xã Pú Xí	H. Tuần Giáo	21° 43' 12"	103° 17' 18"					F-48-51-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
nậm Mực	TV	xã Pú Xi	H. Tuần Giáo			21° 48' 25"	103° 18' 06"	21° 43' 07"	103° 09' 44"	F-48-51-B F-48-51-A F-48-51-C
cầu Nặm Mực	KX	xã Pú Xi	H. Tuần Giáo			21° 48' 20"	103° 18' 00"			F-48-51-B
suối Pú Nhung Hq	TV	xã Pú Xi	H. Tuần Giáo			21° 44' 49"	103° 17' 09"		103° 13' 02"	F-48-51-C
bản Pú Xi 1	DC	xã Pú Xi	H. Tuần Giáo			21° 44' 19"	103° 15' 41"			F-48-51-D
bản Pú Xi 2	DC	xã Pú Xi	H. Tuần Giáo			21° 42' 32"	103° 12' 58"			F-48-51-D
bản Thẩm Mú	DC	xã Pú Xi	H. Tuần Giáo			21° 42' 36"	103° 17' 47"			F-48-51-C
nhóm Thẩm Pung	DC	xã Pú Xi	H. Tuần Giáo			21° 41' 17"	103° 14' 31"			F-48-51-D
bản Thẩm Táng	DC	xã Pú Xi	H. Tuần Giáo			21° 37' 03"	103° 27' 00"			F-48-51-C
bản Ban	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo			21° 36' 21"	103° 26' 02"			F-48-51-D
bản Cẩm	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo			21° 36' 11"	103° 28' 03"			F-48-51-D
pú Cẩm	SV	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo			21° 37' 26"	103° 25' 53"			F-48-51-D
bản Cản	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo			21° 37' 12"	103° 25' 57"			F-48-51-D
bản Cón	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo			21° 36' 48"	103° 26' 56"			F-48-51-D
bản Coong	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo			21° 35' 35"	103° 26' 15"			F-48-51-D
bản Cườm	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo			21° 35' 20"	103° 26' 27"			F-48-51-D
bản Cuồng	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo			21° 36' 58"	103° 26' 14"			F-48-51-D
bản Giảng	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo			21° 37' 46"	103° 25' 37"			F-48-51-D
bản Hán	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo			21° 37' 55"	103° 26' 20"			F-48-51-D
bản Hín	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo			21° 37' 07"	103° 26' 25"			F-48-51-D
bản Kệt	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo			21° 37' 05"	103° 28' 06"			F-48-51-D
pú Kệt	SV	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo			21° 38' 00"	103° 24' 54"			F-48-51-D
bản Khá	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo			21° 37' 35"	103° 26' 11"			F-48-51-D
bản Một	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo			21° 35' 49"	103° 25' 53"			F-48-51-D
bản Nà Mu	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo			21° 36' 36"	103° 25' 50"			F-48-51-D
bản Nát	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo			21° 38' 15"	103° 25' 08"			F-48-51-D
bản Phủ	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo			21° 37' 45"	103° 25' 12"			F-48-51-D
bản Phung	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo			21° 39' 18"	103° 23' 22"			F-48-51-D
dãy núi Pú Bút	SV	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo			21° 36' 18"	103° 25' 42"			F-48-51-D
bản Sái Ngoài	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo			21° 36' 10"	103° 25' 27"			F-48-51-D
bản Sái Trong	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo							F-48-51-D

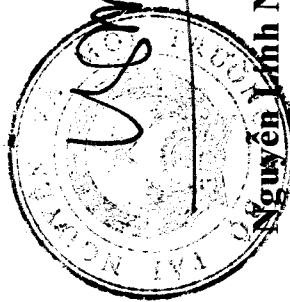
Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
bản Sáng	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 35' 59"	103° 26' 09"						F-48-51-D	
bản Sảo	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 36' 42"	103° 26' 21"						F-48-51-D	
bản Ten Cá	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 35' 41"	103° 26' 49"						F-48-51-D	
quốc lộ 6	KX	xã Quài Nura	H. Tuần Giáo			103° 24' 24"	21° 41' 19"	21° 38' 05"	103° 26' 28"		F-48-51-D	
suối Bản Chăn	TV	xã Quài Nura	H. Tuần Giáo			21° 37' 46"	103° 29' 28"	21° 39' 26"	103° 28' 00"		F-48-51-D	
bản Bó	DC	xã Quài Nura	H. Tuần Giáo	21° 40' 08"	103° 25' 16"						F-48-51-D	
bản Cang	DC	xã Quài Nura	H. Tuần Giáo	21° 40' 57"	103° 24' 39"						F-48-51-D	
bản Chá	DC	xã Quài Nura	H. Tuần Giáo	21° 40' 37"	103° 25' 13"						F-48-51-D	
bản Chăn	DC	xã Quài Nura	H. Tuần Giáo	21° 38' 07"	103° 28' 42"						F-48-51-D	
bản Cọ	DC	xã Quài Nura	H. Tuần Giáo	21° 38' 39"	103° 26' 17"						F-48-51-D	
bản Co Muồng	DC	xã Quài Nura	H. Tuần Giáo	21° 39' 12"	103° 28' 34"						F-48-51-D	
bản Cù	DC	xã Quài Nura	H. Tuần Giáo	21° 41' 06"	103° 24' 55"						F-48-51-D	
bản Giảng	DC	xã Quài Nura	H. Tuần Giáo	21° 39' 31"	103° 26' 00"						F-48-51-D	
trại Giồng	DC	xã Quài Nura	H. Tuần Giáo	21° 39' 36"	103° 27' 07"						F-48-51-D	
bản Lọng Trạng	DC	xã Quài Nura	H. Tuần Giáo	21° 38' 38"	103° 28' 26"						F-48-51-D	
bản Mạ Khúa	DC	xã Quài Nura	H. Tuần Giáo	21° 39' 44"	103° 24' 46"						F-48-51-D	
bản Minh Thắng	DC	xã Quài Nura	H. Tuần Giáo	21° 39' 07"	103° 26' 28"						F-48-51-D	
bản Noong Giảng	DC	xã Quài Nura	H. Tuần Giáo	21° 39' 47"	103° 25' 29"						F-48-51-D	
bản Noong Liếng	DC	xã Quài Nura	H. Tuần Giáo	21° 39' 47"	103° 27' 21"						F-48-51-D	
núi Pha Mu	SV	xã Quài Nura	H. Tuần Giáo	21° 38' 52"	103° 28' 31"						F-48-51-D	
núi Pha Nàng	SV	xã Quài Nura	H. Tuần Giáo	21° 38' 52"	103° 29' 11"						F-48-51-D	
dãy núi Pú Bút	SV	xã Quài Nura	H. Tuần Giáo	21° 39' 18"	103° 23' 22"						F-48-51-D	
núi Pú Nhung	SV	xã Quài Nura	H. Tuần Giáo	21° 40' 19"	103° 29' 26"						F-48-51-D	
bản Quang Vinh	DC	xã Quài Nura	H. Tuần Giáo	21° 40' 50"	103° 25' 44"						F-48-51-D	
quốc lộ 6A	KX	xã Quài Tờ	H. Tuần Giáo			21° 34' 57"	103° 25' 12"	21° 34' 23"	103° 28' 52"		F-48-51-D	
bản Ban	DC	xã Quài Tờ	H. Tuần Giáo	21° 33' 28"	103° 25' 22"						F-48-51-D	
bản Bông	DC	xã Quài Tờ	H. Tuần Giáo	21° 34' 41"	103° 25' 07"						F-48-51-D	
bản Biếng	DC	xã Quài Tờ	H. Tuần Giáo	21° 34' 18"	103° 25' 14"						F-48-51-D	
bản Bông	DC	xã Quài Tờ	H. Tuần Giáo	21° 33' 59"	103° 25' 23"						F-48-51-D	
nằm Ca	TV	xã Quài Tờ	H. Tuần Giáo			21° 33' 59"	103° 27' 06"	21° 33' 57"	103° 25' 38"		F-48-51-D	
bản Cháng	DC	xã Quài Tờ	H. Tuần Giáo	21° 34' 43"	103° 25' 28"						F-48-51-D	
bản Chính	DC	xã Quài Tờ	H. Tuần Giáo	21° 33' 52"	103° 28' 23"						F-48-51-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
bản Có bản Ến bản Hới Cường bản Hới Nọ I bản Hới Nọ II bản Hua Ca	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 33' 43"	103° 28' 14"						F-48-51-D	
	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 32' 59"	103° 25' 37"						F-48-51-D	
	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 32' 31"	103° 25' 58"						F-48-51-D	
	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 32' 45"	103° 25' 38"						F-48-51-D	
	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 32' 35"	103° 25' 43"						F-48-51-D	
	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 33' 32"	103° 28' 53"						F-48-51-D	
	TV	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo			21° 34' 41"	103° 27' 41"	21° 33' 59"	103° 27' 03"		F-48-51-D	
	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 33' 40"	103° 27' 59"						F-48-51-D	
	TV	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 33' 49"	103° 26' 49"			21° 33' 49"	103° 27' 51"		F-48-51-D	
	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 34' 34"	103° 27' 03"						F-48-51-D	
bản Môn bản Na Hốc bản Ngựa Ngoài bản Ngựa Trong bản Pom Ban bản Xôm	TV	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo			21° 32' 35"	103° 25' 48"	21° 33' 57"	103° 25' 38"		F-48-51-D	
	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 33' 08"	103° 25' 54"						F-48-51-D	
	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 33' 52"	103° 25' 42"						F-48-51-D	
	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 33' 59"	103° 27' 50"						F-48-51-D	
	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 33' 48"	103° 27' 38"						F-48-51-D	
	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 34' 12"	103° 25' 42"						F-48-51-D	
	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 33' 59"	103° 26' 18"						F-48-51-D	
	TV	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo			21° 45' 23"	103° 28' 22"	21° 44' 54"	103° 27' 43"		F-48-51-D	
	DC	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo	21° 45' 33"	103° 28' 17"						F-48-51-B	
	DC	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo	21° 46' 13"	103° 27' 54"						F-48-51-B	
bản Háng A núi Háng Đông Đàng suối Háng Pàng núi Hang Vừng núi Lạng Trạng bản Môn nặm Mu suối Mỹ Làng bản Nặm Mu bản Noong Luông	DC	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo	21° 45' 52"	103° 24' 31"						F-48-51-B	
	SV	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo	21° 49' 34"	103° 30' 46"						F-48-52-A	
	TV	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo			21° 46' 32"	103° 27' 32"	21° 45' 15"	103° 27' 18"		F-48-51-B	
	SV	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo	21° 47' 31"	103° 29' 36"						F-48-51-B	
	SV	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo	21° 44' 26"	103° 26' 36"						F-48-51-B	
	SV	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo	21° 45' 13"	103° 25' 20"						F-48-51-D	
	DC	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo			21° 45' 15"	103° 27' 18"	21° 44' 55"	103° 24' 38"		F-48-51-B	
	TV	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo			21° 48' 32"	103° 26' 45"	21° 48' 36"	103° 26' 18"		F-48-51-B	
	TV	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo								F-48-51-B	
	DC	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo	21° 45' 40"	103° 26' 02"						F-48-51-B	
DC	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo	21° 45' 06"	103° 28' 28"						F-48-51-B		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ		Kinh độ		Vĩ độ			Kinh độ	
				(độ,phút,giây)	(độ,phút,giây)	(độ,phút,giây)	(độ,phút,giây)	(độ,phút,giây)	(độ,phút,giây)		(độ,phút,giây)	(độ,phút,giây)
núi Pôm Păng	SV	xã Rạng Đông	H. Tuấn Giáo	21° 50' 344"	103° 28' 01"					F-48-51-B		
bản Rạng Đông	DC	xã Rạng Đông	H. Tuấn Giáo	21° 45' 30"	103° 26' 10"					F-48-51-B		
núi Trung Chủ	SV	xã Rạng Đông	H. Tuấn Giáo	21° 48' 49"	103° 28' 51"					F-48-51-B		
núi Hai Cẩn	SV	xã Ta Ma	H. Tuấn Giáo	21° 42' 05"	103° 30' 42"					F-48-52-C		
bản Hàng Chua	DC	xã Ta Ma	H. Tuấn Giáo	21° 43' 55"	103° 31' 29"					F-48-52-C		
bản Kề Cài	DC	xã Ta Ma	H. Tuấn Giáo	21° 41' 40"	103° 33' 00"					F-48-52-C		
núi Kha Tau	SV	xã Ta Ma	H. Tuấn Giáo	21° 44' 53"	103° 31' 26"					F-48-52-C		
núi Khó Chua	SV	xã Ta Ma	H. Tuấn Giáo	21° 43' 48"	103° 30' 16"					F-48-52-C		
bản Nà Đáng	DC	xã Ta Ma	H. Tuấn Giáo	21° 43' 18"	103° 32' 32"					F-48-52-C		
bản Phình Cừ	DC	xã Ta Ma	H. Tuấn Giáo	21° 45' 12"	103° 30' 31"					F-48-52-A		
núi Phủng Khen Hắc	SV	xã Ta Ma	H. Tuấn Giáo	21° 40' 33"	103° 35' 36"					F-48-52-C		
núi Sáng Lương	SV	xã Ta Ma	H. Tuấn Giáo	21° 41' 10"	103° 34' 55"					F-48-52-C		
bản Thớt Tỷ	DC	xã Ta Ma	H. Tuấn Giáo	21° 44' 01"	103° 29' 23"					F-48-51-D		
bản Trạm Cù	DC	xã Ta Ma	H. Tuấn Giáo	21° 45' 09"	103° 33' 13"					F-48-52-A		
huổi Anh	TV	xã Tênh Phông	H. Tuấn Giáo			21° 31' 39"	103° 24' 41"	21° 33' 57"	103° 23' 40"	F-48-51-D		
há Chua Tác	TV	xã Tênh Phông	H. Tuấn Giáo			21° 29' 03"	103° 25' 42"	21° 29' 34"	103° 26' 55"	F-48-63-B		
bản Há Dừa	DC	xã Tênh Phông	H. Tuấn Giáo	21° 28' 27"	103° 26' 10"					F-48-63-B		
bản Huổi Anh	DC	xã Tênh Phông	H. Tuấn Giáo	21° 32' 46"	103° 24' 12"					F-48-51-D		
nhóm Pá Ca	DC	xã Tênh Phông	H. Tuấn Giáo	21° 28' 41"	103° 26' 34"					F-48-63-B		
bản Ten Hon	DC	xã Tênh Phông	H. Tuấn Giáo	21° 30' 37"	103° 25' 49"					F-48-51-D		
núi Thầm Kha	SV	xã Tênh Phông	H. Tuấn Giáo	21° 32' 47"	103° 24' 47"					F-48-51-D		
bản Thầm Nặm	DC	xã Tênh Phông	H. Tuấn Giáo	21° 30' 39"	103° 27' 00"					F-48-51-D		
núi Thầm Phúc	SV	xã Tênh Phông	H. Tuấn Giáo	21° 27' 53"	103° 26' 05"					F-48-63-B		
bản Xá Tự	DC	xã Tênh Phông	H. Tuấn Giáo	21° 27' 14"	103° 26' 10"					F-48-63-B		
bản Ché Á	DC	xã Tỏa Tinh	H. Tuấn Giáo	21° 35' 26"	103° 27' 24"					F-48-51-D		
bản Hàng Tàu	DC	xã Tỏa Tinh	H. Tuấn Giáo	21° 33' 49"	103° 30' 29"					F-48-52-C		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ,phút,gây)	(độ,phút,gây)	(độ,phút,gây)	(độ,phút,gây)	(độ,phút,gây)	(độ,phút,gây)	
bản Hua Sa A	DC	xã Tòa Tinh	H. Tuần Giáo	21° 35' 32"	103° 29' 17"					F-48-51-D
bản Hua Sa B	DC	xã Tòa Tinh	H. Tuần Giáo	21° 34' 35"	103° 28' 58"					F-48-51-D
bản Lồng	DC	xã Tòa Tinh	H. Tuần Giáo	21° 35' 36"	103° 31' 17"					F-48-52-C
bản Sông Ia	DC	xã Tòa Tinh	H. Tuần Giáo	21° 36' 14"	103° 28' 42"					F-48-51-D

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Minh Ngọc